

Tuần 1

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết: 1

KHÁI QUÁT VĂN HỌC VIỆT NAM TỪ CÁCH MẠNG THÁNG TÁM 1945 ĐẾN HẾT THẾ KỈ XX

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

Nêu được hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa của giai đoạn VH-Nêu được chủ đề, những thành tựu của các thể loại qua các chặng đường phát triển.

Ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử xã hội văn hóa đến sự phát triển của văn học. Những đóng góp nổi bật của giai đoạn văn học 1945-1975, 1975 đến hết XX. Lý giải nguyên nhân của những hạn chế

- Những đặc điểm cơ bản, những thành tựu lớn của văn học Việt Nam từ cách mạng tháng tám năm 1945 đến năm 1975.
- Những đổi mới bước đầu của văn học Việt Nam từ năm 1975 đến hết thế kỉ XX

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến giai đoạn văn học từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX..
- Năng lực đọc – hiểu các tác phẩm văn học Việt Nam từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX.
- Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về giai đoạn văn học.
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về thành tựu, hạn chế, những đặc điểm cơ bản, giá trị của những tác phẩm văn học của giai đoạn này
- Năng lực phân tích, so sánh đặc điểm của giai đoạn từ sau Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX so với các giai đoạn khác.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Tranh ảnh về nhà văn, hình ảnh, phim *Vợ chồng A Phủ*, ;
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh: SGK, SBT Ngữ văn 12 (tập 2), soạn bài theo hệ thống câu hỏi hướng dẫn học bài, vở ghi.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu ngữ liệu trên màn hình chiếu

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn học văn học hiện đại Việt Nam từ năm 1945 đến hết thế kỉ XX bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

1. Ai là tác giả của bài thơ Đồng chí:

a/ Xuân Diệu

b/ Tố Hữu

c/ Chính Hữu

d/ Phạm Tiến Duật

2/ Nguyễn Duy là tác giả của bài thơ nào sau đây:

a/ Mùa xuân nho nhỏ

b/ Ánh trăng

c/ Đoàn thuyền đánh cá

d/ Viếng Lăng Bác

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gợi ý trả lời: 1d;2b**

- **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học một số nhà thơ, nhà văn tiêu biểu trong văn học Việt Nam qua các thời kì kháng chiến chống Pháp (như Chính Hữu), chống Mỹ và sau 1975 (như bài Ánh trăng của Nguyễn Duy). Như vậy, văn học Việt Nam từ 1945 đến hết thế kỉ XX có gì nổi bật?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975

a) Mục tiêu: Tìm hiểu khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS**DỰ KIẾN SẢN PHẨM**

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

- GV cho HS tìm hiểu (qua trao đổi

I/ Khái quát văn học Việt Nam từ cách mạng tháng Tám 1945- 1975:

nhóm, hoặc cá nhân: HS thảo luận theo nhóm, chia thành 4 nhóm :(5-7 phút)

Nhóm 1: *VHVN 1945 – 1975 tồn tại và phát triển trong hoàn cảnh lịch sử như thế nào? Trong hoàn cảnh LS ấy vấn đề đặt lên hàng đầu và chi phối mọi lĩnh vực đời sống là gì? Theo em nhiệm vụ hàng đầu của văn học trong giai đoạn này là gì? Văn học giai đoạn 1945 đến 1975 phát triển qua mấy chặng?*

Nhóm 2 Từ HCLS đó, VH có những đặc điểm nào? Nêu và giải thích, chứng minh những đặc điểm lớn của văn học giai đoạn này?

Nhóm 3: *Thế nào là khuynh hướng sử thi? Điều này thể hiện như thế nào trong VH?*

Nhóm 4: *VH mang cảm hứng lãng mạn là VH như thế nào? Hãy giải thích phân tích đặc điểm này của VH 45-75 trên cơ sở hoàn cảnh XH?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

Kết quả mong đợi:

Nhóm 1 trả lời, các nhóm khác bổ sung:

Hoàn cảnh lịch sử :

- Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt & kéo dài suốt 30 năm.
- Điều kiện giao lưu văn hoá không tránh khỏi hạn chế. Sự tiếp xúc với văn hóa nước ngoài chủ yếu là Liên Xô (cũ) và Trung Quốc.

- Các chặng đường VH:

+Chặng đường từ năm 1945-1954:

+Chặng đường từ 1955-1964:

1. Vài nét về hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá:

- Văn học vận động và phát triển dưới sự lãnh đạo sáng suốt và đúng đắn của Đảng
- Cuộc chiến tranh giải phóng dân tộc vô cùng ác liệt kéo dài suốt 30 năm.
- Điều kiện giao lưu văn hoá với nước ngoài bị hạn chế, nền kinh tế nghèo nàn chậm phát triển .

2.Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu:

a. Chặng đường từ năm 1945-1954:

- VH tập trung phản ánh cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp của nhân dân ta

- Thành tựu tiêu biểu: Truyện ngắn và kí. Từ 1950 trở đi xuất hiện một số truyện, kí khá dày dặn.(D/C SGK).

b. Chặng đường từ 1955-1964:

- Văn xuôi mở rộng đề tài.
- Thơ ca phát triển mạnh mẽ.
- Kịch nói cũng có một số thành tựu đáng kể.(D/C SGK).

c. Chặng đường từ 1965-1975:

- Chủ đề bao trùm là đề cao tinh thần yêu nước, ngợi ca chủ nghĩa anh hùng cách mạng.

- Văn xuôi tập trung phản ánh cuộc sống chiến đấu và lao động, khắc hoạ thành công hình ảnh con người VN anh dũng, kiên cường, bất khuất.(Tiêu biểu là thể loại Truyện-kí cả ở miền Bắc và miền Nam).

- Thơ đạt được nhiều thành tựu xuất sắc, thực sự là một bước tiến mới của thơ ca VN hiện đại

- Kịch cũng có những thành tựu đáng ghi nhận.(D/C SGK).

d. Văn học vùng địch tạm chiếm:

+Chặng đường từ 1965-1975:

Nhóm 2 trả lời, các nhóm khác bổ sung:

- a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.
- Văn học được xem là một vũ khí phục vụ đắc lực cho sự nghiệp cách mạng, nhà văn là chiến sĩ trên mặt trận văn hoá.
 - Văn học tập trung vào 2 đề tài lớn đó là Tổ quốc và Chủ nghĩa xã hội (thường gắn bó, hoà quyện trong mỗi tác phẩm)=> Tạo nên diện mạo riêng cho nền VH giai đoạn này.
- b. Một nền văn học hướng về đại chúng.
- Đại chúng vừa là đối tượng phản ánh và phục vụ vừa là nguồn cung cấp bổ sung lực lượng sáng tác cho văn học.
 - Nội dung, hình thức hướng về đối tượng quần chúng nhân dân cách mạng.

c. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn
Nhóm 3 trả lời, các nhóm khác bổ sung:

- Khuynh hướng sử thi thể hiện ở những phương diện sau:
 - . Đề cập đến những vấn đề có ý nghĩa lịch sử và có tính chất toàn dân tộc.
 - . Nhân vật chính là những người đại diện cho tinh hoa khí phách, phẩm chất, ý chí của cộng đồng dân tộc, tiêu biểu cho lí tưởng cộng đồng hơn là khát vọng cá nhân
 - . Con người do vậy chủ yếu được khai thác ở khía cạnh bổn phận trách nhiệm công dân, ở tình cảm lớn, lẽ sống lớn.
 - . Lời văn sử thi thường mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng, hào hùng.
- Nhóm 4 trả lời, các nhóm khác bổ sung:**

- Xu hướng chính thống: Xu hướng phản động (Chống cộng, đòi truy bào lực...)
- Xu hướng VH yêu nước và cách mạng : + Nội dung phủ định chế độ bất công tàn bạo, lên án bọn cướp nước, bán nước, thức tỉnh lòng yêu nước và tinh thần dân tộc...

+ Hình thức thể loại gọn nhẹ:

- Truyện ngắn, thơ, phóng sự, bút kí
- Ngoài ra còn có một sáng tác có nội dung lành mạnh, có giá trị nghệ thuật cao. Nội dung viết về hiện thực xã hội, về đời sống văn hoá, phong tục, thiên nhiên đất nước, về vẻ đẹp con người lao động...

3. Những đặc điểm cơ bản của VHVN 1945-1975:

- a. Một nền VH chủ yếu vận động theo hướng cách mạng hoá, gắn bó sâu sắc với vận mệnh chung của đất nước.

- b. Một nền văn học hướng về đại chúng.

- c. Một nền văn học mang khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn
- Khuynh hướng sử thi được thể hiện trong văn học ở các mặt sau:

+ **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.

+ **Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.

+ **Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.

+ **Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại.

- Cảm hứng lãng mạn:

<p>- Cảm hứng lãng mạn: Là cảm hứng khẳng định cái Tôi đầy tình cảm xúc và hướng tới lí tưởng: tập trung miêu tả và khẳng định phương diện lí tưởng của cuộc sống mới, con người mới. Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và hướng tới tương lai tươi sáng của dân tộc.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p> <p>GV bổ sung:</p> <p>+ <i>Thực hiện xuất sắc nhiệm vụ lịch sử; thể hiện hình ảnh con người Việt Nam trong chiến đấu và lao động.</i></p> <p>+ <i>Tiếp nối và phát huy những truyền thống tư tưởng lớn của dân tộc: truyền thống yêu nước, truyền thống nhân đạo và chủ nghĩa anh hùng.</i></p> <p>+ <i>Những thành tựu nghệ thuật lớn về thể loại, về khuynh hướng thẩm mĩ, về đội ngũ sáng tác, đặc biệt là sự xuất hiện những tác phẩm lớn mang tầm thời đại.</i></p> <p>+ <i>Tuy vậy, văn học thời kì này vẫn có những hạn chế nhất định: giản đơn, phiến diện, công thức...</i></p>	<p>- Là cảm hứng khẳng định cái tôi đặt vào tình cảm hướng tới cách mạng</p> <p>- Biểu hiện:</p> <p>+ Ngợi ca cuộc sống mới, con người mới,</p> <p>+ Ca ngợi chủ nghĩa anh hùng CM và tin tưởng vào tương lai tươi sáng của dân tộc.</p> <p>→ Cảm hứng nâng đỡ con người vượt lên những chặng đường chiến tranh gian khổ, máu lửa, hi sinh.</p> <p>=> Khuynh hướng sử thi và cảm hứng lãng mạn kết hợp hoà quyện làm cho văn học giai đoạn này thấm đậm tinh thần lạc quan, tin tưởng và do vậy VH đã làm tròn nhiệm vụ phục vụ đắc lực cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc thống nhất đất nước.</p>
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu văn học VN từ sau 1975 đến hết TK XX</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được đặc điểm văn học VN</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm:</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>* GV đặt câu hỏi:</p> <p><i>1. Theo em hoàn cảnh LS của đất</i></p>	<p>II/ Văn học VN từ sau 1975- hết thế kỉ XX .</p> <p>1/ Hoàn cảnh lịch sử, xã hội, văn hoá VN từ sau 1975:</p>

nước giai đoạn này có gì khác trước? Hoàn cảnh đó đã chi phối đến quá trình phát triển của VH như thế nào?

Những chuyển biến của văn học diễn ra cụ thể ra sao?

Ý thức về quan niệm nghệ thuật được biểu hiện như thế nào?

2. Theo em vì sao VH phải đổi mới? Thành tựu chủ yếu của quá trình đổi mới là gì? (Câu hỏi 4 SGK)

Trong quan niệm về con người trong VH sau 1975 có gì khác trước?

Hãy chứng minh qua một số tác phẩm mà em đã đọc?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời
+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi

1. Đại thắng mùa xuân năm 1975 mở ra một thời kì mới-thời kì độc lập tự do thống nhất đất nước-mở ra vận hội mới cho đất nước

-\2. Từ năm 1975-1985 đất nước trải qua những khó khăn thử thách sau chiến tranh.

- Từ 1986 Đất nước bước vào công cuộc đổi mới toàn diện, nền kinh tế từng bước chuyển sang nền kinh tế thị trường, văn hoá có điều kiện tiếp xúc với nhiều nước trên thế giới, văn học dịch,

2/Những chuyển biến và một số thành tựu ban đầu của văn học sau 1975 đến hết thế kỉ XX:

=>Nhìn chung về văn học sau 1975

- Văn học đã từng bước chuyển sang giai đoạn đổi mới và vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản và nhân văn sâu sắc.

- VH cũng phát triển đa dạng hơn về đề tài, phong phú, mới mẻ hơn về bút pháp, cá tính sáng tạo của nhà văn được phát huy .

- Nét mới của VH giai đoạn này là tính hướng nội, đi vào hành trình tìm kiếm bên trong, quan tâm nhiều hơn đến số phận con người trong những hoàn cảnh phức tạp của đời sống.

- Tuy nhiên VH giai đoạn này cũng có những

<p>báo chí và các phương tiện truyền thông phát triển mạnh mẽ...</p> <p>=> Những điều kiện đó đã thúc đẩy nền văn học đổi mới cho phù hợp với nguyện vọng của nhà văn, người đọc cũng như phù hợp quy luật phát triển khách quan của nền văn học.</p> <p>- Từ sau 1975, thơ chưa tạo được sự lôi cuốn hấp dẫn như các giai đoạn trước. Tuy nhiên vẫn có một số tác phẩm ít nhiều gây chú ý cho người đọc (Trong đó có cả những cây bút thuộc thế hệ chống Mỹ và những cây bút thuộc thế hệ nhà thơ sau 1975).</p> <p>- Từ sau 1975 văn xuôi có nhiều thành tựu hơn so với thơ ca. Nhất là từ đầu những năm 80. Xu thế đổi mới trong cách viết cách tiếp cận hiện thực ngày càng rõ nét với nhiều tác phẩm của Nguyễn Mạnh Tuấn, Ma Văn Kháng, Nguyễn Khải.</p> <p>- Từ năm 1986 văn học chính thức bước vào thời kì đổi mới : Gắn bó với đời sống, cập nhật những vấn đề của đời sống hàng ngày. Các thể loại phóng sự, truyện ngắn, bút kí, hồi kí... đều có những thành tựu tiêu biểu.</p> <p>- Thể loại kịch từ sau 1975 phát triển mạnh mẽ (Lưu Quang Vũ, Xuân Trinh...)</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>hạn chế: đó là những biểu hiện quá đà, thiếu lành mạnh hoặc nảy sinh khuynh hướng tiêu cực, nói nhiều tới các mặt trái của xã hội...</p> <p>III/ Kết luận: (Ghi nhớ- SGK)</p> <p>- VHVN từ CM tháng Tám 1945-1975 hình thành và phát triển trong một hoàn cảnh đặc biệt, trải qua 3 chặng, mỗi chặng có những thành tựu riêng, có 3 đặc điểm cơ bản...</p> <p>- Từ sau 1975, nhất là từ năm 1986, VHVN bước vào thời kì đổi mới, vận động theo hướng dân chủ hoá, mang tính nhân bản, nhân văn sâu sắc; có tính chất hướng nội, quan tâm đến số phận cá nhân trong hoàn cảnh phức tạp của cuộc sống đời thường, có nhiều tìm tòi đổi mới về nghệ thuật.</p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh

Trước 1975:	Sau 1975
--------------------	-----------------

<ul style="list-style-type: none"> - Con người lịch sử. - Nhân mạnh ở tính giai cấp. - Chỉ được khắc hoạ ở phẩm chất chính trị, tinh thần cách mạng - Tình cảm được nói đến là t/c đồng bào, đồng chí, t/c con người mới - Được mô tả ở đời sống ý thức 	<ul style="list-style-type: none"> - Con người cá nhân trong quan hệ đời thường. (<i>Mùa lá rụng trong vườn</i> - Ma Văn Kháng, <i>Thời xa vắng</i> - Lê Lưu, <i>Tướng về hưu</i> – Nguyễn Huy Thiệp...) - Nhân Mạnh ở tính nhân loại. (<i>Cha và con và...</i> - Nguyễn Khải, <i>Nỗi buồn chiến tranh</i> – Bảo Ninh...) - Còn được khắc hoạ ở phương diện tự nhiên, bản năng... - Con người được thể hiện ở đời sống tâm linh. (<i>Mảnh đất lắm người nhiều ma</i> của Nguyễn Khắc Trường, <i>Thanh minh trời trong sáng</i> của Ma Văn Kháng...)
--	---

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ HS đọc và trả lời câu hỏi:

Lập bảng so sánh: Đổi mới trong quan niệm về con người trong văn học Việt Nam trước và sau năm 1975?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời

- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

- Khuynh hướng sử thi: được thể hiện trong văn ở các mặt sau:

+ **Đề tài:** Tập trung phản ánh những vấn đề có ý nghĩa sống còn của đất nước: Tổ quốc còn hay mất, tự do hay nô lệ.

+ **Nhân vật chính:** là những con người đại diện cho phẩm chất và ý chí của dân tộc; gắn bó số phận cá nhân với số phận đất nước; luôn đặt lẽ sống của dân tộc lên hàng đầu.

+ **Lời văn** mang giọng điệu ngợi ca, trang trọng và đẹp tráng lệ, hào hùng.

+ **Người cầm bút** có tầm nhìn bao quát về lịch sử, dân tộc và thời đại

- Cảm hứng lãng mạn: Tuy còn nhiều khó khăn gian khổ, nhiều mất mát, hy sinh nhưng lòng vẫn tràn đầy mơ ước, vẫn tin tưởng vào tương lai tươi sáng của đất nước. Cảm hứng lãng mạn đã nâng đỡ con người VN vượt lên mọi thử thách hướng tới chiến thắng.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Tr/bày ngắn gọn về khuynh hướng sử thi và c/hứng lãng mạn của nền VHVN 1945 – 1975.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Hướng dẫn về nhà (1 phút)

- Phân tích, đánh giá các đặc điểm cơ bản, thành tựu và những hạn chế của VH giai đoạn 1975 đến hết thế kỷ XX.

- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một tư tưởng đạo lý

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 3:

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT TƯ TƯỞNG ĐẠO LÝ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lý;

- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý (luận đề)

- Nội dung, yêu cầu của bài văn NL về một tư tưởng, đạo lý.

- Các thức triển khai bài văn NL về một tư tưởng, đạo lý.

2. Năng lực:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;
- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một tư tưởng, đạo lý; hiện tượng đời sống
- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Những câu danh ngôn, những câu châm ngôn quen thuộc; những mẫu tin trên báo chí mang tính thời sự
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- + Chuẩn bị SGK, vở ghi đầy đủ
- + Chuẩn bị phiếu trả lời câu hỏi theo mẫu.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:
- **GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi trắc nghiệm:** hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

1/ Đề văn nào dưới đây không thuộc loại nghị luận về một tư tưởng đạo lí?

a. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói: Cái nét đánh chết cái đẹp

b. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu khẩu hiệu : Học để biết, học để làm, học để chung sống, học để tự khẳng định mình.

c. Anh/ chị suy nghĩ như thế nào về câu nói : Làm người thì không nên có cái tôi...nhưng làm thơ thì không thể không có cái tôi.

d. Qua bài thơ Vội vàng, anh(chị) có suy nghĩ như thế nào về quan niệm sống của nhà thơ Xuân Diệu?

- HS thực hiện nhiệm vụ:
- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: c
- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một tư tưởng, đạo lí nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung**

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về văn nghị luận

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:**HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS****DỰ KIẾN SẢN PHẨM****Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ**

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

Kết quả mong đợi:

HS dựa vào phần tìm hiểu đề để lập dàn ý:

A. Mở bài:

- Giới thiệu về cách sống của thanh niên hiện nay.

- Dẫn câu thơ của Tố Hữu.

B. Thân bài:

- Giải thích thế nào là sống đẹp?

- Các biểu hiện của sống đẹp:

+ *lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp.

+ *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu.

+ *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt.

+ *hành động* tích cực, lương thiện...

Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.

C. Kết bài: Khẳng định ý nghĩa của sống đẹp.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

người” cần nhận thức đúng và rèn luyện tích cực.

- Để *sống đẹp*, mỗi người cần xác định: *lí tưởng* (mục đích sống) đúng đắn, cao đẹp; *tâm hồn, tình cảm* lành mạnh, nhân hậu; *trí tuệ* (kiến thức) mỗi ngày thêm mở rộng, sáng suốt; *hành động* tích cực, lương thiện... Với thanh niên, HS, muốn trở thành người *sống đẹp*, cần thường xuyên học tập và rèn luyện để từng bước hoàn thiện nhân cách.

- Dẫn chứng chủ yếu dùng tư liệu thực tế, có thể lấy dẫn chứng trong thơ văn nhưng không cần nhiều.

b. Lập dàn ý:

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng.

GV bổ sung:

- Như vậy, bài làm có thể hình thành 4 nội dung để trả lời câu hỏi cả Tổ Hữu: lí tưởng đúng đắn; tâm hồn lành mạnh; trí tuệ sáng suốt; hành động tích cực.
- Với đề văn này, có thể sử dụng các thao tác lập luận như: giải thích (*sống đẹp*); phân tích (các khía cạnh biểu hiện của *sống đẹp*); chứng minh, bình luận (nêu những tấm gương người tốt, bàn cách thức rèn luyện để sống đẹp,; phê phán lối sống ích kỉ, vô trách nhiệm, thiếu ý chí, nghị lực,...).

Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV hướng dẫn HS sơ kết, nêu hiểu biết về cách làm bài văn nghị luận về một vấn đề tư tưởng đạo lí.

- **Hướng dẫn HS** củng cố kiến thức qua phần ghi nhớ trong SGK.

-HS nêu phương pháp làm bài qua phần luyện tập .

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

II. Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng, đạo lí:

Ghi nhớ: (SGK).

1. Mở bài: Giới thiệu tư tưởng, đạo lí cần bàn luận, trích dẫn (nếu đề đưa ý kiến, nhận định).

2. Thân bài:

a. *Giải thích*, nêu nội dung vấn đề cần bàn luận. Trong trường hợp cần thiết, người viết chú ý giải thích các khái niệm, các vế và rút ra ý khái quát của vấn đề.

* Lưu ý: Cần giới thiệu vấn đề một cách ngắn gọn, rõ ràng, tránh trình

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

bày chung chung. Khâu

<p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>này rất quan trọng, có ý nghĩa định hướng cho toàn bài.</p> <p>b. <i>Phân tích</i> vấn đề trên nhiều khía cạnh, chỉ ra biểu hiện cụ thể.</p> <p>c. <i>Chứng minh</i>: Dùng dẫn chứng để làm sáng tỏ vấn đề.</p> <p>d. <i>Bàn bạc</i> vấn đề trên các phương diện, khía cạnh: đúng- sai, tốt- xấu, tích cực- tiêu cực, đóng góp- hạn chế,...</p> <p>* Lưu ý: Sự bàn bạc cần khách quan, toàn diện, khoa học, cụ thể, chân thực, sáng tạo của người viết.</p> <p>e. Khẳng định ý nghĩa của vấn đề trong lí luận và thực tiễn đời sống.</p> <p>3. Kết bài: Liên hệ, rút ra bài học nhận thức và hoạt động về tư tưởng đạo lí (trong gia đình, nhà trường, ngoài xã hội)</p>
<p>Hoạt động 2: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: HS vận dụng lí thuyết vào làm bài tập</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>Hướng dẫn HS luyện tập củng cố kiến thức</p> <p>-Yêu cầu HS đọc kĩ 2 bài tập trong SGK và thực hành theo các câu hỏi.</p>	<p>II/ Luyện tập:</p> <p>1. Bài tập 1:</p>

Bài 2: GV có thể đặt ra một số yêu cầu cụ thể cho HS:

a. Lập dàn ý

b. Viết thành bài văn nghị luận hoàn chỉnh

- GV cho HS chia nhóm thảo luận dàn ý sau đó định hướng trở lại để HS viết thành bài văn hoàn chỉnh

- GV kiểm tra, nhận xét, cho điểm một số bài làm của HS

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung (nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

Bài tập 1:

HS làm việc cá nhân và trình bày ngắn gọn, lớp theo dõi, nhận xét bổ sung

+ Vấn đề mà Nê- ru bàn luận là phẩm chất văn hoá trong nhân cách của mỗi con người.

+ Có thể đặt tiêu đề cho văn bản là: “*Thế nào là con người có văn hoá?*” Hay “*Một trí tuệ có văn hoá*”

+ Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận: Giải thích (đoạn 1), phân tích (đoạn 2), bình luận (đoạn 3)

+ Cách diễn đạt rất sinh động: (GT: đưa ra câu hỏi và tự trả lời. PT: trực tiếp đối thoại với người đọc tạo sự gần gũi thân mật. BL: viện dẫn đoạn thơ của một nhà thơ HI lập vừa tóm lược các luận điểm vừa tạo ấn tượng nhẹ nhàng, dễ nhớ, hấp dẫn

Bài tập 2: Hs về nhà làm dựa theo gợi ý SGK (Lập dàn ý hoặc viết bài)

- **Mở bài:**

+ Vai trò lí tưởng trong đời sống con người.

+ Có thể trích dẫn nguyên văn câu nói của Lep Tônxtôi

- **Thân bài:**

+ Giải thích: lí tưởng là gì?

+ Phân tích vai trò, giá trị của lí tưởng: Ngọn đèn chỉ đường, dẫn lối cho con người.

Dẫn chứng: lí tưởng yêu nước của Hồ Chí Minh.

2. Bài 2/ SGK/22:

a. **Dàn ý:**

b. Viết văn bản:

<p>+ Bình luận: Vì sao sống cần có lí tưởng?</p> <p>+ Suy nghĩ của bản thân đối với ý kiến của nhà văn.</p> <p>Từ đó, lựa chọn và phấn đấu cho lí tưởng sống.</p> <p>- Kết bài:</p> <p>+ Lí tưởng là thước đo đánh giá con người.</p> <p>+ Nhắc nhở thế hệ trẻ biết sống vì lí tưởng.</p>	
<p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:</p> <p>a. <i>Yêu cầu nội dung:</i> Tự học với học sinh hiện nay là rất cần thiết, bài văn cần có bốn ý sau:</p> <ol style="list-style-type: none"> 1. Giải thích về “học” và “tự học”. 2. Đưa các lí lẽ, dẫn chứng để khẳng định tự học đối với học sinh hiện nay là rất cần thiết. 3. Phê phán không tự học, dựa dẫm, ỷ lại,... 4. Rút ra bài học nhận thức và hành động từ việc tìm hiểu về tự học. <p>b. <i>Yêu cầu về thao tác nghị luận:</i> Thường sử dụng kết hợp các thao tác sau:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thao tác trình bày luận điểm: Gồm hai thao tác diễn dịch và qui nạp (nên sử dụng diễn dịch). - Thao tác làm rõ luận điểm gồm: Thao tác giải thích để làm rõ nội dung ý kiến hay khái niệm ở đề bài. Thao tác phân tích để chia tách vấn đề thành nhiều khía cạnh, chỉ ra các biểu hiện cụ thể của vấn đề. Thao tác chứng minh để làm sáng tỏ vấn đề. Thao tác bình luận để khẳng định vấn đề. Thao tác bác bỏ để phê phán, phủ nhận khía cạnh sai lệch. <p>c. <i>Yêu cầu về phạm vi tư liệu</i> (dẫn chứng): Bài nghị luận xã hội chủ yếu lấy dẫn chứng trong thực tế đời sống.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>Xác định 3 yêu cầu khi làm đề sau: phát biểu ý kiến về vai trò của tự học đối với học sinh hiện nay.</p> <ul style="list-style-type: none"> - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức. 	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

LẬP DÀN Ý**I/. Mở bài:**

- Nêu ý: Có người vào thư viện đọc sách, có người mua sách. Nhận định: Đọc sách có nhiều tác dụng.

II/. Thân bài:

1/. Nêu ví dụ từ đó giải thích: “Sách” là kho tàng tri thức, kỹ năng. “Đọc sách” là hoạt động tiếp thu tri thức, kỹ năng.

2/. Nêu các ví dụ và phân tích tác dụng của đọc sách:

- Mở mang hiểu biết...
- Bồi dưỡng tư tưởng, tình cảm...
- Có thêm nhiều kỹ năng...
- Có tác dụng giải trí...

3/. Phê phán người không quý trọng sách, lười đọc, đọc không lựa chọn, không đúng lúc.

4/. Bài học:

- Nhận thức tầm quan trọng của đọc sách.
- Hành động: Đọc sách liên quan đến học tập. Còn cần đọc thêm sách khác. Biết chọn sách, đọc đúng lúc.

III/. Kết bài: Đánh giá chung tác dụng của đọc sách, mọi người cần đọc sách.

d) Tổ chức thực hiện:

- *GV giao nhiệm vụ:* Anh/chị hãy viết một bài văn ngắn (không quá 400 từ) phát biểu ý kiến về tác dụng của việc đọc sách.
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*
- *GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)**

- Cách làm bài nghị luận về một tư tưởng đạo lý (Tìm hiểu đề, lập dàn ý, diễn đạt, vận dụng các thao tác lập luận để khẳng định hoặc bác bỏ
- Cần chú ý tiếp thu những quan niệm tích cực, tiến bộ và biết phê phán, bác bỏ những quan niệm sai trái, lệch lạc.

- Chuẩn bị bài: TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP

Tuần 2

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

Tiết: 4**TUYÊN NGÔN ĐỘC LẬP
(PHẦN I – TÁC GIẢ)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác
- Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả
- Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật HCM.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác giả văn học
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về tác giả Hồ Chí Minh.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Hình ảnh , phim ảnh về Hồ Chí Minh
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước văn bản về tiểu sử và sự nghiệp văn học Hồ Chí Minh
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập
- Sưu tầm tranh, ảnh Tranh, ảnh chân dung của Nguyễn Ái Quốc - Hồ Chí Minh, khi Người hoạt động ở Pháp, khi là Chủ tịch nước, trong thời kì kháng chiến chống Pháp.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV TỔ CHỨC TRÒ CHƠI Ô CHỮ về chủ đề truyện Vợ nhặt để tạo không khí sôi động đầu giờ học.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về HCM bằng cách cho HS:

- Xem chân dung

- Xem một đoạn videoclip về HCM

- Nghe một đoạn bài hát Viếng lăng Bác (phỏng thơ Viễn Phương)

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: *Chủ tịch Hồ Chí Minh là người đặt nền móng, người mở đường cho văn học cách mạng. Sự nghiệp văn học của Người rất đặc sắc về nội dung tư tưởng, phong phú đa dạng về thể loại và phong cách sáng tác. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.*

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu Tiểu sử- Quan điểm sáng tác (10 phút).

a) Mục tiêu: hiểu được tiểu sử, quan điểm sáng tác của HCM

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS**DỰ KIẾN SẢN PHẨM****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

*** Thao tác 1 : Hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử.**

1. GV hướng dẫn HS tóm tắt những nét cơ bản nhất về tiểu sử.

- HS theo dõi SGK trả lời ngắn gọn (chú ý những điểm mốc lớn)

- Những nét chính trong cuộc đời Hồ Chí Minh?

I. Vài nét về tiểu sử: (SGK)

1. Quê hương, gia đình, thời niên thiếu.

2. Quá trình hoạt động CM:

** Hồ Chí Minh là nhà yêu nước, nhà CM vĩ đại, là anh hùng giải phóng dân tộc của nhân dân VN và là nhà hoạt động lỗi lạc của phong trào Quốc tế cộng sản, là danh nhân văn hóa thế giới.*

Thao tác 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu quan điểm sáng tác nghệ thuật của HCM

- HS trao đổi nhóm và trả lời dựa theo mục a,b,c (SGK)

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận 1.

a. Thời kì từ năm 1911-1941: Hoạt động cách mạng ở nước ngoài: tìm đường cứu nước, thành lập Đảng CSVN, chuẩn bị cho CMT8 năm 1945.

b. Từ năm 1941-1969 lãnh đạo nhân dân làm nên cuộc CMT8 thắng lợi-khai sinh ra Nước VN Dân chủ Cộng hòa. Lãnh đạo 2 cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp, đế quốc Mỹ và công cuộc xây dựng XHCN ở miền Bắc với tư cách Chủ tịch Nước VN Dân chủ Cộng hòa.

2.

Nhóm 1:

- Hồ Chí Minh coi văn học là vũ khí chiến đấu lợi hại, phụng sự đắc lực cho sự nghiệp cách mạng. Nhà văn cũng phải có tinh thần xung phong như người chiến sĩ ngoài mặt trận.

Nhóm 2:

- Hồ Chí Minh luôn chú trọng tính chân thật và tính dân tộc của văn học. Nhà văn cần tránh lối viết câu kì xa lạ, chú ý phát huy cốt cách dân tộc, ngôn từ phải chọn lọc.

Nhóm 3:

- Khi cầm bút, Người bao giờ cũng xuất phát từ đối tượng (*Viết cho ai?*) và mục đích tiếp nhận (*Viết để làm gì?*) để quyết định nội dung (*Viết cái gì?*)

- *Mâu thuẫn và tính chất trào phúng của truyện:*

- *Đặc điểm của ngôn ngữ truyện:*

II. Quan điểm sáng tác nghệ thuật

<p>) và hình thức (<i>Viết thế nào?</i>) của tác phẩm.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu sự nghiệp văn học của HCM</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được sự nghiệp văn học của HCM</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV yêu cầu HS theo dõi SGK và dựa vào phần soạn bài trả lời ngắn gọn khái quát-chú ý làm rõ tính đa dạng phong phú trong sáng tác của Người.</p> <p>- <i>NAQ – HCM thường sáng tác theo những thể loại nào?</i></p> <p>- <i>Những tác phẩm tiêu biểu?</i></p> <p>- <i>Mục đích viết văn chính luận để làm gì?</i></p> <p>- <i>Dựa vào SGK hãy kể tên một số truyện và kí tiêu biểu của HCM?</i></p> <p>- <i>Tài năng nghệ thuật của HCM đối với thể loại này?</i></p> <p>- <i>Em hiểu biết gì về tập thơ NKTT của HCM? Nêu những nội dung chính của tập thơ?</i></p> <p><i>Em có nhận xét gì về thơ HCM trước và sau CMT8?</i></p>	<p>III. Di sản văn học:</p> <p>Sự nghiệp chính là sự nghiệp CM nhưng Người đã để lại một sự nghiệp văn to lớn.</p>

<p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p><i>1. Văn chính luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm: Bản án chế độ thực dân Pháp (1925); Tuyên ngôn độc lập (1945);Lời kêu gọi toàn quốc kháng chiến (1946) - Mục đích: đấu tranh chính trị nhằm tấn công trực diện kẻ thù , thể hiện những nhiệm vụ CM qua những chặng đường lịch sử . - Nghệ thuật: Lí lẽ vững vàng xác đáng đầy sức thuyết phục, ngôn từ giản dị <p><i>2. Truyện và kí</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung : Vạch trần bản chất của bọn thực dân cướp nước và bọn tay sai bán bước, ca ngợi những người chiến sĩ CM kiên cường đấu tranh vì độc lập tự do của dân tộc . 	<p><i>1. Văn chính luận:</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Tác phẩm: - Mục đích: - Nghệ thuật: <p><i>2. Truyện và kí</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung : -Nghệ thuật : <p><i>3. Thơ ca</i></p> <p>❖NHẬT KÍ TRONG TÙ</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh sáng tác: - Nội dung :
---	---

<p>-Nghệ thuật : Lối viết cô đọng, cột truyện sáng tạo, kết cấu độc đáo, mang màu sắc hiện đại nhẹ nhàng trào lộng của văn thông tấn, vừa sâu sắc đầy tính chiến đấu vừa tươi tắn hóm hỉnh</p> <p>3. <i>Thơ ca</i>: Được in trong các tập :</p> <p>-Tập thơ NKTT bằng chữ Hán sáng tác từ tháng 1942 đến tháng 1943 xuất bản năm 1960</p> <p>-Thơ Hồ Chí Minh (xb 1967)</p> <p>-Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh (xb 1990)</p> <p>❖THƠ HỒ CHÍ MINH</p> <p>Trước CM tháng 8 : Sáng tác nhiều bài thơ mộc mạc , giản dị để tuyên truyền đường lối</p> <p>Sau CM tháng 8 : Bộc lộ nội niềm lo lắng về vận mệnh non sông, động viên sức mạnh nhân dân</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV bổ sung:</p> <p>NHẬT KÍ TRONG TÙ</p> <p>- Hoàn cảnh sáng tác: Tập nhật kí bằng thơ được viết trong thời gian Bác bị giam cầm trong nhà tù Quốc dân đảng tại Quảng Tây Trung Quốc từ mùa thu năm 1942- mùa thu 1943 . Bác đã ghi lại những gì xảy ra trong nhà tù và trên đường áp giải từ nhà lao này đến nhà lao khác .</p> <p>- Nội dung :</p> <p>Tác phẩm thể hiện bức chân dung tt tự hoạ và tái hiện một cách chân thực và chi tiết bộ mặt tàn bạo của nhà tù Quốc dân đảng và một phần nào tình hình xã hội Trung Quốc những năm 1942-1943. Tác phẩm mang một giá trị phê phán sắc sảo , thâm thúy</p> <p>-Tập thơ sâu sắc về tư tưởng , độc đáo đa dạng về bút pháp kết tin giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ ca của HCM .</p>	<p>❖THƠ HỒ CHÍ MINH</p> <p>-Trước CM tháng 8 :</p> <p>-Sau CM tháng 8 :</p> <p>=> <i>Vừa mang màu sắc cổ điển, vừa mang tinh thần hiện đại , hình ảnh nhân vật trữ tình yêu nước , phong thái ung dung tự tại.</i></p>
--	---

Hoạt động 3: Hướng dẫn tìm hiểu về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM**a) Mục tiêu:** hiểu được về phong cách nghệ thuật của tác giả HCM**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d) Tổ chức thực hiện:****Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập****IV. Phong cách nghệ thuật:****- GV nêu yêu cầu:**

-HS thảo luận nhóm và trình bày kết quả, lớp theo dõi SGK nhận xét bổ sung hình thành kiến thức

-*Tại sao có thể nói phong cách văn của HCM vừa độc đáo vừa đa dạng?*

- HS phát biểu. GV nhận xét, nhấn mạnh những ý cơ bản.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ Lần lượt đại diện từng nhóm trình bày, các nhóm khác góp ý bổ sung (nhóm sau không nhắc lại nội dung nhóm trước đã trình bày)

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ

Sáng tác nhiều thể loại Văn học, mỗi thể loại có những nét phong cách riêng độc đáo và hấp dẫn

- Văn chính luận :

- Truyện và ký :

-Thơ ca:

<p>sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>❖GV: Độc đáo mà đa dạng :</p> <p>Ngay từ nhỏ, HCM đã được sống trong không khí của văn chương cổ điển VN và TQ, của thơ Đường, thơ Tống... Trong thời gian hoạt động CM ở nước ngoài, sống ở Pa-ri, Luân Đôn, Oa-sinh-ton, Ca-li-phoóc-ni-a, Hồng Kông... tiếp xúc và chịu ảnh hưởng tư tưởng nghệ thuật của nhiều nhà văn Âu. Mỹ và nền văn học phương Tây hiện đại.</p> <p>* Nhóm 1</p> <p>- Văn chính luận :Ngắn gọn , tư duy sắc sảo , lập luận chặt chẽ , lý lẽ đanh thép , bằng chứng đầy sức thuyết phục , giàu tính luận chiến , đa dạng về bút pháp .</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>- Truyện và ký :Trí tưởng tượng phong phú , sáng tạo độc đáo về tình huống truyện, sự kết hợp hài hòa văn hóa phương Đông và phương Tây trong nghệ thuật trào phúng, giọng điệu lời văn linh hoạt hấp dẫn . Chất</p>	<p>III. Kết luận: (Xem sách)</p> <p>- Văn thơ Hồ Chí Minh là di sản vô giá là một bộ phận gắn bó hữu cơ với sự nghiệp vĩ đại của Người.</p> <p>HCM quan niệm văn học là vũ khí</p>
<p>trí tuệ và tính hiện đại là nét đặc sắc trong truyện ngắn của Người .</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>Phong cách thơ đa dạng: Những bài thơ với mục đích tuyên truyền CM : Giản dị , mộc mạc, mang màu sắc dân gian vừa hiện đại. Nhiều bài thơ nghệ thuật : Viết theo hình thức cổ thi hàm súc, có sự kết hợp độc đáo giữa bút pháp cổ điển và bút pháp hiện đại, giữa trữ tình và chiến đấu.</p>	<p>sắc bén phục vụ cho sự nghiệp cách mạng .</p> <p>- Phong cách nghệ thuật HCM độc đáo, đa dạng.</p>

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:

- Bút pháp cổ điển được thể hiện qua cách miêu tả khung cảnh thiên nhiên, được miêu tả từ xa, được khắc hoạ bằng những nét chấm phá qua hình : cánh chim, chòm mây, không gian chiều tà, không nhằm ghi lại hình xác mà chỉ cốt truyền được linh hồn của tạo vật. Màu sắc cổ điển còn được thể ở phong thái ung dung của nhân vật trữ tình; ở thể thơ tứ tuyệt.
- Tinh thần hiện đại: thiên nhiên trong bài thơ không tĩnh lặng mà vận động một cách khoẻ khoắn, hướng tới sự sống, ánh sáng và tương lai. Nhân vật trữ tình không phải là ẩn sĩ mà là chiến sĩ.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV nêu yêu cầu:

Bài tập 1: Đọc bài thơ *Chiều tối*. Phân tích:

- Bút pháp cổ điển
- Tinh thần hiện đại
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản

1	Văn chính luận	Các bài đăng trên các báo: Người cùng khổ, Nhân đạo, Đời sống thợ thuyền... Các tác phẩm: <i>Bản án chế độ thực dân Pháp</i> (<i>bằng tiếng Pháp</i>); <i>Tuyên ngôn Độc lập</i> , <i>Lời kêu gọi kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ</i> ,	Những năm 20, 1925 1945 1966 1969	Tố cáo tội ác và bản chất của chủ nghĩa thực dân Pháp, kêu gọi đấu tranh, vận động cách mạng; Tuyên ngôn khai sinh nước Việt Nam độc lập; Kêu gọi toàn quốc kháng chiến chống Pháp, chống Mỹ bảo vệ độc lập, tự do cho Tổ quốc; Những lời căn dặn cuối cùng để lại cho toàn Đảng, toàn dân.
---	----------------------	---	--	--

		<i>Di chúc (bằng tiếng Việt)</i>		Những áng văn chính luận mẫu mực, sáng suốt, sắc sảo, nồng nàn, súc tích.
2	Truyện và kí	Viết bằng tiếng Pháp trong thời gian hoạt động cách mạng ở Pháp (Tập: Truyện và kí: Vi hành, Những trò lố...); bằng tiếng Việt (Nhật kí chìm tàu, Vừa đi đường vừa kể chuyện)...	Những năm 20 Những năm 30 Những năm 40, 50...	Cây bút văn xuôi tài năng, trí tưởng tượng phong phú, vốn văn hoá sâu rộng, trí tuệ sâu sắc và trái tim nồng nàn tình yêu nước và cách mạng. Chất trí tuệ và tính hiện đại. Ngòi bút châm biếm vừa đầy tính chiến đấu vừa hóm hỉnh, tươi tắn.
3	Thơ ca	Nhật kí trong tù Thơ Hồ Chí Minh Thơ chữ Hán Hồ Chí Minh	-1942-1943 - 1960 1967 1990	Tập thơ sâu sắc về tư tưởng, độc đáo và đa dạng về bút pháp, kết tinh giá trị tư tưởng và nghệ thuật thơ Hồ Chí Minh. Những bài thơ tuyên truyền giản dị, mộc mạc, đầy khí thế. Những bài thơ cảm hứng nghệ thuật vừa cổ điển vừa hiện đại. Nhân vật trữ tình mang nặng nỗi nước nhà mà vẫn ung dung tự tại, tin vào tương lai tất thắng của cách mạng và dân tộc.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

TT	Loại tác phẩm	Tên tác phẩm chủ yếu	Thời điểm sáng tác	Giá trị cơ bản

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)**

- Nhắc lại những quan điểm sáng tác của Hồ Chí Minh? Quan điểm ấy được Bác vận dụng như thế nào trong quá trình sáng tác?

- Bác sáng tác chủ yếu ở những thể loại nào?

- Những tác phẩm thơ văn của Người có ý nghĩa như thế nào đối với sự nghiệp cách mạng?

- Chuẩn bị bài: **BÀI VIẾT SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**

Tiết 5 – 6

Tuần 02

Ngày soạn:

Ngày dạy:

BÀI VIẾT SỐ 1 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI**I. Mục tiêu cần đạt:**

- **Kiến thức:** Vận dụng kiến thức và kỹ năng về văn nghị luận đã học để viết được bài nghị luận xã hội bàn về một vấn đề tư tưởng, đạo lý.

- **Kỹ năng:** Tiếp tục rèn luyện các kỹ năng tìm hiểu đề và các thao tác lập luận trong bài nghị luận xã hội như giải thích, phân tích, bác bỏ, so sánh, bình luận

...

- **Thái độ:** Nâng cao nhận thức về lí tưởng, cách sống của bản thân trong học tập và rèn luyện.

II. Chuẩn bị của thầy và trò:

- GV: bài soạn, câu hỏi kiểm tra

- HS: ôn tập về các thao tác nghị luận, giấy kiểm tra

III. Tiến trình bài giảng:**1. Kiểm tra bài cũ:****2. Bài mới:**

Hoạt động của thầy và trò	Kiến thức cơ bản
HĐ1. GV chép đề lên bảng.	I. Đề bài: Trong bài thơ “ <i>Một khúc ca xuân</i> ” (12/1977), Tố Hữu có viết: “ <i>Nếu là con chim chiếc lá</i> ”
	<i>Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh</i> <i>Lẽ nào vay mà không có trả</i> <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”</i> Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến của mình về đoạn thơ trên.
<p>II. Đáp án và thang điểm:</p> <p>1. Đáp án:</p> <p>* Yêu cầu về kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận. Bài viết có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.</p> <p>* Yêu cầu về kiến thức : HS có thể trình bày theo nhiều cách khác nhau nhưng cần đáp ứng được những nội dung sau:</p> <p>-Giải thích được ý nghĩa của đoạn thơ:</p> <p>+ <i>Nếu là</i>: cách nói giả định.</p> <p>+ <i>Con chim, chiếc lá</i>: những sinh linh nhỏ bé trong cõi đời. Tuy nhỏ bé nhưng khi đã hiện diện trên đời thì phải có trách nhiệm với đời. Nghĩa là “con chim phải hót, chiếc lá phải xanh”. Từ đó suy ra con người cũng vậy một khi đã sống, đã “vay” nhiều của xh thì phải biết “trả”. “Lẽ nào vay mà không có trả” là như vậy. Biết trả nợ xh đó là trách nhiệm của con người ở đời “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Con người trong xh đâu phải chỉ là hưởng thụ mà còn phải biết cống hiến.</p> <p>-Khẳng định quan niệm sống trong đoạn thơ là hoàn toàn xác đáng</p> <p>+ Quan niệm sống phải biết cống hiến của nhà thơ thể hiện một lẽ sống cao đẹp, vị tha của thanh niên trong thời đại Bác Hồ hiện nay.</p> <p>+ Là một thành viên sống trong cộng đồng xh, mỗi con người đều phải biết sống với nhau, sống có trách nhiệm với nhau. Vay nhiều của xh, ai cũng vậy đều phải ra sức trả món nợ ấy cho xh. Để trang trải món nợ đã vay ấy của xã hội, chúng ta phải biết cống hiến hết sức lực của mình</p> <p>+ Nếu mọi người đều như vậy, đất nước ta nhất định sẽ tiến lên văn minh, công bằng và giàu mạnh.</p> <p>-Bàn luận mở rộng:</p> <p>+ Phê phán: những ai chỉ biết hưởng thụ, vị kỉ, vụ lợi, chỉ biết “vay” mà không biết “trả”, sống ở trên đời mà thiếu tinh thần trách nhiệm đối với cuộc đời.</p> <p>+ Trong tình hình hiện nay, mỗi một con người đều phải xác định đúng việc rèn luyện tu dưỡng của bản thân mình, luôn luôn biết sống vì mọi người, thấy được “sống là cho” đó là điều hạnh phúc.</p> <p>+ Là hs, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường cần phải có ý thức sống vì mọi người, sống là cống hiến.</p> <p>2. Thang điểm:</p> <p>Điểm 9 - 10: Đáp ứng được yêu cầu nêu trên. Bài viết có cảm xúc, sáng tạo.</p>	

Diễn đạt lưu loát, bố cục rõ ràng. Có thể mắc một vài sai sót nhỏ.
 Điểm 7 – 8 : Nêu đủ ý, bài viết có cảm xúc, bố cục rõ ràng, sai không quá 3 loại lỗi về chính tả, ngữ pháp và dùng từ.
 Điểm 5 - 6: Có thể thiếu 1 ý, bài viết có bố cục rõ ràng, diễn đạt tương đối sai không quá 5 loại lỗi chính tả, ngữ pháp và dùng từ.
 Điểm 4: bài thiếu ý, diễn đạt không lưu loát, sai không quá 7 loại lỗi về chính tả, ngữ pháp, dùng từ.
 Điểm 2-3 : Bài viết sơ sài, sai nhiều lỗi chính tả, ngữ pháp, dùng từ.
 Điểm 1: Bài viết không đề cập tới các ý trong đề hoặc lạc đề.
 Điểm 0: Bỏ giấy trắng phần này.

HĐII. Học sinh làm bài trong 45p.

HĐIII. GV thu bài sau 45p

3. *Hướng dẫn soạn bài*: “Tuyên ngôn độc lập” – Hồ Chí Minh

-Bố cục của bản Tuyên ngôn

-Giá trị nội dung và nghệ thuật của bản tuyên ngôn

Tuần 3

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết: 7,8

RỪNG XÀ NU

- Nguyễn Trung Thành-

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận Tuyên ngôn Độc lập - Hồ Chí Minh: các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

Hiểu được những nét khái quát về sự nghiệp, văn học, quan điểm sáng tác và những đặc điểm cơ bản của phong cách nghệ thuật HCM.

2. Năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
 - Suu tâm bức ảnh hoặc tốt nhất là đoạn băng quay cảnh Chủ tịch Hồ Chí Minh đọc Tuyên ngôn Độc lập, ảnh ngôi nhà (và căn gác) số 48, phố Hàng Ngang, quận Hoàn Kiếm, Hà Nội, nơi Bác Hồ viết bản Tuyên ngôn Độc lập; bài hát Nắng Ba Đình (Bùi Công Kỳ), đoạn thơ của Tố Hữu trong *Theo chân Bác* (1970)... một số bài viết về Tuyên ngôn Độc lập.

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:
- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài học bằng câu hỏi sau:

Những văn bản nào sau đây thuộc văn nghị luận mà em đã được học ở Ngữ văn 10 và 11:

a/ Hiền tài là nguyên khí của quốc gia (Thân nhân Trung)

b/ Tựa Trích diễm thi tập (Hoàng Đức Lương)

c/Một thời đại trong thi ca (Hoài Thanh)

d/Tôi yêu em (Puskin)

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gợi ý trả lời: a-b-c**

- **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** Bên cạnh những tác phẩm văn học nghệ thuật, trong chương trình ngữ văn chúng ta còn được tiếp xúc không ít những văn bản nghị luận được các tác giả trình bày bằng hệ thống lập luận chặt chẽ, lí lẽ đanh thép, luận cứ xác thực, mang tính truyền cảm và tính chiến đấu cao. Một trong những áng văn nghị luận giàu giá trị tư tưởng và nghệ thuật là *Tuyên ngôn Độc lập* của HCM.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung****a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ 1. GV: Cho HS đọc phần <i>Tiểu dẫn</i> (SGK) kết hợp với những hiểu biết cá nhân trả lời câu hỏi: <i>Bản tuyên ngôn ra đời trong hoàn cảnh của thế giới và Việt Nam như thế nào?</i> Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ	I. Tìm hiểu chung: 1. <i>Hoàn cảnh sáng tác:</i> - Thế giới: - Trong nước: 2. <i>Mục đích sáng tác:</i> * <i>Đối tượng:</i> - Tất cả đồng bào Việt Nam
+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i> , SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi: - Thế giới: + Chiến tranh thế giới thứ hai sắp kết thúc: Hồng quân Liên Xô tấn công vào sào huyệt của phát xít Đức, + Nhật đầu hàng Đồng minh - Trong nước: + CMTT thành công, cả nước giành chính quyền thắng lợi. + Ngày 26 tháng 8 năm 1945: Chủ tịch Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội + Ngày 28 tháng 8 năm 1945: Bác soạn thảo bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại tầng 2, căn nhà số 48, phố Hàng Ngang, Hà Nội. + Ngày 2 tháng 9 năm 1945: Bác đọc bản <i>Tuyên ngôn độc lập</i> tại quảng trường Ba Đình, Hà Nội, khai sinh nước VNDCCH. + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.	- Nhân dân thế giới - Các lực lượng ngoại bang nhân danh đồng minh diệt phát xít Nhật (Pháp, Mĩ, Anh, Trung Quốc....) * <i>Mục đích:</i> - Công bố nền độc lập của dân tộc, khai sinh nước Việt Nam mới trước quốc dân và thế giới - Cương quyết bác bỏ luận điệu và âm mưu xâm lược trở lại của các thế lực thực dân đế quốc. - Bày tỏ quyết tâm bảo vệ nền độc lập dân tộc.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức =>

Ghi lên bảng

GV: Sự kiện này không chỉ là dấu mốc trọng đại trong trang sử đất nước mà còn trở thành nguồn cảm hứng dào dạt cho thơ ca:

Hôm nay sáng mừng hai tháng chín

Thủ đô hoa vàng nắng Ba Đình

Muôn triệu tim chờ chim cũng nín

Bống vang lên tiếng hát ân tình

(Tố Hữu)

Nói thêm về tình thế đất nước lúc bấy giờ:

- Miền Bắc: quân Tưởng mà đứng sau là Mỹ đang lấn le

- Miền Nam: quan Anh cũng sẵn sàng nhảy vào

- Pháp: đã tam xâm lược VN lần thứ 2. *Trước tình hình như thế, theo em, đối tượng mà bản tuyên ngôn hướng đến là những ai? Bản tuyên ngôn được viết ra nhằm mục đích gì?*

- Một bản tuyên ngôn độc lập thường có ba phần: Mở đầu, nội dung và kết luận. Căn cứ vào tác phẩm, hãy đánh dấu vị trí từng phần và phát biểu khái quát nội dung mỗi phần?

3. *Bố cục:*

- Phần 1: Từ đầu đến

“...không ai chối cãi được”

→ Nêu nguyên lí chung của bản tuyên ngôn độc lập.

- Phần 2: *“Thế mà, phải được độc lập”*

→ Tố cáo tội ác của thực dân Pháp, khẳng định thực tế lịch sử là nhân dân ta đấu tranh giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam dân chủ cộng hòa.

- Phần 3: Còn lại

→ Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ nền độc lập của dân tộc

Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản

a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được nội dung, nghệ thuật văn bản

b) Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

1. **GV:** Hướng dẫn học sinh đọc hiểu văn bản.

Yêu cầu: **Rõ ràng, nhấn mạnh các ý quan trọng, giọng đanh thép, phần nộ, đau xót, tự hào, trang trọng, hùng hồn...phù hợp với từng đoạn**

2. **GV:** Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: *Cơ sở pháp lí của bản Tuyên ngôn độc lập này là gì?*

Nhóm 2: *- Theo em, việc Bác trích dẫn lời của hai bản tuyên ngôn này thể hiện sự khôn khéo như thế nào? - Việc trích dẫn này cũng thể hiện được sự kiên quyết như thế nào?*

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. *Nguyên lí chung về quyền bình đẳng, tự do, quyền mưu cầu hạnh phúc của con người và các dân tộc.*

- Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ làm cơ sở pháp lí:

+ *Tuyên ngôn độc lập của Mỹ:*

+ *Tuyên ngôn Nhân quyền*

<p>Nhóm 3: - <i>Từ ý nghĩa trên, em hiểu được là Bác trích dẫn hai bản tuyên ngôn này nhằm mục đích gì?</i></p> <p>Nhóm 4: - <i>Theo em, việc Bác trích dẫn như vậy để từ đó suy rộng ra điều gì?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>* Nhóm 1 thảo luận và trả lời</p> <p>- Mở đầu bằng cách trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Pháp và Mỹ làm cơ sở pháp lí:</p> <p>+ <i>Tuyên ngôn độc lập</i> của Mỹ:</p> <p><i>“Tất cả mọi người đều sinh ra có quyền bình đẳng. Tạo hoá cho họ những quyền không ai có thể xâm phạm được; trong những quyền ấy, có quyền được sống, quyền tự do và quyền mưu cầu hạnh phúc.”</i></p> <p>+ Tuyên ngôn Nhân quyền và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791:</p> <p><i>“Người ta sinh ra tự do và bình đẳng về quyền lợi; và phải luôn luôn được tự do và bình đẳng về quyền lợi.”</i></p> <p>* Nhóm 2 thảo luận và trả lời</p> <p>Ý nghĩa:</p> <p>+ Vừa khôn khéo: Tỏ ra tôn trọng những tuyên ngôn bất hủ của cha ông kẻ xâm lược vì những điều được nêu là chân lí của nhân loại</p> <p>+ Vừa kiên quyết: Dùng lập luận <i>Gậy ông đập lưng ông</i>, lấy chính lí lẽ thiêng liêng của tổ tiên</p>	<p>và Dân quyền của Cách mạng Pháp năm 1791:</p> <p>- Ý nghĩa:</p> <p>+ Vừa khôn khéo:</p> <p>+ Vừa kiên quyết:</p> <p>- Trích dẫn sáng tạo:</p>
<p>chúng để phê phán và ngăn chặn âm mưu tái xâm lược của chúng.</p> <p>* Nhóm 3</p> <p>+ Ngầm gửi gắm lòng tự hào tự tôn dân tộc: đặt ba cuộc cách mạng, ba bản tuyên ngôn, ba dân tộc ngang hàng nhau; đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.</p> <p>* Nhóm 4</p>	<p>→ Hồ Chí Minh mở đầu bản</p>

<p>+ Bác <i>suy rộng ra</i>, nâng lên thành quyền bình đẳng, tự do của các <i>dân tộc</i> trên thế giới → Đó là suy luận hợp lí, sáng tạo, là đóng góp quan trọng nhất trong tư tưởng giải phóng dân tộc của Bác, là phát súng lệnh cho bão táp cách mạng ở các nước thuộc địa.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV: Khẳng định đóng góp lớn về tư tưởng của Bác ở phần này.</p> <p><i>Trích dẫn hai bản tuyên ngôn của Mĩ, Pháp nhằm đề cao giá trị tư tưởng nhân đạo và văn minh nhân loại, tạo tiền đề cho những lập luận tiếp theo. Từ quyền bình đẳng, tự do của con người, Hồ Chí Minh suy rộng ra về quyền đẳng, tự do của các dân tộc. Đây là một đóng góp riêng của Người vào lịch sử tư tưởng nhân loại.</i></p>	<p>tuyên ngôn thật súc tích, ngắn gọn, lập luận chặt chẽ, cách trích dẫn sáng tạo để đi đến một bình luận khéo léo, kiên quyết: “<i>Đó là những lẽ phải không ai chối cãi được</i>”.</p>
	HẾT TIẾT 1
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.</p> <p>a) Mục tiêu: hiểu được cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn.</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV đặt câu hỏi: - Câu văn chuyển tiếp mở đầu đoạn 2 có tác dụng gì? HS trả lời cá nhân</p> <p>- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: - Khi Pháp có luận điệu về công “khai hóa” nhân dân các nước thuộc địa, tác giả đã</p>	<p>II. Đọc–hiểu:</p> <p>2. Cơ sở thực tế của bản tuyên ngôn độc lập:</p> <p>a. Tổ cáo tội ác của thực dân Pháp:</p> <p>- Câu mở đầu đoạn 2:</p>

vạch rõ những tội ác nào mà thực dân Pháp đã gieo rắc trên đất nước ta suốt hơn 80 năm qua? - Nhà văn đã dùng những nghệ thuật nào để làm nổi bật những tội ác đó và để tăng cường sức mạnh tố cáo?

Nhóm 2: - Khi Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng điều gì?

- Những hành động này của Pháp đã gây nên hậu quả gì trên nhân dân ta?

- Còn ta, ta đối xử với người Pháp như thế nào?

Nhóm 3: - Khi Pháp muốn nhân danh Đồng minh để vào chiếm lại Đông Dương, Bác đã vạch trần những tội trạng gì của chúng? Trong phần này, Bác còn nêu rõ quá trình nổi dậy giành chính quyền thắng lợi của nhân dân ta dưới sự lãnh đạo của Mặt trận Việt Minh như thế nào?

Nhóm 4: - Trong ba câu văn ngắn gọn “Một dân tộc... độc lập”, Bác muốn khẳng định điều gì?

- Trong đoạn văn này, Bác đã tuyên bố điều gì?

- Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng ở hai hội nghị Tê – hê – răng và Cựu Kim Sơn, chủ tịch Hồ Chí Minh đã kêu gọi điều gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học

“Thế mà hơn 80 năm nay, bọn thực dân Pháp lợi dụng lá cờ tự do, bình đẳng, bác ái, đến cướp đất nước ta, áp bức đồng bào ta.”

- **Pháp kể công “khai hóa”, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:**

+ Về chính trị:

+ Về kinh tế:

+ Văn hóa – xã hội – giáo dục: → Biệp pháp nghệ thuật:

tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

- Pháp kể công “khai hóa”, Bác đã kể tội chúng trên mọi phương diện:

+ Về chính trị: *không cho nhân dân ta một chút tự do dân chủ nào, thi hành luật pháp dã man, chia rẽ dân tộc, tắm các cuộc khởi nghĩa của ta trong những bể máu*

+ Về kinh tế: Cướp không ruộng đất, hầm mỏ; độc quyền in giấy bạc, xuất cảng, nhập cảng; đặt ra hàng trăm thứ thuế vô lí

+ Văn hóa – xã hội – giáo dục: *lập ra nhà tù nhiều hơn trường học, thi hành chính sách ngu dân, đầu độc dân ta bằng rượu cồn, thuốc phiện*

→ Biệp pháp liệt kê + điệp từ *chúng* + lặp cú pháp

+ ngôn ngữ giàu hình ảnh + giọng văn hùng hồn đanh thép → nổi bật những tội ác điển hình, toàn diện, thâm độc, tiếp nối, chồng chất, khó rửa hết của thực dân Pháp.

*** Nhóm 3:**

Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:

- Pháp kể công “bảo hộ”, bản tuyên ngôn lên án chúng:

<p>+ Chính pháp là kẻ phản bội lại Đồng minh, hai lần dâng Đồng Dương cho Nhật.</p> <p>+ Không hợp tác với Việt Minh chống Nhật mà trước khi thua chạy, Pháp còn “<i>nhấn tâm giết nốt số đông tù chính trị ở Yên Bái và Cao Bằng.</i>”</p> <p>+ “<i>Sự thật là từ mùa thu năm 1940, nước ta đã thành thuộc địa của Nhật, chứ không phải thuộc địa của Pháp nữa.</i>”</p> <p>+ Nêu rõ thắng lợi của cách mạng Việt Nam:</p> <ul style="list-style-type: none"> o “<i>Khi Nhật hàng Đồng minh thì nhân dân cả nước ta đã nổi dậy giành chính quyền, lập nên nước Việt Nam Dân chủ Cộng hòa.</i>” o “<i>Sự thật là dân ta lấy lại nước Việt Nam từ tay Nhật, chứ không phải từ tay Pháp.</i>” <p>→ Bác bỏ luận điệu xảo trá, lên án tội ác dã man của Pháp, khẳng định vai trò của CM vô sản Việt Nam và lập trường chính nghĩa của dân tộc.</p> <p>Từ những chứng cứ lịch sử hiển nhiên trên, bản tuyên ngôn nhấn mạnh các thông điệp quan trọng.</p> <p>Nhóm 4:</p> <p>- Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định:</p> <p>+ Pháp chạy, Nhật hàng, vua Bảo Đại thoái vị</p> <p>+ Dân ta đánh đổ các xiềng xích thực dân gần 100 năm nay</p>	<p>- Pháp nhân danh Đồng minh tuyên bố Đồng minh đã thắng Nhật, chúng có quyền lấy lại Đông Dương, tuyên ngôn chỉ rõ:</p>
<p>+ Dân ta lại đánh đổ chế độ quân chủ mấy mươi thế kỉ</p> <p>→ Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.</p> <p>- Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để tuyên bố: “<i>thoát ly hẳn quan hệ thực dân với Pháp, xóa bỏ hết những hiệp ước mà Pháp đã ký về nước Việt Nam, xóa bỏ tất cả mọi đặc quyền của Pháp trên đất nước Việt Nam.</i>”</p> <p>→ Không chịu sự lệ thuộc và xóa bỏ mọi đặc quyền của Pháp về nước Việt Nam</p> <p>- Căn cứ vào những điều khoản quy định về nguyên tắc dân tộc bình đẳng tại hai Hội nghị Tê - hê - răng và Cựu Kim Sơn để buộc các nước Đồng minh: “<i>quyết không thể không công nhận quyền độc lập của dân Việt Nam.</i>”</p> <p>- Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân</p>	<p>b. Khẳng định quyền độc lập tự do của dân tộc:</p> <p>- Ba câu văn ngắn gọn vừa chuyển tiếp vừa khẳng định</p> <p>→ Sự ra đời của nước Việt Nam mới như một tất yếu lịch sử.</p> <p>- Dùng từ ngữ có ý nghĩa phủ định tuyệt đối để tuyên bố:</p> <p>- Khẳng định về quyền độc lập tự do của dân tộc: “<i>Một dân tộc độc lập!</i>”</p> <p>→ Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.</p>

<p>tộc: <i>“Một dân tộc độc lập!”</i> → Sự thật và nguyên tắc không thể chối cãi, phù hợp với thực tế, đạo lí và công ước quốc tế.</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p>	<p>=> Kiểu câu khẳng định, điệp từ ngữ, song hành cú pháp... tạo nên âm hưởng hào hùng, danh thép, trang trọng của đoạn khúc anh hùng ca.</p>
<p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu phần tuyên bố cuối cùng.</p> <p>a) Mục tiêu: hiểu được đặc điểm về tính cách, diễn biến tâm trạng nhân vật Tnú.</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV: - Người tuyên bố với toàn thể nhân dân trên thế giới điều gì?

- Người còn nêu lên quyết tâm gì của dân tộc?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS: Đọc dẫn chứng và phát biểu.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam: “*Nước Việt Nam có quyền hưởng tự do và độc lập, và sự thật đã thành một nước tự do độc lập.*”

→ Những từ ngữ trang trọng: “*trình trọng tuyên bố*”, “*có quyền hưởng*”, “*sự thật đã thành*” vang lên mạnh mẽ, chắc nịch như lời khẳng định một chân lí.

- Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc: “*Toàn thể dân tộc Việt Nam quyết đem tất cả tinh thần và lực lượng, tính mạng và của cải để giữ vững quyền tự do, độc lập ấy.*”

3. *Lời tuyên bố độc lập và ý chí bảo vệ độc lập dân tộc:*

- Tuyên bố với thế giới về nền độc lập của dân tộc Việt Nam:

- Bày tỏ ý chí bảo vệ nền độc lập của cả dân tộc:

→ Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

→ Lời văn đanh thép như một lời thề, thể hiện ý chí, quyết tâm của cả dân tộc.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV: Lưu ý: trong bản tuyên ngôn, đây mới là đoạn văn tràn đầy khí phách dân tộc Việt Nam, thể hiện ý chí sắt đá nhất, yêu cầu hòa bình nhưng không sợ chiến tranh, sẵn sàng đón nhận phong ba bão táp

Hoạt động 4: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu những yếu tố thành công, mẫu mực của bản tuyên ngôn và ý nghĩa văn bản

a) Mục tiêu: hiểu được nghệ thuật, nội dung đặc sắc của văn bản

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá

nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi:

- *Em hãy chứng minh điều đó qua nhận xét về lập luận của bản tuyên ngôn?*

- *Bản tuyên ngôn được xây dựng bằng những lí lẽ như thế nào?*

- *Nhận xét về những dẫn chứng mà Bác đưa vào bản tuyên ngôn?*

- *Ngôn ngữ của bản tuyên ngôn thể được những tình cảm gì của Bác?*

- *Qua việc tìm hiểu, em có nhận xét gì về giá trị của bản "Tuyên ngôn độc lập"?*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mon đợi:

Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ thuật trong văn chính luận của Bác:

- Lập luận: chặt chẽ, thống nhất từ đầu đến cuối (dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc)

- Lí lẽ: xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc.

- Dẫn chứng: xác thực, lấy ra từ sự thật lịch sử

- Ngôn ngữ: đanh thép, hùng hồn, chan chứa tình cảm, cách xưng hô bộc lộ tình cảm gần gũi.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

III. Tổng kết

1. Nghệ thuật: Là áng văn chính luận mẫu mực, thể hiện rõ phong cách nghệ

thuật trong văn chính luận của Bác:

- Lập luận:

- Lí lẽ:

- Dẫn chứng:

- Ngôn ngữ:

2 Ý nghĩa văn bản :

- *Tuyên ngôn Độc lập* là một văn kiện lịch sử vô giá tuyên bố trước quốc dân đồng bào và thế giới về quyền tự do, độc lập của dân tộc Việt Nam và khẳng định quyết tâm bảo vệ nền độc lập, tự do ấy.

- Kết tinh lí tưởng đấu giải phóng dân tộc và tinh thần yêu chuộng độc lập, tự do.

- Là một áng văn chính luận mẫu mực.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh:

ĐÁP ÁN

[1]='d'

[2]='c'

[3]='c'

[4]='d'

[5]='a'

d) **Tổ chức thực hiện:**

Câu hỏi 1: “**Tuyên ngôn độc lập**” cùng kiểu loại văn bản nào sau đây của văn học Việt Nam ?

- a. Chiếu dời đô – Lý Công Uẩn
- b. Hịch tướng sỹ – Trần Quốc Tuấn
- c. Quân trung từ mệnh tập – Nguyễn Trãi
- d. Cả A, B và C.

Câu hỏi 2: Dòng nào chưa nói đúng về bối cảnh lịch sử khi Hồ Chí Minh viết “Tuyên ngôn Độc lập”?

- a. Cả nước đang tổng khởi nghĩa giành chính quyền về tay nhân dân
- b. Thực dân Pháp đang rình rập muốn cướp nước ta một lần nữa.
- c. Phát xít Nhật đang thỏa thuận với thực dân Pháp để được trở lại thống trị Đông Dương.
- d. Các đế quốc Anh, Mỹ, Tàu Tưởng đều đang có ý định can thiệp vào Việt Nam

Câu hỏi 3: Hoàn cảnh ra đời cụ thể của “Tuyên ngôn Độc lập” là như thế nào?

- a. Ngày 19-8-1945, khi chính quyền Hà Nội về tay nhân dân, Hồ Chí Minh viết bản “Tuyên ngôn Độc lập”?
- b. Ngày 25-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội, Hồ Chí Minh đã viết bản “Tuyên ngôn Độc lập”.
- c. Ngày 26-8-1945, Hồ Chí Minh từ chiến khu Việt Bắc về tới Hà Nội và tại căn nhà số 48 Hàng Ngang, Người đã soạn thảo bản “Tuyên ngôn Độc lập”.
- d. Ngày 02-9-1945, Hồ Chí Minh đã viết và cùng ngay ngày đó Người đọc bản “Tuyên ngôn Độc lập” tại Quảng trường Ba Đình trước hàng chục vạn đồng bào.

Câu hỏi 4: Đối tượng mà bản “Tuyên ngôn Độc lập” hướng tới là ai?

- a. Toàn thể nhân dân Việt Nam.
- b. Nhân dân thế giới.
- c. Các đế quốc thực dân đang âm mưu xâm lược nước ta.
- d. Cả A, B và C.

Câu hỏi 5: Dòng nào không nói đúng mục đích của bản “Tuyên ngôn Độc lập”?

- a. Ôn lại truyền thống quật cường chống ngoại xâm của dân tộc trong lịch sử mấy ngàn năm qua.

- b. Tuyên bố với toàn thế giới về chủ quyền độc lập tự do của dân tộc Việt Nam.
- c. Tranh luận nhằm bác bỏ lí lẽ xảo quyệt của bọn xâm lược trước dư luận quốc tế.
- d. Tranh thủ sự đồng tình, ủng hộ của các dư luận thế giới đối với cách mạng Việt Nam.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
- b) Nội dung:** HS làm bài tập và GV gọi 3-5 HS chấm điểm, chữa bài trước lớp.
- c) Sản phẩm:** Kết quả của HS

Kết quả mong đợi từ HS

Vì ngoài giá trị lịch sử lớn lao, bản TNĐL còn chứa đựng một tình cảm yêu nước thương dân nồng nàn của Chủ tịch Hồ Chí Minh. Tình cảm đó được bộc lộ qua các phương diện:

- Về lập luận: Mọi cố gắng trong lập luận của tác giả đều chủ yếu dựa trên lập trường quyền lợi tối cao của các dân tộc nói chung của dân tộc ta nói riêng.
- Về lí lẽ: Sức mạnh của lí lẽ trong bản TN xuất phát từ tình yêu công lí, thái độ tôn trọng sự thật, và trên hết là dựa vào lẽ phải và chính nghĩa của dân tộc ta.
- Về bằng chứng: Những bằng chứng xác thực hùng hồn không thể chối cãi được cho thấy một sự quan tâm sâu sắc của Người đến vận mệnh dân tộc, hạnh phúc của nhân dân.
- Về ngôn ngữ: Cách sử dụng từ ngữ chan chứa tình cảm yêu thương đối với nhân dân đất nước: ngay từ câu đầu tiên “Hỡi đồng bào cả nước!”; nhiều từ ngữ xưng hô gần gũi thân thiết “đất nước ta”, “nhân dân ta”, “nước nhà của ta”, “Những người yêu nước thương nòi của ta”...

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: ***Lí giải vì sao bản Tuyên ngôn Độc lập từ khi ra đời cho đến nay là một áng văn chính luận có sức lay động sâu sắc hàng chục triệu trái tim con người?***

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao
- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

1. Củng cố:

- Mục đích, đối tượng của bản TNĐL.
- Cơ sở pháp lí của bản TN

2. Hướng dẫn tự học:

- Nắm được nội dung bài học:

+ Mục đích, đối tượng của bản TNĐL.

+ Cơ sở pháp lí của bản TN

3. Chuẩn bị bài: GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

Tuần 3

Ngày soạn:

Ngày dạy:

Tiết 5-9

GIỮ GÌN SỰ TRONG SÁNG CỦA TIẾNG VIỆT

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

Có thói quen rèn luyện kĩ năng nói và viết nhằm đạt được sự trong sáng của Tiếng Việt.

- Kiến thức: Nhận thức được sự trong sáng của tiếng Việt biểu hiện ở một phương diện cơ bản và là một yêu cầu đối với việc sử dụng tiếng Việt.

2. Năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong giao tiếp tiếng Việt

-Năng lực đọc - hiểu các văn bản liên quan đến nội dung giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ của cá nhân trong giao tiếp tiếng Việt

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

-- Giáo án

-- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

ư - **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về bài học bằng cách đưa ra các ví dụ sau để học sinh xác định cách dùng từ trong câu nào đúng/sai?

1/Tổng thống và *phu nhân*.

2/Chị là *phu nhân* chiều chồng, chăm con.

3/Báo *Thiếu niên nhi đồng*.

4/*Thiếu niên nhi đồng* lang thang cơ nhỡ.

5/Tổng thống và *vợ*.

6/Chị là *một người vợ* chiều chồng, chăm con.

7/Báo *Trẻ em*.

8/Trẻ em lang thang cơ nhỡ.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gợi ý trả lời: 1-3-6-8**

- **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** Đã là người Việt Nam thì bất cứ ai trong chúng ta cũng biết sử dụng tiếng Việt trong công việc giao tiếp hàng ngày, nhưng sử dụng tiếng Việt như thế nào để đảm bảo sự trong sáng và đạt hiệu quả cao?

Đó là điều chúng ta sẽ tìm hiểu trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu sự trong sáng của tiếng Việt

a) Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ * GV đặt câu hỏi: - HS trình bày suy nghĩ qua 1 số d/c cụ thể (Giải thích nên hay không nên sử dụng các yếu tố nước ngoài, vì sao?) - Đọc và so sánh ba câu văn trong SGK, xác định câu nào trong sáng, câu nào không trong sáng? Vì sao? - Qua đó theo em biểu hiện thứ nhất của trong sáng tiếng Việt là gì? Có trường hợp tiếng Việt được sử dụng linh hoạt, sáng tạo, có sự biến đổi, lúc đó tiếng	I. Sự trong sáng của tiếng Việt: 1. Tìm hiểu ngữ liệu: “Trong”: có nghĩa là trong trẻo, không có chất tạp, không đục. “Sáng”: là sáng tỏ, sáng chiếu, sáng chói, nó phát huy cái trong, nhờ đó phản ánh được tư tưởng và tình cảm của người Việt Nam ta, diễn tả trung thành và sáng tỏ

<p><i>Việt có đảm bảo được sự trong sáng hay không? Hãy phân tích câu thơ của Nguyễn Duy và câu văn của chủ tịch Hồ Chí Minh để trả lời câu hỏi trên.</i></p> <p><i>- Các từ ngữ dùng sáng tạo trong câu thơ của Nguyễn Duy là những từ nào? Chúng có nét nghĩa mới nào? Chúng được dùng theo biện pháp tu từ nào?</i></p> <p><i>- Trong câu văn của Bác, từ “tắm” được dùng theo nghĩa mới là gì? Có phù hợp với quy tắc tiếng Việt hay không?</i></p> <p><i>Nhận xét về các từ ngữ nước ngoài được sử dụng trong câu văn của SGK?</i></p> <p><i>Trong sáng thì không cho phép pha tạp, văn đục. Vậy sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép pha tạp của yếu tố ngôn ngữ khác không? Qua ví dụ trên, em rút ra biểu hiện thứ hai của sự trong sáng của tiếng Việt là gì?</i></p> <p><i>- Sự trong sáng của tiếng Việt có cho phép ta nói năng thô tục, bất lịch sự không? Phải nói năng, giao tiếp như thế nào?</i></p> <p><i>- Phân tích tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói của các nhân vật trong đoạn hội thoại?</i></p> <p><i>- Vậy theo em, sự trong sáng của tiếng Việt còn thể hiện ở phương diện nào?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi:</p>	<p>những điều chúng ta muốn nói</p>
<p><i>- Câu đầu: không trong sáng vì cấu tạo câu không đúng quy tắc (chuẩn mực) ngữ pháp tiếng Việt.</i></p> <p><i>- Hai câu sau: đạt được sự trong sáng vì cấu tạo câu theo chuẩn mực ngữ pháp của tiếng Việt.</i></p> <p><i>Trong câu thơ của Nguyễn Duy, các từ “lưng, áo, con” được dùng theo nghĩa mới nhưng vẫn theo quy tắc ẩn dụ.</i></p>	

Trong câu văn của Bác, từ “*tắm*” được dùng theo nghĩa mới và đặc điểm ngữ pháp mới. Nhưng đó vẫn là sự chuyển nghĩa nghĩa và đặc điểm ngữ pháp theo quy tắc của tiếng Việt.

Trong cả hai trường hợp, việc sử dụng linh hoạt, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt vì vẫn tuân theo quy tắc (chuyển nghĩa, chuyển tiểu loại) của tiếng Việt.

Câu văn có những từ ngữ nước ngoài được sử dụng không cần thiết vì tiếng Việt vẫn có những từ ngữ thay thế tương xứng.

→ Hiện tượng lạm dụng tiếng nước ngoài chỉ làm văn đục tiếng Việt.

HS: Tính lịch sự, có văn hoá trong lời nói thể hiện ở cách xưng hô, thưa gửi, cách sử dụng từ ngữ:

o Cách xưng hô:

Ông giáo: *Cụ với tôi, ông với con*

→ thể hiện sự kính trọng, thân thiết gần gũi.

Lão Hạc: *Ông giáo, chúng mình, tôi với ông*

→ thể hiện sự tôn trọng của Lão Hạc đối với ông giáo

o Cách thưa gửi của Lão Hạc với ông giáo:

“*Vâng! Ông giáo dạy phải*”

→ Sự trân trọng, tin tưởng và có phần ngưỡng mộ của lão Hạc với ông giáo

o Các từ ngữ: trong sáng, rõ ràng, nhã nhặn, lịch sự

HS: Nêu thêm ví dụ:

o Trong các trường hợp khác nhau, dùng từ *chết* có thể thay thế bằng: *khuất núi, quy tiên, từ trần, về cõi vĩnh hằng...*

o Hoặc dùng các nói giảm:

- Có lẽ chị không còn trẻ lắm.

- Tôi hỏi thật không phải, chị đã có gia đình chưa?

- Bạn đừng giận thì mình mới nói.

- Mình hỏi câu này bạn đừng giận mình đấy...

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

2. Biểu hiện của sự trong sáng của TV:

- Thể hiện ở chuẩn mực và việc tuân thủ đúng chuẩn mực của tiếng Việt

+ Phát âm theo chuẩn của một phương ngữ nhất định, chú ý cách phát âm ở phụ âm đầu, phụ âm cuối, thanh điệu.

+ Tuân theo quy tắc chính tả, viết đúng phụ âm đầu, cuối, thanh điệu các từ khó.

+ Khi nói viết phải dùng từ đúng nghĩa và đầy đủ các thành phần câu

+ Những sự chuyển đổi, sáng tạo vẫn đảm bảo sự trong sáng khi tuân thủ theo những quy tắc chung của tiếng Việt.

- Tiếng Việt không cho phép pha tạp, lai căng, sử dụng tùy tiện, không cần thiết những yếu tố của ngôn ngữ khác.

- Tính văn hóa, lịch sự của lời nói

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

GV: Mở rộng vấn đề: Bên cạnh những lời văn mang tính lịch sự, có văn hoá, ta vẫn bắt gặp trong văn chương những lời nói không đảm bảo tính lịch sự, trong sáng của tiếng Việt. Ví dụ:

“Mẹ kiếp! Thế có phí rượu không? Thế thì có khổ hần không? Không biết đưa chết mẹ nào đã đẻ ra thân hần cho hần khổ đến nông nổi này?”

(Chí Phèo – Nam Cao).

Tại sao lại có điều đó? Bởi tác giả muốn nhân vật trực tiếp bộc lộ tính cách đối với người đọc qua chính những ngôn ngữ của mình. Lời nói của Chí Phèo trong trích đoạn trên là lời nói của Chí khi đã bị tha hoá trở thành một tên côn đồ, bậm trợn, một con quỷ dữ của làng Vũ Đại.

Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

a) Mục tiêu: HS hiểu được trách nhiệm của mình trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

b) Nội dung: HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi: - Muốn giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, chúng ta phải có thái độ và tình cảm như thế nào đối với tiếng Việt?

- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có hiểu biết về tiếng Việt hay không? Và là thế nào để có những hiểu biết về tiếng Việt?

- Về mặt hành động, để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mọi người cần sử dụng tiếng Việt như thế nào?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

II. Trách nhiệm giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt:

1. Về thái độ, tình cảm:

2. Về nhận thức:

3. Về hành động:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

- Cần có ý thức tôn trọng và yêu quý tiếng Việt, xem đó là *"thứ của cả vô cùng lâu đời và quý báu của dân tộc"*

- Để giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt, mỗi người cần có những hiểu biết về tiếng Việt

(Cần có những hiểu biết cần thiết về các chuẩn mực của tiếng Việt: ngữ âm, chữ viết, từ ngữ, ngữ pháp)

- Hiểu biết đó không chỉ qua học tập ở trường, mà còn bằng tự học hỏi.

- Sử dụng tiếng Việt theo chuẩn mực và quy tắc, trong đó có các quy tắc chuyển hoá, biến đổi.

- Không lạm dụng tiếng nước ngoài làm vẩn đục tiếng Việt.

- Tránh những lỗi nói thô tục, thiếu văn hoá.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 3: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** hiểu được lí thuyết và vận dụng vào bài tập

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

III. Luyện tập

- GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: Bài tập 1- trang 33

- *Yêu cầu HS tìm những từ ngữ tiêu biểu mà tác giả dùng để miêu tả diện mạo hoặc tính cách nhân vật trong Truyện Kiều?*

Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34

Yêu cầu học sinh điền vào đoạn văn các dấu câu thích hợp để đoạn văn được trong sáng.

Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44

Bài tập 1- trang 33

HS: Lần lượt phân tích các câu văn

Nhóm 4: Bài tập 2. trang 45

- Yêu cầu học sinh phân tích để tìm ra những từ nước ngoài nào không nên sử dụng và thay thế bằng từ khác để đảm bảo sự trong sáng của tiếng Việt.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

† HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

Các từ ngữ Nguyễn Du và Hoài Thanh nói về các nhân vật rất chuẩn xác vì miêu tả đúng diện mạo hoặc lột tả được tính cách nhân vật.

- Kim Trọng: *rất mực chung tình*

- Thuý Vân: cô em gái ngoan

- Hoạn Thư: người đàn bà bản lĩnh khác thường, biết điều mà cay nghiệt

- Thúc Sinh: *sợ vợ*

- Từ Hải: *chợt hiện ra, chợt biến đi như một vì sao
lạ*

- Tú Bà: màu da “*nhờn nhợt*”

- Mã Giám Sinh: “*mày râu nhẵn nhụi*”

- Sở Khanh: *chải chuốt dịu dàng*

- Bac Bà, Bac Hanh: *miêng thề* “xoen xoét”

*** Nhóm 2: Bài tập 2-trang 34**

“Tôi có lấy ví dụ về một dòng sông. Dòng sông vừa trôi chảy, vừa phải tiếp nhận – dọc đường đi của mình – những dòng nước khác. Dòng ngôn ngữ cũng vậy: một mặt nó phải giữ bản sắc cố hữu của dân tộc, nhưng nó không được phép gạt bỏ, từ chối những gì thời đại đem lại.”

(Chế Lan Viên)

*** Nhóm 3: Bài tập 1. trang 44**

- Câu a không trong sáng (có sự lẫn lộn giữa trạng

ngữ muốn xóa bỏ sự cách biệt giữa thành thị và nông thôn và chủ ngữ) vì dùng thừa từ đòi hỏi.
- Các câu b, c, d viết đúng chuẩn ngữ pháp nên là những câu trong sáng.

*** Nhóm 4: Bài tập 2. trang 45**

- Dùng từ *Tình nhân* thì thiên về việc nói đến con người hơn là ngày lễ
- Dùng từ *Valentine* là từ vay mượn nên không cần thiết.

→ Dùng từ (ngày) *Tình yêu* là đủ diễn đạt nội dung và sắc thái tình cảm. Không nhất thiết dùng từ nước ngoài.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** HS hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: **Nêu được trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.**

d) **Tổ chức thực hiện:**

GV yêu cầu HS trả lời: : Trình bày trách nhiệm của tuổi trẻ trong việc giữ gìn sự trong sáng của tiếng Việt.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời

- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) **Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) **Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) **Sản phẩm:** Kết quả của HS

Xóa đói giảm nghèo là nhiệm vụ **bức thiết** của huyện ta!.

- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới **quá bộ** đến nhà em!

- Hấn vốn có một **nhân thân** tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí

d) Tổ chức thực hiện:**GV yêu cầu HS trả lời bài tập****Chỉ ra chỗ sai và cách sửa trong việc dùng từ ở các câu văn sau:**

- Xoa đói giảm nghèo là nhiệm vụ bức tử của huyện ta!.
- Gớm, lâu quá, hôm nay bác mới quá độ đến nhà em!
- Hần vốn có một thân nhân tốt, thế mà không hiểu tại sao lại bị vướng vào vòng lao lí
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ , về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao*
- *GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.*

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)**HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)**

- Sự trong sáng của tiếng Việt
- Phương diện biểu lộ sự trong sáng của TV
- Sưu tầm những thành ngữ, tục ngữ, ca dao về lời ăn tiếng nói về sự học hỏi trong cách nói năng hàng ngày.
- Xem lại bài văn của chính mình và chữa những lỗi diễn đạt chưa trong sáng.
- Chuẩn bị bài: NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU, NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC.

Tuần 4

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết: 10, 11**NGUYỄN ĐÌNH CHIỂU,****NGÔI SAO SÁNG TRONG VĂN NGHỆ CỦA DÂN TỘC.****- Phạm Văn Đồng**

—

I. MỤC TIÊU**1. Kiến thức:**

Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận hiện đại.

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nghị luận : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.

- Những đánh giá vừa sâu sắc, mới mẻ, vừa có lí, có tình của Phạm Văn Đồng về cuộc đời và thơ văn Nguyễn Đình Chiểu, giá trị của thơ văn Đồ Chiểu đối với đương thời và ngày nay.

- Nghệ thuật viết bài văn nghị luận: lí lẽ xác đáng, lập luận chặt chẽ, ngôn từ trong sáng, gợi cảm, giàu hình ảnh.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn nghị luận hiện đại Việt Nam và nước ngoài
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
 - Chân dung Nguyễn Đình Chiểu, tranh ảnh về quê hương, ngôi mộ của Nguyễn Đình Chiểu; tác phẩm của Phạm Văn Đồng: *Tổ quốc ta, nhân dân ta, sự nghiệp ta và người nghệ sĩ.*

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước văn bản các tác phẩm để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập
- HS sưu tầm một số bài thơ viết về Nguyễn Đình Chiểu của Lê Anh Xuân, Viễn Phương.

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:
- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi:** Điền khuyết các câu sau:
 - a/ Nhân dân Nam Bộ gọi Nguyễn Đình Chiểu bằng cái tên thân mật là:.....Chiểu
 - b/ Chở bao nhiêuthuyền.....
Đâm.....bút.....
- **HS thực hiện nhiệm vụ:**
- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:**
- **GV nhận xét và dẫn vào bài mới:** trong chương trình Ngữ văn 11, các em đã học về tác giả Nguyễn Đình Chiểu, bài *Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*, *Chạy giặc*...Đề có cái nhìn khoa học về cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của ông, hôm nay chúng ta tìm hiểu về bài nghiên cứu của ông Phạm Văn Đồng.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu chung****a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ <i>GV yêu cầu HS tìm hiểu về tác giả và tác phẩm thông qua các câu hỏi gợi ý:</i>	I/ Tìm hiểu chung: 1/ Tác giả PVD: (1906-2000)
1. Tác giả - Đọc tiểu dẫn và trình bày những nét chính về tác giả PVD - Dựa vào phần <i>Tiểu dẫn</i> , nêu những nét chính về tác giả? - <i>Nêu hoàn cảnh ra đời của bài viết?</i> - Bài viết ra đời trong bối cảnh lịch sử lúc bấy giờ như thế nào? Bài viết được viết nhằm mục đích gì? + Nội dung bao trùm văn bản + Xđ các phần của vb theo thể loại, nêu nội dung từng phần + Xđ các luận điểm chính trong mỗi phần và câu văn khái quát luận điểm đó Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i> , SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + HS trình bày sản phẩm thảo luận Kết quả mong đợi:	- Nhà CM, CT, NG lỗi lạc của cách mạng VN thế kỉ XX - Nhà giáo dục, nhà lí luận vhoá vnghe 2/ Văn bản: a) Hoàn cảnh, mục đích sáng tác: b) Bố cục: * Luận đề:
1. Hoàn cảnh, mục đích sáng tác: - 7/1963- Kỉ niệm 75 năm ngày mất NĐC. - Hoàn cảnh năm 1963: Tình hình	

<p>miền Nam có nhiều biến động lớn + Mĩ tài trợ và can thiệp sâu hơn vào cuộc chiến tranh + Phong trào đấu tranh chống Mĩ và tay sai nổi lên khắp nơi, tiêu biểu là phong trào Đồng Khởi. - Đề tưởng nhớ NĐC; định hướng, điều chỉnh cách nhìn nhận, đánh giá về NĐC và thơ văn của ông; khơi dậy tinh thần yêu nước trong thời đại chống Mĩ cứu nước.</p> <p>2. Bố cục:</p> <p>* Luận đề: NĐC, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc.</p> <p>* Bố cục</p> <p>- Mở bài: NĐC, nhà thơ lớn của dân tộc cần phải được nghiên cứu, tìm hiểu và đề cao hơn nữa</p> <p>- Thân bài</p> <p>+ Đoạn 1: NĐC – nhà thơ yêu nước</p> <p>+ Đoạn 2: Thơ văn yêu nước của NĐC- tấm gương phản chiếu ph</p>	<p>* Bố cục</p> <p>- Mở bài:</p> <p>- Thân bài</p> <p>+ Đoạn 1:</p> <p>+ Đoạn 2:</p> <p>+ Đoạn 3:</p> <p>- Kết bài:</p> <p>* <i>Nhận xét kết cấu của vb</i></p> <p>- Không kết cấu theo trình tự thời gian</p> <p>- Lí giải (do mục đích sáng tác)</p>
<p>trào chống TDP oanh liệt và bền bỉ của nhân dân Nam Bộ.</p> <p>+ Đoạn 3: LVT, tác phẩm lớn nhất của NĐC, có ảnh hưởng sâu rộng trong dân gian nhất là ở miền Nam</p> <p>- Kết bài: Cuộc đời và sự nghiệp thơ văn NĐC- tấm gương sáng của mọi thời đại.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p> <p>GV chốt lại: → Điều kiện để có một bài NLVH tốt:</p> <p>o Có hiểu biết sâu rộng về văn học và các lĩnh vực khác</p> <p>o Có quan niệm đúng đắn về thế giới cũng như đời sống con người.</p>	

Hoạt động 2: Đọc – hiểu văn bản/ Tìm hiểu phần mở bài

a) Mục tiêu: HS biết nội dung và ý nghĩa của văn bản

b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản

- Đọc diễn cảm vb theo định hướng, nhận xét cách đọc của bạn

- Xđ nội dung, ý nghĩa phần mở bài.

- Nhận xét cách nêu vấn đề

Thao tác 2: Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: - Tác giả mở đầu bằng một nhận định

như thế nào, nêu lên điều gì?

Nhóm 2: Hiểu “lúc này” là thời điểm nào? Nhận

nhận thời điểm ấy, Phạm Văn Đồng muốn nêu lên

điều gì?

Nhóm 3: Sau đó, Phạm Văn Đồng đã dùng câu

văn ẩn dụ để khẳng định điều gì về Nguyễn Đình

Chiểu?

Nhóm 4:

- Em có nhận xét gì về cách đặt vấn đề của tác

giả?

- Theo tác giả, những lí do nào làm “n

gôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn

trên bầu

trời văn nghệ của dân tộc?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu

trả lời.

II. Đọc – hiểu văn bản:

1. Phần mở bài: Nguyễn

Đình Chiểu – nhà thơ lớn

của dân tộc

- Tác giả mở đầu bằng

một nhận định khách quan

có tính thời sự...

→ “Lúc này”: năm 1963,

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

- Tác giả mở đầu bằng một nhận định khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu:

quan có tính thời sự:

*“Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nh
à thơ lớn*

*của nước ta, đáng lẽ phải sáng tỏ hơn n
ữa trong*

*bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là
vào lúc*

này”

*** Nhóm 2**

“Lúc này”: năm 1963, phong trào đấu tr
anh

chống Mỹ – nguy của nhân dân miền N
am đang

phát triển sôi sục, rộng khắp

→ Nhấn mạnh thời điểm ca ngợi nhà th
ơ yêu nước

Nguyễn Đình Chiểu để khẳng định truy
ền thống

chống ngoại xâm, động viên nhân dân c
ả nước

vùng lên.

*** Nhóm 3**

- Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khắ
ng định tài

năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn
Đình

Chiểu:

*“Trên trời có những vì sao có ánh sáng
khác*

*thường, nhưng con mắt của chúng ta p
hải chăm*

*chú nhìn thì mới thấy, và càng nhìn thì
càng thấy*

*sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu
cũng vậy”*

- Tác giả dùng nghệ thuật

ẩn dụ để khẳng định tài

năng và tấm lòng yêu nước

của Nguyễn Đình Chiểu:

→ Cách đặt vấn đề: đúng

đắn, toàn diện và mới mẻ,

như một định hướng để tìm

hiểu về thơ văn Nguyễn

Đình Chiểu.

- Tác giả nêu hai lí do

khiến cho “ngôi sao Nguyễn

Đình Chiểu” chưa sáng tỏ

hơn trong bầu trời văn nghệ

dân tộc:

⇒ *Cách đặt vấn đề độc*

đáo: nêu vấn đề, lí giải

nguyên nhân, định hướng tìm hiểu... → pho

ng phú, sâu sắc

*** Nhóm 4**

- Tác giả nêu hai lí do khiến cho “ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc:
 + Thứ nhất: Nhiều người chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của truyện thơ *Lục Vân Tiên* và hiểu tác phẩm này khá thiên lệch về nội dung và nghệ thuật.
 + Thứ hai: Người đọc biết rất ít về thơ văn yêu nước - một bộ phận quan trọng trong sự nghiệp sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu.
 + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.
Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập
 + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức
 => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV giải thích:
o Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường: Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.
o Phải chăm chú nhìn thì mới thấy: phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kĩ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.
o Càng nhìn càng thấy sáng: càng nghiên cứu,

càng tìm hiểu kĩ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới

Hoạt động 2: Tìm hiểu phần thân bài

a) **Mục tiêu:** hiểu được câu chuyện của của người đàn bà ở toà án huyện

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

+ GV đặt câu hỏi:

Nhóm 1:

+ **Xđ các luận cứ của luận điểm 1; chỉ ra “Ánh sáng khác thường” trong cuộc đời và quan**

niệm văn chương của NĐC; nhận xét về cá nhân

lập luận

- Tác giả đã giới thiệu những gì về con người nhà thơ Nguyễn Đình Chiểu?

- Tác giả đã nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật nào?

khi giới thiệu về con người Nguyễn Đình Chiểu?

-Nhóm 2 :

+ **Xđ các luận cứ của luận điểm 2; lí giải cách**

triển khai luận điểm của tác giả.

- Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận

điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?

- Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn

Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu

sống. Đó là thời kì như thế nào?

- Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào?

II. Đọc–hiểu:

2. Phần thân bài:

a. **Luận điểm 1: “Ánh sáng**

khác thường” trong con

người và quan niệm sáng

tác của Nguyễn Đình Chiểu - Con người:

→ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu

mà nhấn mạnh vào đặc

điểm nổi bật: khí tiết của

một người chí sĩ yêu nước,

trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.

- **Quan điểm sáng tác:**

⇒ Tác giả đã đưa ra luận

điểm có tính khái quát cao,

luận cứ bao gồm các lí lẽ và

dẫn chứng tiêu biểu, cụ thể,

giúp người đọc hiểu rõ và

sâu sắc vấn đề.

b. **Luận điểm 2: “Ánh sáng**

khác thường” trong thơ

văn yêu nước của Nguyễn

Đình Chiểu

- **Nêu bối cảnh thời đại**

Nguyễn Đình Chiểu cảm

bút: “khổ nhục nhưng vĩ

đại”

<p>của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy đ ược sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sán g tạo đó là gì? - Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậ y để làm gì? - Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc c ảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì? - Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết n hư thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?</p> <p>Nhóm 3:</p>	<p>- Nêu nội dung chính thơ văn Nguyễn Đình Chiểu:</p>
--	--

+ Xđ nd ý kiến đánh giá của PVD về giá trị của tp LVT. Cách lập luận của tác giả

- Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?

- Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?

- Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm *Lục Vân Tiên*? Vì sao?
- Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?

- Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “*Truyện Lục Vân Tiên*” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào?

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời

o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “*Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc*”

→ Ta thấy được tính chiến đấu và sự sáng tạo trong việc xây dựng hình tượng người anh hùng hoàn toàn mới trong văn học – nghĩa sĩ nông dân

o So sánh với “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khái hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang

→ Khẳng định giá trị to lớn của bài văn tế.

o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “*Xúc cảnh*”

→ Tác giả không phân tích mà chỉ gợi ra để người đọc cảm nhận được sự phong phú trong thơ văn yêu nước Nguyễn Đình Chiểu

HS trả lời nhóm với kết quả mong đợi:*** Nhóm 1****- Con người:**

- + Sinh ra trên đất Đồng Nai hào phóng
- + Triều đình nhà Nguyễn cam tâm bán nước, nhân dân khắp nơi đứng lên đánh giặc cứu nước
- + Bị mù, Nguyễn Đình Chiểu dùng thơ văn phục vụ chiến đấu
- + Thơ văn ông ghi lại tâm hồn trong sáng và cao quý của ông và thời kì *khổ nhục nhưng vĩ đại* của dân tộc.

→ Tác giả không viết lại tiểu sử Nguyễn Đình Chiểu mà nhấn mạnh vào đặc điểm nổi bật: *khí tiết của một người chí sĩ yêu nước, trọn đời phấn đấu hi sinh vì nghĩa lớn.*

- Quan điểm sáng tác:

- + Thơ Nguyễn Đình Chiểu là thơ văn mang tính chiến đấu, đánh thẳng vào giặc xâm lược và tội tó của chúng.

+ Với Nguyễn Đình Chiểu, cầm bút còn là một thiên chức nên ông khinh miệt những kẻ lợi dụng văn chương để làm việc phi nghĩa.

→ Quan niệm sáng tác thống nhất với con người Nguyễn Đình Chiểu: văn thơ phải là vũ khí chiến đấu sắc bén.

o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa...

→ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu góp phần tạo nên diện mạo của văn học thời kì này và Nguyễn Đình Chiểu là lá cờ đầu, là ngôi sao sáng nhất của thơ văn yêu nước chống Pháp cuối thế kỉ XIX.

=> Nhận xét:

+ Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu bằng một *trí tuệ sáng suốt, hiểu biết sâu sắc* qua hệ thống *lập luận rõ ràng và chặt chẽ, dẫn chứng cụ thể và thuyết phục*

→ Giọng văn nghị luận không khô khan mà thấm đẫm cảm xúc

→ Con người hôm nay có điều kiện để *đồng cảm* với

<p>-Nhóm 2 :</p> <p>+ Xđ các luận cứ của luận điểm 2; lí giải cách triển khai luận điểm của tác giả.</p> <p>- Trong phần này, tác giả đã đưa ra những luận điểm và luận cứ như thế nào? Có tác dụng gì?</p> <p>- Trong phần đầu của luận điểm 2, Phạm Văn Đồng đã tái hiện lại thời kì Nguyễn Đình Chiểu sống. Đó là thời kì như thế nào?</p> <p>- Phạm Văn Đồng đã phân tích tác phẩm nào của Nguyễn Đình Chiểu để cho người đọc thấy được sự sáng tạo của Nguyễn Đình Chiểu? Sự sáng tạo đó là gì?</p> <p>- Tác giả đã so sánh bài Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc với Bình Ngô đại cáo. So sánh như vậy để làm gì?</p> <p>- Phạm Văn Đồng đã dẫn thêm bài thơ Xúc cảnh của Nguyễn Đình Chiểu nhằm mục đích gì?</p> <p>- Trong luận điểm 2, Phạm Văn Đồng viết về Nguyễn Đình Chiểu với trí tuệ, sự hiểu biết như thế nào? Nhận xét về cách viết của tác giả?</p> <p>* Nhóm 2</p> <p>-Nguyễn Đình Chiểu xứng đáng là “ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”, vì thơ văn ông đã “làm sống lại phong trào kháng Pháp bền bỉ và oanh liệt của nhân dân Nam Bộ từ 1860 trở về sau” → Vì nhà văn lớn, tác phẩm lớn khi phản ánh trung</p>	<p>một con người đã sống hết mình vì dân tộc, thấu hiểu hơn những giá trị thơ văn của con người đó.</p> <p>c. Luận điểm 3: “Ánh sáng khác thường” trong truyện thơ <i>Lục Vân Tiên</i></p> <p>- Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian</p> <p>- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:</p> <p>=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “<i>Truyện Lục Vân Tiên</i>” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến)</p> <p>→ Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.</p>
<p>thành những đặc điểm bản chất của một giai đoạn lịch sử trọng đại.</p> <p>+ Là tấm gương phản chiếu thời đại nên sáng tác của Nguyễn Đình Chiểu là lời ngợi ca những nghĩa sĩ nông dân dũng cảm và cũng là lời khóc thương cho những anh hùng thất thế, bỏ mình vì dân vì nước</p> <p>→ Phần lớn là những bài văn tế</p> <p>+ Thơ văn Nguyễn Đình Chiểu mang tính chiến đấu vì đã xây dựng những hình tượng “sinh động và náo nùng” về những con người “suốt đời tận trung với nước, trọng nghĩa với dân, giữ trọn khí phách hiên ngang cho dù chiến bại” và “ngòi bút, nghĩa là tâm hồn trung nghĩa của Nguyễn Đình Chiểu”:</p> <p>o Phân tích một tác phẩm tiêu biểu: “<i>Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc</i>”</p>	

o So sánh với “*Bình Ngô đại cáo*” của Nguyễn Trãi: Bài cáo là khúc ca khải hoàn, bài văn tế là khúc ca của những người anh hùng thất thế mà vẫn hiên ngang

o Trong thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu còn có những đoá hoa, hòn ngọc rất đẹp như “*Xúc cảnh*”

o Đặt tác phẩm của Nguyễn Đình Chiểu vào phong trào thơ văn kháng Pháp lúc bấy giờ với những tên tuổi tài năng như Phan Văn Trị, Nguyễn Thông, Bùi Hữu Nghĩa.

+ **GV:** Mặt khác, bản chất của văn chương là sáng tạo. Văn chương đóng góp cho đời bằng những cái độc đáo, chưa từng thấy ở các tác phẩm trước đó hoặc cùng thời.

Phạm Văn Đồng không nhìn nhận Nguyễn Đình Chiểu với con mắt hoài cổ mà luôn nhìn từ trung tâm cuộc sống hôm nay. *Cách nhìn nhận như vậy là tác giả muốn cho người đọc thấy được điều gì?*

Nhóm 3:

+ **Xđ nd ý kiến đánh giá của PVD về giá trị của tp LVT. Cách lập luận của tác giả**

- *Phạm Văn Đồng đã nêu lên lí do nào làm cho tác phẩm *Lục Vân Tiên* được xem là “lớn nhất” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian?*

- *Khi bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm, Phạm Văn Đồng thừa nhận điều gì?*

- Tác giả cũng đã khẳng định đó là những hạn chế như thế nào của tác phẩm *Lục Vân Tiên*? Vì sao?
 - Việc nêu lên hạn chế trước rồi sau đó lí giải có tác dụng gì?

- Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “*Truyện Lục Vân Tiên*” trong mối quan hệ nào? Đó là cách xem xét như thế nào?

*** Nhóm 3**

- Nêu nguyên nhân làm cho tác phẩm được xem là “*lớn nhất*” của Nguyễn Đình Chiểu và được phổ biến rộng rãi trong dân gian: “*trường ca ca ngợi chính nghĩa, những đạo đức đáng quý trọng ở đời, ca ngợi những con người trung nghĩa*”

- Bàn luận về những điều mà nhiều người cho là hạn chế của tác phẩm:

+ Thừa nhận sự thật: “*Những giá trị luân lí mà Nguyễn Đình Chiểu ca ngợi, ở thời đại chúng ta, theo quan điểm của chúng ta thì có phần đã lỗi thời*”, trong tác phẩm có những chỗ “*lời văn không hay lắm*” → trung thực, công bằng khi phân tích.

+ Khẳng định bằng những lí lẽ và dẫn chứng xác thực: đó là những hạn chế *không thể tránh khỏi* và *không phải là chính yếu*:

o Hình tượng con người trong “*Lục Vân Tiên*” gần gũi với mọi thời, vấn đề đạo đức trong *Lục Vân Tiên* mang tính phổ quát xưa nay → “*gần gũi với chúng ta*”, “*làm cho chúng ta cảm xúc và thích thú*”

o Lối kể chuyện “*nôm na*” dễ nhớ, dễ truyền bá trong dân gian → người miền Nam say sưa nghe kể “*Lục Vân Tiên*”

→ Thủ pháp “*đòn bẩy*”: nêu hạn chế để khẳng định giá trị trường tồn của tác phẩm “*Lục Vân Tiên*”
=> Phạm Văn Đồng đã xem xét giá trị của “*Truyện Lục Vân Tiên*” trong mối quan hệ mật thiết với đời sống nhân dân (quen thuộc với nhân dân, được nhân dân chấp nhận và yêu mến) → Đó là cơ sở đúng đắn và quan trọng nhất để đánh giá tác phẩm này.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 43: Tìm hiểu phần kết bài

a) **Mục tiêu:** hiểu được nội dung, ý nghĩa phần kết bài

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV đặt câu hỏi:

- *Tác giả đã khẳng định những gì về Nguyễn Đình Chiểu?*

- *Qua lời tổng kết đó, tác giả muốn rút ra bài học gì?*

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học

3. Phần kết bài:

- Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc

- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn

<p>tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nhóm lần lượt trình bày. 	<p>chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người: “Đời sống ... tư tưởng”</p>
---	---

- Khẳng định vẻ đẹp nhân cách và vị trí của Nguyễn Đình Chiểu trong nền văn học dân tộc: *“Nguyễn Đình Chiểu là một chí sĩ yêu nước, một nhà thơ lớn của nước ta”*.

- Nhấn mạnh ý nghĩa và giá trị to lớn của cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu. Đó là bài học cho mỗi con người: *“Đời sống ... tư tưởng”*

→ Nguyễn Đình Chiểu là nhà thơ yêu nước, là cò đầu của thơ văn yêu nước, là người nêu cao sứ mạng của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.

GV chốt lại: o Vai trò của người chiến sĩ trên mặt trận văn hoá tư tưởng

o Vai trò to lớn của văn học đối với đời sống
o Tưởng nhớ đến Nguyễn Đình Chiểu, một con người anh dũng, một *“ngôi sao sáng trong văn nghệ dân tộc”*

Hoạt động 6: Tổng kết

a) **Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập**GV đặt câu hỏi:**

- Tóm lại, qua bài văn nghị luận này, Phạm Văn Đồng muốn chúng ta hiểu thật đúng và thật sâu sắc những gì về cuộc đời và sự nghiệp văn chương của Nguyễn Đình Chiểu?

- Đánh giá bài văn, có ý kiến cho rằng nó có cách lập luận thuyết phục nhưng hơi khô khan, ít hấp dẫn. Có đúng như vậy không? Vì sao?

GV cho HS thảo luận cặp đôi.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời

HS tiến hành:

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận**III. Tổng kết:****1) Nghệ thuật:**

- Bố cục :

- Cách lập :

- Lời văn :

- Giọng điệu :

2) Ý nghĩa văn bản:

Khẳng định ý nghĩa cao đẹp của cuộc đời và văn nghiệp của Nguyễn Đình Chiểu: cuộc đời của một chiến sĩ phấn đấu hết mình cho sự nghiệp đấu tranh giải phóng dân tộc; sự nghiệp thơ văn của ông là một minh chứng hùng hồn cho địa vị và tác dụng to lớn của văn học nghệ thuật cũng như trách nhiệm

<p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Bố cục chặt chẽ, các luận điểm triển khai bám sát vấn đề trung tâm.. - Cách lập luận từ khái quát đến cụ thể, kết hợp cả diễn dịch, quy nạp và hình thức “đòn bẩy”. - Lời văn có tính khoa học, vừa có màu sắc văn chương vừa khách quan; ngôn ngữ giàu hình ảnh. - Giọng điệu linh hoạt, biến hoạt : khi hào sảng, lúc xót xa,... <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p><i>của người cầm bút đối với đất nước, dân tộc.</i></p>
--	--

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) **Mục tiêu:** củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) **Nội dung:** Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) **Sản phẩm:** Kết quả của học sinh: [1]='d' [2]='c' [3]='d'

d) **Tổ chức thực hiện:**

Câu hỏi 1: Trong phần mở đầu của bài văn “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc”, **Phạm Văn Đồng** đã ví Nguyễn Đình Chiểu và thơ văn của ông với hình ảnh nào?

a. Ngôi sao chói sáng trong bầu trời văn nghệ dân tộc

- b. Ngôi sao lẻ loi trong bầu trời văn nghệ dân tộc
- c. Ngôi sao sáng cuối cùng trong bầu trời văn nghệ dân tộc thế kỉ XIX
- d. Ngôi sao có ánh sáng khác thường, càng nhìn càng thấy sáng

Câu hỏi 2: Trong đoạn mở đầu bài văn, tác giả viết:” Ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu, một nhà thơ lớn của nước ta đáng lẽ phải sáng tỏ hơn nữa trong bầu trời văn nghệ của dân tộc, nhất là trong lúc này”. ”Lúc này” được nói tới ở đây là thời điểm nào?

- a. Năm 1945
- b. Năm 1954
- c. Năm 1963
- d. Năm 1975

Câu hỏi 3: Theo tác giả, vì sao” ngôi sao Nguyễn Đình Chiểu” chưa sáng tỏ hơn trong bầu trời văn nghệ dân tộc?

- a. Phần lớn độc giả mới chỉ biết Nguyễn Đình Chiểu là tác giả của “Lục Vân Tiên”
- b. Còn hiểu “Lục Vân Tiên” khá thiên lệch về nội dung và về văn
- c. Còn ít biết tới thơ văn yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu
- d. Cả A,B và C

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kĩ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

1/ Tác giả dùng nghệ thuật ẩn dụ để khẳng định tài năng và tấm lòng yêu nước của Nguyễn Đình Chiểu
 2/ o *Nguyễn Đình Chiểu là ngôi sao có ánh sáng khác thường*: Nguyễn Đình Chiểu là một hiện tượng độc đáo, thơ văn Nguyễn Đình Chiểu có vẻ đẹp riêng không dễ nhận ra.

o *Phải chăm chú nhìn thì mới thấy*: phải cố gắng tìm hiểu và tìm hiểu kỹ, phải kiên trì nghiên cứu thì mới cảm nhận được vẻ đẹp riêng của nó.

o *Càng nhìn càng thấy sáng*: càng nghiên cứu, càng tìm hiểu kỹ ta sẽ càng thấy được cái hay của nó và càng khám phá ra được những vẻ đẹp mới

d) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu HS trả lời câu hỏi:

Trong phần mở đầu bài “Nguyễn Đình Chiểu, ngôi sao sáng trong văn nghệ của dân tộc”, ông Phạm Văn Đồng có viết : ***“Trên trời có những vì sao có ánh sáng khác thường, nhưng con mắt thường của chúng ta phải nhìn chăm chú thì mới thấy và càng nhìn thì càng thấy sáng. Văn thơ của Nguyễn Đình Chiểu cũng vậy.”***

1. Xác định biện pháp tu từ và ý nghĩa biện pháp tu từ đó trong văn bản trên.

3. Các từ ngữ: ***ánh sáng khác thường, nhìn chăm chú, càng nhìn càng thấy sáng*** có hiệu quả nghệ thuật như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ ,về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao
- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Tác giả đánh giá rất cao ý nghĩa của bài "VTNSCG" qua đoạn văn nào? Tác giả đã bác bỏ những ý kiến hiểu chưa đúng về "Truyện Lục Vân Tiên" như thế nào?
- Mô hình hóa bố cục và lập sơ đồ hệ thống luận cứ, luận điểm của bài viết.

- Chuẩn bị bài: Đọc thêm: *Mấy ý nghĩ về thơ, Đô-xtôi-ép-xki.*

Tuần 4

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết: 12

THỰC HÀNH VỀ HÀM Ý

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nhận biết một số đặc điểm cơ bản của văn nghị luận mang tính chất lí luận văn học và dạng bài chân dung văn học

- Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính.
- Nhận thức về các đặc trưng của thơ
- Cách lập luận chặt chẽ, diễn đạt có hình ảnh, giàu cảm xúc.
- Cuộc đời và tác phẩm của Đôn-xtôi-ép-xki là nguồn cổ vũ quần chúng lao động nghèo đoàn kết đứng lên lật đổ ách cường quyền.
- Nghệ thuật dựng chân dung văn học của Xvai-gơ.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các văn bản lí luận văn học và chân dung văn học
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà
- GV tìm đọc các tác phẩm của Nguyễn Đình Thi: Mấy vấn đề văn học (1956), các tập thơ: Người chiến sĩ (1950), Bài thơ Hắc Hải (1959), Dòng sông trong xanh(1974), Tia nắng (1983)... các tác phẩm của Đôn-xtôi-ép-xki: Thắng ngốc, Anh em nhà Ka-ra-ma-dốp, Tội ác và trừng phạt, Bút kí dưới hầm chết, Những người bị quí ám... bài viết của Nguyễn Tuân về Đôn-xtôi-ép-xki (Nguyễn Tuân tuyển tập, tập 2).

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: Tổ chức Trò chơi ô chữ liên quan đến hàm ý

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

GV trình chiếu hình ảnh về nhà thơ Nguyễn Đình Thi, Bài thơ *Việt Nam đất nước ta ơi*, *Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ*, chân dung nhà văn Xvaigo, Dotx. Yêu cầu học sinh đọc một vài đoạn thơ của Nguyễn Đình Thi, nhận ra chân dung 2 tác giả;

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: trong chương trình Ngữ văn 9, các em đã học bài thơ *Khúc hát ru những em bé trên lưng mẹ*. Nguyễn Đình thi còn là nhà nghiên cứu phê bình văn học. Bên cạnh đó, SGK còn giới thiệu cho chúng ta đoạn trích về chân dung nhà văn nổi tiếng của nước Nga: Đxtoiexki. Hôm nay chúng ta cùng đọc thêm hai tác giả này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm *Mấy ý nghĩ về thơ*

a) Mục tiêu: Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm, hiểu được nội dung và ý nghĩa văn bản.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

Hướng dẫn đọc thêm văn bản "Mấy ý nghĩ về thơ"
Yêu cầu hs chú ý 3 đoạn đầu của bài trích để trả lời câu hỏi 1 (SGK).

- Thế nào là “rung động thơ” và “làm thơ”?
- Nêu ngắn gọn những đặc điểm cơ bản của ngôn ngữ - hình ảnh thơ.
- Quan niệm về thơ của NĐT ngày nay còn giá trị không? Vì sao?

HS tiếp nhận nhiệm vụ.

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

- + HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.
- + HS lần lượt trả lời từng câu.

I. Tiểu dẫn:

1. Tác giả:(SGK)

2. Tác phẩm:

- *Hoàn cảnh ra đời:* Cuộc kháng chiến chống Pháp bước sang năm thứ 3 và thu được những thắng lợi quan trọng, trong đó có sự góp phần tích cực của văn nghệ.

- *Mục đích sáng tác:* tác phẩm thể hiện một quan niệm đúng đắn về thơ nói chung, về thơ ca kháng chiến nói riêng; qua đó đáp ứng được yêu cầu thơ ca phục vụ kháng chiến, vừa nhấn mạnh và làm nổi bật đặc trưng bản chất của thơ ca.

II. Đọc- hiểu văn bản:

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

Kết quả mong đợi:

+ Rung động thơ: là khi tâm hồn ra khỏi trạng thái bình thường do có sự va chạm với thế giới bên ngoài và bật lên những tình ý mới mẻ.

+ Làm thơ: là thể hiện những rung động của tâm hồn con người bằng lời nói (hoặc chữ viết)

Những đặc điểm của ngôn ngữ - hình ảnh thơ:

Gồm

+ Phải gắn với tư tưởng - tình cảm

+ Phải có hình ảnh.(Vừa là hình ảnh thực, sống động,

mới lạ về sự vật vừa chứa đựng cảm xúc thành thực

+ Phải có nhịp điệu (bên ngoài và bên trong, các yếu tố ngôn ngữ và tâm hồn)

-Việc nêu lên những vấn đề đặc trưng bản chất của thơ ca không chỉ có tác dụng nhất thời lúc bấy giờ mà ngày nay nó vẫn còn có giá trị bởi ý nghĩa thời sự, tính chất khoa học đúng đắn, gắn bó chặt chẽ với cuộc sống và thực tiễn sáng tạo thi ca.

+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

1. Đặc trưng cơ bản

nhất của thơ:

- Đặc trưng cơ bản nhất của thơ là thể hiện tâm hồn con người.

-Quá trình ra đời của một bài thơ: Rung động thơ

=> Làm thơ

+ Rung động thơ:

+ Làm thơ:

2. Những đặc điểm của

ngôn ngữ - hình ảnh thơ:

- Phải gắn với tư tưởng - tình cảm

- Phải có hình ảnh

- Phải có nhịp điệu .

3. Nét đặc sắc về nghệ

thuật:

- Lập luận chặt chẽ.

- Văn giàu hình ảnh, cảm xúc.

4. Giá trị của bài tiểu

luận:

Hoạt động 2: Tìm hiểu về văn bản Đô-xtôi-ép-xki

- a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm, hiểu được nội dung và ý nghĩa văn bản.
b) **Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
c) **Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa
d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn học sinh đọc văn bản

GV tổ chức cho HS thảo luận nhóm:

Nhóm 1: - Đô-xtôi-ép-ki qua nét vẽ của X. Vai gơ là một con người có những nét gì đặc biệt về tính cách và số phận?

Nhóm 2: - *Tìm dẫn chứng về số phận bị vùi dập và sức lao động phi thường của Đô-xtôi-ép-xki ?*

Nhóm 3:

-*Hiệu quả của lối cấu trúc những hình ảnh trái ngược khi thể hiện chân dung Đô-xtôi-ép-xki?*

- *Từ câu “Cuối cùng ...” đến hết đoạn trích, các biện pháp so sánh, ẩn dụ đều quy tụ về một thể giới như thế nào? Qua đó, X.Vaigơ muốn nói lên những gì về sứ mạng, về tâm vóc của Đô-xtôi-ép-xki?*

II. ĐÔ - XTÔI – ÉP – XKI
(TRÍCH):

I. Tiểu hiểu chung:

1. **Tìm hiểu khái quát tiểu sử Đô-xtôi-ép-xki, X.**

Xvai-gơ:

+ **Đô-xtôi-ép-xki** là nhà văn

lớn của nước Nga. Cuộc đời

ông có nhiều thăng trầm, thay đổi quan điểm trong quá trình sáng tác và chuyển biến tư tưởng tình cảm. Ông để lại nhiều tác phẩm có giá trị..

+ **X. Xvai-gơ** (SGK)

2. **Tóm tắt những ý chính của đoạn trích**

- **Kiếp sống lưu vong.** (đoạn

1,2)

- **Trở về Tổ quốc** (phần còn lại)

Nhóm 4: *Tìm những câu văn chứng tỏ sức hút của nhân vật với tác giả và với cả nước Nga.*

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

a. Hai thời điểm đối lập trong cuộc sống của

Đô-xtôi-ép-xki:

- Thời điểm thứ nhất: kiếp sống của kẻ lưu vong

- Thời điểm thứ hai: trở về Tổ quốc. Sau đó là cái chết

b. Những nét mâu thuẫn trong thiên tài

Đô-xtôi-ép-xki:

- Những tình cảm mãnh liệt trong cơ thể yếu đuối của một con bệnh thần kinh.

- Con người mang trái tim vĩ đại phải tìm đến những cơ hội "thấp hèn" để làm tròn khát vọng.

3. Thể loại: chân dung văn học hay có thể gọi là truyện tiểu sử, truyện danh nhân.

- Đặc tính thể loại:

+ Dựa trên cuộc đời thực nhưng có phần tiểu thuyết hoá.

+ Chân dung văn học là một hình thức đứng giữa ba thể loại: tiểu sử- tiểu thuyết- phê bình văn học.

II. Đọc hiểu văn bản:

1. Chân dung

Đô-xtôi-ép-xki:

a. Hai thời điểm đối lập

trong cuộc sống của

Đô-xtôi-ép-xki:

- Thời điểm thứ nhất:

- Thời điểm thứ hai:

b. Những nét mâu thuẫn

trong thiên tài

Đô-xtôi-ép-xki:

→ Nơi tận cùng của bế tắc, Đô-xtôi-ép-xki đã tỏa sáng

- Số phận vùi dập thiên tài nhưng thiên tài tự cứu vãn bằng lao động và cũng tự đốt cháy trong lao động- đó chính là sự hấp dẫn ở tính cách và số phận đầy ngang trái của Đô-xtôi-ép-xki.

*** Nhóm 2**

-tờ séc cuối cùng, hiệu cầm đồ, phòng làm việc, châu Âu như một nhà ngục, cơn động kinh, tiền nợ, sống giữa đám người chảy rận...

- "*sứ mệnh đã hoàn thành*", trong "*tình cảm anh em của tất cả các giai cấp và tất cả các đẳng cấp của nước Nga*".

- Người lao động bị lưu đầy biệt xứ, "*đau khổ một mình*" trở thành "*sứ giả của xứ sở mình*", con người đầy mâu thuẫn và cô đơn mang lại cho đất nước "*một sự hoà giải*" và "*kiềm chế một lần cuối sự cuồng nhiệt của các mâu thuẫn thời đại ông*"- dù chỉ là lần cuối.

*** Nhóm 3**

- ***Tương phản:*** cấu trúc câu, hoàn cảnh, tính cách ...

- ***So sánh, ẩn dụ:*** cấu trúc câu , hình ảnh so sánh ẩn dụ có tính hệ thống .

- ***Bút pháp vẽ chân dung văn học :*** Gắn hình tượng con người trên khung cảnh rộng lớn.

cho vinh quang của Tổ quốc và dân tộc.

2. Nghệ thuật viết chân dung văn học :

- ***Tương phản:***

- ***So sánh, ẩn dụ:***

- ***Bút pháp vẽ chân dung văn học :***

=> Thẻ loại đứng ở ngã ba : *Tiểu sử - tiểu thuyết - chân dung văn học.*

→ Ngòi bút viết chân dung rất tài hoa giàu chất thơ trong văn xuôi chứng tỏ tâm lòng kính trọng của X.Xvai-gơ dành cho Đô-xtôi-ép-xki thật lớn lao biết chừng nào.

*** Nhóm 4**

+ Với sự thành kính xuất thần...ông báo trước sứ mệnh thiêng liêng của sự hòa giải nước Nga.

+ Sự hứng khởi thật không giới hạn , một vòng hào quang chói lọi bao quanh cái của người bị hành khổ này .

+...Giấc mơ thiêng liêng của Đô-xtôi-ép-xki được thực hiện trong đám tang của ông : sự đoàn kết của tất cả những người Nga .

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:

Câu 1: Phong cách ngôn ngữ nghệ thuật

Câu 2: Câu: Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường.

Câu 3: Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu là ngôn ngữ (lời và chữ) để thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình

d) Tổ chức thực hiện:

Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi từ Câu 1 đến Câu 3:

“Làm thơ, ấy là dùng lời và những dấu hiệu thay cho lời nói, tức là chữ – để thể hiện một trạng thái tâm lí đang rung chuyển khác thường. Làm thơ là đang sống, không phải chỉ nhìn lại sự sống, làm một câu thơ yêu, tâm hồn cũng rung động như khi có người yêu trước mặt. Bài thơ là những câu, những lời diễn lên, làm sống ngay lên một tình cảm, một nỗi niềm trong lòng người đọc. Ta nói truyền sang hình như người đọc chỉ đứng yên mà nhận. Nhưng kì thực, cái trạng thái tâm lí truyền sang ấy là người đọc tự tạo cho mình, khi nhìn những chữ, khi nghe những lời, khi mọi sợi dây của tâm hồn rung lên vì chạm thấy những hình ảnh, những ý nghĩa, những mong muốn, những tình cảm mà lời và chữ của bài thơ kéo theo đằng sau như vầng sáng xung quanh ngọn lửa.”

(Nguyễn Đình Thi, Mấy ý nghĩ về thơ, Ngữ văn 12, tập một)

Câu 1: Xác định phong cách ngôn ngữ chính của văn bản?

Câu 2: Chỉ ra câu văn nêu nội dung chính của văn bản?

Câu 3: Theo Nguyễn Đình Thi, nhà thơ dùng phương tiện/chất liệu nào để thể hiện tình cảm, cảm xúc của mình?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

- Nhà văn vĩ đại có thể xét trên nhiều mặt nhưng những điểm chính là: tác phẩm phải đề cập được những vấn đề lớn lao của xã hội và thời đại tác động mạnh mẽ vào nhận thức và tình cảm của nhân dân, được nhân dân ngưỡng mộ, kính yêu.

- Nhà văn vừa là nhà nghệ thuật, vừa là nhà tư tưởng nói lên được những khát khao chân chính của thời đại, vượt lên hoàn cảnh để cống hiến. Cho nên nhà văn vĩ đại còn là tấm gương sáng về tinh thần lao động không biết mệt mỏi.

- Tác phẩm mang giá trị nhân đạo sâu sắc.

d) Tổ chức thực hiện:

GV đặt câu hỏi: Qua văn bản của Xvai go, em hiểu thế nào là một nhà văn vĩ đại?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Suy nghĩ của Nguyễn Đình Thi về thơ đem đến cho người đọc những định hướng trong học tập và nghiên cứu.

- Chân dung nhà văn Đô – xtoi – ép – xki đem đến cho độc giả một tấm gương lí tưởng về cuộc đời của một văn sĩ nhiệt tâm và đầy tài năng cống hiến. Một tấm gương quên mình vì lí tưởng nghệ thuật cao đẹp

- Qua đoạn trích, anh chị hiểu gì về Đô – xtoi – ép – xki ?

- Chuẩn bị bài: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG

Tuần 5

Ngày soạn:/...../.....

Ngày dạy:/...../.....

Tiết: 13**NGHỊ LUẬN VỀ MỘT HIỆN TƯỢNG ĐỜI SỐNG****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

- Hiểu được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống;
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống;
- Nội dung, yêu cầu của bài văn NL về một hiện tượng đời sống
- Các thức triển khai bài văn NL về một hiện tượng đời sống

2. Năng lực:

- Năng lực viết văn bản nghị luận xã hội ;
- Năng lực đọc – hiểu một văn bản nghị luận về một hiện tượng đời sống
- Các năng lực chung như: thu thập kiến thức xã hội có liên quan; năng lực giải quyết vấn đề; năng lực sáng tạo; năng lực sử dụng, giao tiếp bằng tiếng Việt;
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU**1. Chuẩn bị của giáo viên:**

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) **Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) **Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

- GV giao nhiệm vụ:

Đọc thông tin sau có trên trang báo điện tử:

Để bị hỏng mắt, mắc bệnh tâm thần... vì nghiện chơi Pokemon Go

(Nguồn: <http://khampha.vn/tin-nhanh>)

Thông tin trên nêu ra hiện tượng gì?

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Đây là hiện tượng xấu. Chơi

Pokemon Go để lại nhiều tác hại

- GV nhận xét và dẫn vào bài mới: Văn nghị luận nói chung, nghị luận về một hiện tượng đời sống nói riêng là kiểu bài chúng ta thường gặp trong đời sống hằng ngày, trên báo chí và các phương tiện truyền thông đại chúng khác. Hơn nữa, ở bậc THCS, chúng ta cũng đã nghiên cứu khá kĩ kiểu bài này; vậy bây giờ em nào có thể nhắc lại những nội dung cơ bản đã học ở lớp 9?

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu đề

a) **Mục tiêu:** Hiểu đề

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ</p> <p>Thao tác 1: Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí</p> <p>GV hướng dẫn HS thảo luận để biết cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đời sống.</p>	<p>I. Cách làm một bài nghị luận về một hiện tượng đạo lí:</p> <p><i>1. Tìm hiểu đề:</i></p>

a. Tìm hiểu đề:

- Đề bài yêu cầu bàn về hiện tượng gì?

GV cho HS thực hiện yêu cầu của câu hỏi 2 và trình bày.

Hỏi: Nên chọn những dẫn chứng nào?

- Cần vận dụng những thao tác lập luận nào?

- Đề bài yêu cầu :

- Luận điểm:

Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

+ HS đọc nhanh *Tiểu dẫn*, SGK.

+ HS lần lượt trả lời từng câu.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ HS trình bày sản phẩm thảo luận

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:

1. - Đề bài yêu cầu bày tỏ ý kiến: việc làm của anh Nguyễn Hữu Ân - vì tình thương “*dành hết chiếc bánh thời gian của mình*” chăm sóc cho hai người mẹ bị bệnh hiểm nghèo.

- Luận điểm:

+ Việc làm của Nguyễn Hữu Ân: đã nêu một tấm gương về lòng hiếu thảo, vị tha, đức hi sinh của thanh niên.

<p>+ Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân là một hiện tượng sống đẹp, thế hệ ngày nay cần có nhiều tấm gương như Nguyễn Hữu Ân.</p> <p>+ Bên cạnh đó, còn một số người có lối sống ích kỉ, vô tâm, đáng phê phán, “<i>lãng phí chiếc bánh thời gian vào những việc vô bổ</i>”.</p> <p>+ Bài học: Tuổi trẻ cần dành thời gian tu dưỡng, lập nghiệp, sống vị tha để cuộc đời ngày một đẹp hơn.</p> <p>- Dẫn chứng:</p> <p>+ Một số việc làm có ý nghĩa của thanh niên ngày nay tương tự như Nguyễn Hữu Ân: dạy học ở các lớp tình thương, giúp đỡ người tàn tật có hoàn cảnh neo đơn, tham gia phong trào tình nguyện...</p> <p>+ Một số việc làm đáng phê phán của thanh niên học sinh: bỏ học ra ngoài chơi điện tử, đánh bi a, tham gia đua xe...</p> <p>- Thao tác nghị luận: phân tích, chứng minh, bình luận, bác bỏ.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	<p>- Dẫn chứng:</p>
<p>Hoạt động 2: Tìm hiểu cách lập dàn ý</p> <p>a) Mục tiêu: HS biết cách lập dàn ý.</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập
GV yêu cầu HS thảo luận để lập dàn ý.

Nhóm 1: *Phần mở bài cần nêu lên những gì? Giới thiệu về hiện tượng như thế nào?*

Nhóm 2: *Phần thân bài có những ý chính nào? Tại sao?*

Nhóm 3: *Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa gì, tiêu biểu cho phẩm chất nào của thanh niên ngày nay?*

Nhóm 4: *Em hãy đánh giá chung về những hiện tượng tương tự như hiện tượng Nguyễn Hữu Ân?*
- *Những hiện tượng nào cần phê phán*

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ

2. *Lập dàn ý:*

a. Mở bài:

b. Thân bài:

- Tóm tắt hiện tượng:

Nguyễn Hữu Ân đã dành hết thời gian của mình cho những người ung thư giai đoạn cuối.

- Phân tích hiện tượng:

Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:

học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1**

a. Mở bài:

- Giới thiệu hiện tượng Nguyễn Hữu Ân
- Trích dẫn đề văn, nêu vấn đề “*chia chiếc bánh mì của mình cho ai?*”

*** Nhóm 2**

b. Thân bài:

- Tóm tắt hiện tượng:
- Phân tích hiện tượng:
- Bình luận:
 - Phê phán:
- Kêu gọi:

*** Nhóm 3**

- Bình luận:

+ Đánh giá chung về hiện tượng:

+ Phê phán:

+ Kêu gọi:

Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không trôi đi vô ích.

c. Kết bài:

<p>Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân có ý nghĩa giáo dục rất lớn đối với thanh niên, học sinh ngày nay:</p> <ul style="list-style-type: none"> + Hiện tượng này chứng tỏ thanh niên Việt Nam đã và đang phát huy truyền thống <i>Lá lành đùm lá rách</i>, tinh thần tương thân tương ái, giúp đỡ lẫn nhau của cha ông xưa. + Hiện tượng Nguyễn Hữu Ân tiêu biểu cho lối sống đẹp, tình yêu thương con người của thanh niên ngày nay. + Một số tấm gương tương tự. <p>* Nhóm 4</p> <ul style="list-style-type: none"> + Đánh giá chung về hiện tượng: Đa số thanh niên Việt Nam có ý thức tốt với việc làm của mình, có hành vi ứng xử đúng đắn, có tấm lòng nhân đạo, bao dung. Không chỉ vì một số ít thanh niên có thái độ và việc làm không hợp lí mà đánh giá sai toàn bộ thanh niên. + Phê phán: Một vài hiện tượng tiêu cực “<i>lãng phí chiếc bánh thời gian</i>” vào những việc vô bổ, không làm được gì cho bản thân, gia đình, bạn bè, những người cần được quan tâm, chia sẻ. + Kêu gọi: Thanh niên, học sinh ngày nay hãy noi gương Nguyễn Hữu Ân để thời gian của mình không 	<p>Bày tỏ suy nghĩ riêng của người viết đối với hiện tượng.</p>
---	---

<p>trôi đi vô ích.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 3: Tìm hiểu cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:</p> <p>a) Mục tiêu: hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>- GV: Hướng dẫn HS trả lời câu hỏi 2 và ghi nhớ nội dung bài học qua phần Ghi nhớ trong SGK.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p>	<p><i>3. Cách làm bài nghị luận về hiện tượng đời sống:</i></p> <p>- Nghị luận đời sống:</p> <p>- Bài nghị luận cần:</p> <p>- Ngoài việc vận dụng các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận..., cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.</p>

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

- Nghị luận đời sống: là bàn về một hiện tượng có ý nghĩa trong xã hội.

- Bài nghị luận cần:

+ Nêu rõ hiện tượng

+ Phân tích các mặt đúng – sai, lợi – hại

+ Chỉ ra nguyên nhân

+ Bài tỏ ý kiến, thái độ của người viết

- Ngoài việc vận dụng các thao tác lập luận như phân tích, chứng minh, so sánh, bác bỏ, bình luận..., cần: diễn đạt sáng sủa, ngắn gọn, giản dị, nhất là phần nêu cảm nghĩ của riêng mình.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 4: Luyện tập

a) **Mục tiêu:** hiểu được giá trị nội dung, nghệ thuật quan trọng của truyện

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

GV hướng dẫn, gợi ý cho HS giải bài tập.

-- *Lãnh tụ NAQ bàn về hiện tượng gì trong đời sống?*

-- *Tác giả đã sử dụng những thao tác lập luận nào? Nêu d.chứng và pt tác dụng của chúng?*

-- *Nghệ thuật diễn đạt của văn bản?*

-- *Rút ra bài học gì cho bản thân?*

Yêu cầu HS đọc lại văn bản trích của lãnh tụ Nguyễn Ái Quốc và vận dụng các tri thức đã học để giải quyết các yêu cầu của bài tập

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

III. LUYỆN TẬP:

Bài tập 1:

a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng :

b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:

+ **Phân tích:**

+ **So sánh:**

+ **Bác bỏ:**

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

a. Trong văn bản trên, bàn về hiện tượng nhiều thanh niên, sinh viên Việt Nam du học nước ngoài dành quá nhiều thời gian cho việc chơi bời, giải trí mà chưa chăm chỉ học tập, rèn luyện để khi trở về góp phần xây dựng đất nước.

Hiện tượng ấy diễn ra vào những năm đầu của thế kỉ XX.

b. Tác giả đã sử dụng các thao tác lập luận:

+ **Phân tích:** Thanh niên du học mãi chơi bời, thanh niên trong nước “*không làm gì cả*”, họ sống “*già cỗi*”, thiếu tổ chức, rất nguy hại cho tương lai đất nước...

+ **So sánh:** nêu hiện tượng thanh niên, sinh viên Trung Hoa du học chăm chỉ, cần cù.

+ **Bác bỏ:** “*Thế thì thanh niên của ta đang làm gì? Nói ra thì buồn, buồn lắm: Họ không làm gì cả*”.

c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:

- Dùng từ, nêu dẫn chứng xác đáng, cụ thể,
- Kết hợp nhuần nhuyễn các kiểu câu trần thuật, câu hỏi, câu cảm thán.

c. Nghệ thuật diễn đạt của văn bản:

d. Rút ra bài học cho bản thân:

Xác định lí tưởng, cách sống; mục đích, thái độ học tập đúng đắn.

Bài tập 2: HS tự làm ở nhà.

<p>HS làm ở nhà.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thực trạng của vấn đề nghiện Ka-ra-ô-kê: - Nguyên nhân hậu quả, tác hại Ka-ra-ô-kê: - Giải pháp để làm giảm hiện tượng nghiện Ka-ra-ô-kê: - Bài học về nhận thức, hành động: <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức => Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: 1D, 2A</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>Đọc đoạn văn sau :</p> <p><i>Thanh niên ta ai cũng biết là hiện nay có hơn hai nghìn thanh niên Trung Quốc trên đất pháp và độ hơn năm vạn ở Châu Âu và Châu Mỹ. Hầu hết những thanh niên ấy đều đã tốt nghiệp Hán văn và tất cả đang là sinh viên-công nhân. Còn chúng ta, thì chúng ta có những sinh viên được học bổng và những sinh viên thưởng, nhờ ơn Nhà nước hay tiền của cha mẹ (hại thay, hai nguồn ấy lại không bao giờ cạn cả), mà đang giành một nửa thời giờ vào việc...chơi bi-a, một nửa của nửa thì giờ còn lại để đến các chốn ăn chơi; số thì giờ còn lại, mà ít khi làm</i></p>	

lắm, thì để vào trường đại học hoặc trường trung học. Nhưng sinh viên-công nhân Trung Quốc thì lại không có mục đích nào khác hơn là nhằm sự chấn hưng nền kinh tế nước nhà và họ theo châm ngôn : "Sinh sống bằng lao động của bản thân và vừa học hỏi vừa lao động" (Nguyễn Ái Quốc)

1. Trong đoạn văn trên, tác giả bàn luận vấn đề gì ?

- a. Thanh niên, sinh viên Việt Nam du học lãng phí thời gian vào những việc vô bổ
- b. Sinh viên -công nhân Trung Quốc với những nỗ lực tìm kiếm tri thức trên thế giới
- c. Hậu quả của sự lãng phí thời gian trong học tập của sinh viên Việt Nam
- d. Việc học tập và tu dưỡng của thanh niên Việt Nam khi đi du học ở nước ngoài

2. Thái độ của tác giả khi bàn về hiện tượng trên như thế nào?

- a. Xót xa, tiếc thương
 - b. Phê phán , lên án
 - c. Tôn vinh,tự hào
 - d. Đồng tình, ủng hộ
- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

a. Giải thích:

- Lối sống thực dụng là lối sống coi nặng giá trị vật chất, chạy đua theo những nhu cầu trước mắt, đặt lợi ích của bản thân lên trên tất cả, gần với sự ích kỉ, trục

lợi. Lối sống thực dụng là một căn bệnh nguy hiểm có thể làm băng hoại đạo đức con người.

- Biểu hiện của lối sống thực dụng: sống buông thả, thờ ơ, hành xử thô bạo, vi phạm pháp luật nhà nước, coi trọng tiền bạc, xem nhẹ những giá trị đạo đức, nhân cách, tâm hồn. Ví dụ: hiện tượng chọn nghề theo thị hiếu xã hội mà không theo sở thích, khả năng của bản thân; bạo lực trong học đường...

b. Phân tích, chứng minh tác hại, nguyên nhân của hiện tượng:

- Tác hại của lối sống thực dụng: Lối sống thực dụng sẽ làm tha hóa con người, khơi dậy những ham muốn bản năng, cơ hội, chạy theo hưởng lạc, những lợi ích trực tiếp trước mắt, xa rời những mục tiêu phấn đấu. Trong quan hệ giữa người với người, những tình cảm lành mạnh bị thay thế bằng quan hệ vụ lợi, vật chất. Trong đời sống, họ vô trách nhiệm, bàng quan, vô cảm, không đấu tranh chống cái sai và cũng không ủng hộ cái đúng, cái tốt.

- Nguyên nhân của lối sống thực dụng: do ý thức của bản thân; do môi trường giáo dục còn chưa chú trọng đến đạo đức, nhân cách, kỹ năng sống; do gia đình thiếu sát sao, quan tâm; do xã hội chưa tổ chức được những hoạt động hữu ích thu hút giới trẻ,...

c. Biện pháp khắc phục:

- Sống phải có khát vọng, lí tưởng, có hoài bão, mục đích sống, động lực để phấn đấu. Nhất là tuổi trẻ phải biết biến ước mơ thành hành động cụ thể, năng động, dám nghĩ, dám làm, không uổng phí thời gian, loại bỏ lối sống ích kỉ, vượt qua cám dỗ đời thường.

- Gia đình, nhà trường và xã hội cần quan tâm hơn tới giáo dục, tạo động lực phấn đấu và thu hút, trọng dụng giới trẻ vào những việc làm có ích.

d) Tổ chức thực hiện:

Viết một bài văn ngắn (khoảng 400 từ) trình bày suy nghĩ của anh (chị) về lối sống thực dụng đang làm băng hoại đạo đức của con người, đặc biệt là giới trẻ hiện nay.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao

- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Hãy nêu vắn tắt cách tìm hiểu đề và lập dàn ý đối với bài văn bàn về một hiện tượng đời sống?

- HS cần nắm lại: Cách làm bài văn nghị luận về một hiện tượng đời sống.

- Chuẩn bị bài: PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 14

PHONG CÁCH NGÔN NGỮ KHOA HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Biết đọc - hiểu và viết một văn bản khoa học phù hợp với đặc điểm phong cách ngôn ngữ khoa học.
- Hiểu đặc điểm của phong cách ngôn ngữ khoa học ; biết so sánh, phân biệt phong cách ngôn ngữ khoa học và các phong cách ngôn ngữ khác.
- Nắm được khái niệm ngôn ngữ khoa học, các loại văn bản khoa học thường gặp, các đặc trưng cơ bản của phong cách NNKH và đặc điểm về phương tiện ngôn ngữ trong PCNNKH;
- Sự lựa chọn các yếu tố ngôn ngữ trong quá trình soạn thảo các văn bản mang phong cách ngôn ngữ khoa học.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản
- Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập
- Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản
- Năng lực đọc - hiểu các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học ;
- Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày các văn bản thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

Giải thích và sắp xếp các từ sau thuộc môn học nào trong chương trình phổ thông?

a. Bado:

b. Ấn dụ:

c. Phân số thập phân:

d. Lực là tác dụng đẩy, kéo của vật này lên vật khác.

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

a. Bado: hợp chất mà phân tử gồm có một nguyên tử kim loại liên kết với một hay nhiều nhóm hi-đrô-xít. (Dùng trong văn bản khoa học hoá học).

b. Ấn dụ: gọi tên sự vật, hiện tượng này bằng tên sự vật, hiện tượng khác có nét tương đồng với nó. (Dùng trong văn bản khoa học Ngữ văn).

c. Phân số thập phân: phân số mà mẫu là lũy thừa của 10. (Dùng trong văn bản khoa học toán học).

Từ đó, giáo viên giới thiệu Vào bài: Trong cuộc sống thường ngày, ta được tiếp xúc và sử dụng nhiều phong cách ngôn ngữ khác nhau. Trong số đó có phong cách ngôn ngữ khoa học. Vậy phong cách ngôn ngữ khoa học là loại ngôn ngữ như thế nào? Nó có những đặc trưng gì? Tất cả sẽ được giải đáp trong bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học****a) Mục tiêu:** Biết về văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học.**b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.**c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.**d) Tổ chức thực hiện:****HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS****DỰ KIẾN SẢN PHẨM****Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ**

Yêu cầu 3 học sinh lần lượt đọc 3 đoạn trích từ 3 văn bản khoa học.

I. Văn bản khoa học và ngôn ngữ khoa học:*1. Tìm hiểu ngữ liệu:**- Về mức độ:**- Về phạm vi sử dụng:*

<p>- Ba đoạn trích trên đều nói về những vấn đề khoa học. Nhưng khác nhau về mức độ và phạm vi sử dụng như thế nào?</p> <p>- Như vậy, các văn bản trên là thuộc những loại văn bản khoa học nào?</p> <p>- Qua các ngữ liệu đã phân tích, em hiểu thế nào là ngôn ngữ khoa học?</p> <p>- Ngôn ngữ khoa học tồn tại dưới những dạng nào? Nêu ví dụ một số loại văn bản khoa học của từng dạng?</p> <p>- HS thực hiện, trả lời theo đúng khái niệm ngôn ngữ khoa học đã nêu trong SGK</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>1. Tìm hiểu ngữ liệu:</p> <p>- Về mức độ:</p> <p>+ Văn bản a: chuyên sâu</p>	<p>- Các loại văn bản khoa học:</p> <p>2. Ngôn ngữ khoa học:</p> <p>- Ngôn ngữ khoa học:</p> <p>- Các dạng:</p> <p>+ Dạng viết:</p> <p>+ Dạng nói:</p>
--	--

+ Văn bản b: phù hợp với học sinh THPT
 + Văn bản c: phổ cập
 - *Về phạm vi sử dụng:*
 + Văn bản a: những người có trình độ chuyên môn sâu
 + Văn bản b: trong nhà trường
 + Văn bản c: mọi người
 - *Các loại văn bản khoa học:*
 + Văn bản a: VBKH chuyên sâu
 + Văn bản b: VBKH giáo khoa
 + Văn bản c: VBKH phổ cập
 - *Ngôn ngữ khoa học:* Là ngôn ngữ dùng trong các văn bản khoa học, trong phạm vi giao tiếp về những vấn đề khoa học.
 - *Các dạng:*
 + Dạng viết: báo cáo khoa học, luận văn, luận án, SGK, sách phổ biến khoa học...
 + Dạng nói: giảng bài, nói chuyện khoa học, thảo luận – tranh luận khoa học...
 + GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng

Hoạt động 2: Tìm hiểu đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:

- a) **Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được tình huống truyện.
 b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
 c) **Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa
 d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV tổ chức thảo luận theo nhóm:

Nhóm 1: Dựa vào những tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, cho biết tính khái quát trừu tượng của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?

Nhóm 2: Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính lí trí, logic của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?

Nhóm 3: Qua tư liệu thực tế và nhận định trong SGK, em hiểu tính khách quan, phi cá thể hoá của ngôn ngữ khoa học thể hiện qua các phương tiện ngôn ngữ như thế nào?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

II. Đặc trưng của ngôn ngữ khoa học:

1. Tính khái quát, trừu tượng:

- Ngôn ngữ khoa học dùng nhiều thuật ngữ khoa học: từ chuyên môn dùng trong từng ngành khoa học và chỉ dùng để biểu hiện khái niệm khoa học.

- Kết cấu văn bản: mang tính khái quát (các luận điểm khoa học trình bày từ lớn đến nhỏ, từ cao đến thấp, từ khái quát đến cụ thể)

HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:*** Nhóm 1**

Tính khái quát, trừu tượng

Đặc trưng này biểu hiện rõ nhất ở các phương tiện ngôn ngữ, trước hết là các thuật ngữ khoa học.

Thuật ngữ là một bộ phận quan trọng trong vốn từ vựng của mỗi ngôn ngữ; nó có các đặc điểm: Là lớp từ ngữ chuyên dùng để biểu thị các khái niệm khoa học, công nghệ và thường được dùng trong các văn bản khoa học, công nghệ.

Thường mỗi thuật ngữ chỉ biểu thị một khái niệm và ngược lại, mỗi khái niệm chỉ được biểu thị bằng một thuật ngữ.

Thuật ngữ có tính khái quát, trừu tượng cao và không có tính biểu cảm.

Do đó, khi giải thích hoặc hiểu được một thuật ngữ có thể coi là đã nắm được một đơn vị tri thức khoa học nào đó.

*** Nhóm 2**

Việc dùng từ ngữ: các thuật ngữ đơn nghĩa

Việc dùng câu: mỗi câu thường tương đương với một phán đoán logic, nghĩa là được xây dựng từ hai khái niệm khoa học trở lên theo

2. Tính lí trí, logic:

- Từ ngữ: chỉ dùng với một nghĩa, không dùng các biện pháp tu từ.

- Câu văn: chặt chẽ, mạch lạc, là 1 đơn vị thông tin, cú pháp chuẩn.

- Kết cấu văn bản: Câu văn liên kết chặt chẽ và mạch lạc. Cả văn bản thể hiện một lập

một quan hệ nhất định. Ví dụ: *Dao động là chuyển động có giới hạn trong không gian, lặp đi lặp lại nhiều lần quanh một vị trí cân bằng.*

* Nhóm 3

Về từ ngữ: dùng các thuật ngữ đơn nghĩa; không dùng các từ ngữ đa nghĩa, thông tục hoặc không dùng từ ngữ với nghĩa chuyển có sắc thái biểu cảm khác nhau.

Về câu: thường chỉ mang thông tin khoa học thuần túy với nghĩa tường minh, không dùng nghĩa hàm ẩn; cấu trúc câu thường đơn giản, rõ ràng.

Về đoạn văn, văn bản: thường mạch lạc, lớp lang theo đúng trình tự của nhận thức lôgic; không đòi hỏi phải dùng liên tưởng, tưởng tượng, hư cấu.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi

luận logic.

3. Tính khách quan, phi cá thể:

- Câu văn trong văn bản khoa học: có sắc thái trung hoà, ít cảm xúc

- Khoa học có tính khái quát cao nên ít có những biểu đạt có tính chất cá nhân

kiến thức then chốt lên bảng.

Hoạt động 2: Luyện tập

- a) **Mục tiêu:** hiểu được lí thuyết và vận dụng vào bài tập.
- b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập + GV

III. Luyện tập:
1. Bài tập 1:

<p>Tổ chức cho HS thảo luận nhóm:</p> <p>Nhóm 1: Bài tập 1:</p> <ul style="list-style-type: none"> - <i>Nội dung thông tin là gì ?</i> - <i>Thuộc loại văn bản nào ?</i> - <i>Tìm các thuật ngữ khoa học được sử dụng trong văn bản ?</i> <p>Nhóm 2: Bài tập 2:</p> <p><i>Cho ví dụ về đoạn thẳng và chia nhóm cho học sinh thảo luận các từ còn lại</i></p> <p>Nhóm 3: Bài tập 3 :</p> <p><i>Tính lí trí và logic của văn bản được thể hiện ở những phương diện nào?</i></p> <p>Nhóm 4: Bài tập 4 :</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <p>*Nhóm 1</p> <p><i>Bài Khái quát văn học Việt Nam từ Cách mạng tháng Tám 1945 đến hết thế kỉ XX</i></p> <ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thông tin: + Hoàn cảnh lịch sử, xã hội và văn hoá 	<ul style="list-style-type: none"> - Nội dung thông tin: - Thuộc loại văn bản: - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:
--	--

+ Quá trình phát triển và những thành tựu chủ yếu của từng giai đoạn
 + Những đặc điểm cơ bản của văn học giai đoạn từ 1945 đến 1975 và 1975 đến hết thế kỉ XX.
 - Thuộc loại văn bản: ngành Khoa học Xã hội và Nhân văn, hoặc chuyên ngành Khoa học Ngữ văn
 - Ngôn ngữ khoa học trong văn bản có nhiều đặc điểm:

+ Dùng nhiều thuật ngữ khoa học.
 + Kết cấu của văn bản mạch lạc, chặt chẽ: có hệ thống đề mục lớn nhỏ, các phần, các đoạn rõ ràng

*** Nhóm 2**

Ví dụ: *Đoạn thẳng*

- Thông thường: là đoạn không cong queo, gãy khúc

- Toán học: Đoạn ngắn nhất nối hai điểm với nhau

*** Nhóm 3**

- Thuật ngữ: *khảo cổ, người vợ, hạch đá, mảnh tước, rìu tay, di chỉ, công cụ đá...*

- Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:

+ Câu đầu: nêu lên luận điểm

+ Các câu sau: nêu các luận cứ, cứ liệu thực tế

2. Bài tập 2:

3. Bài tập 3 :

- Thuật ngữ:

- Tính lí trí và logic thể hiện ở lập luận:

4. Bài tập 4:

- Lưu ý: Cần đảm bảo:

+ Nhất quán về nội dung: các câu đều tập trung vào chủ đề “sự cần thiết của việc bảo vệ môi trường sống” và phát triển, làm rõ chủ đề đó.

+ Các câu liên kết với nhau và có quan hệ lập luận chặt chẽ.

+ Mỗi câu, mỗi từ cần đúng về nghĩa, về phong cách khoa học.

<p>* Nhóm 4 (trình bày đoạn văn)</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	<p>- Đoạn văn: (Hoàn thiện ở nhà).</p>
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:</p> <p>1/Sự thiếu mạch lạc trong câu văn:</p> <p>+ Câu què quặt, thiếu chủ ngữ hoặc lặp, thừa chủ ngữ</p> <p>+ Không biết chấm câu, câu văn dài lê thê, “ý nọ xọ ý kia” hoặc rối ý</p> <p>+ Câu văn “đầu Ngô mình Sở”, không phát triển theo một chủ đề nhất định, đầu cuối không tương ứng.</p> <p>→ Yêu cầu của câu trong VBKH: mỗi câu tương ứng với một phán đoán logic, diễn đạt một ý; mỗi từ chỉ biểu hiện một nghĩa</p> <p>2/Sự thiếu mạch lạc trong đoạn văn, bài văn:</p>	

- + Ý của câu trước không ăn nhập với ý câu sau. Ý câu sau không phát triển được ý câu trước.
- + Ý của đoạn trước không liên kết với ý của đoạn sau
- + Bài văn: Phần mở đầu không định hướng cho phần lập luận. Phần lập luận không theo một trật tự logic nào. Luận điểm không rõ ràng, không được chứng minh; luận cứ không có cơ sở, phần lớn chỉ là bắt chước hoặc minh họa lẫn lộn. Phần kết luận không tóm tắt được những luận điểm đã trình bày.
- Do thói quen nghĩ gì viết nấy, nghĩ đến đâu viết đến đó, không có một dàn ý chung cho cả văn bản, không có một nội dung tổng thể trước khi viết văn bản → Trái với phong cách của ngôn ngữ khoa học.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ: Nêu những lỗi của cách diễn đạt không đúng phong cách khoa học trong các bài văn nghị luận:
- *HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời*
- *GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.*

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

- a) Mục tiêu:** Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức
 - b) Nội dung:** HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau
 - c) Sản phẩm:** Kết quả của HS
1. Đoạn văn thuộc phong cách ngôn ngữ khoa học. Có hai dấu hiệu để nhận biết điều ấy: thứ nhất, nội dung của đoạn văn bàn về một vấn đề của văn học sử Việt Nam; thứ hai, trong đoạn văn, người viết sử dụng nhiều thuật ngữ khoa học.

2. Các thuật ngữ khoa học xuất hiện trong đoạn văn: thể loại văn học, thơ, sử thi, truyện thơ dân gian, ca dao, dân ca, thơ cổ điển, văn xuôi, bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết.

3. Kho tàng văn học dân tộc là tất cả các tác phẩm văn học thuộc mọi thể loại (kể cả văn học dân gian và văn học viết) có mặt trong nền văn học của nước ta từ xưa đến nay.

4. Có thể đặt nhan đề cho đoạn văn là: vấn đề thể loại của nền văn học Việt Nam, hoặc Đặc điểm thể loại của nền văn học Việt Nam.

d) Tổ chức thực hiện:

- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** Đọc văn bản sau và trả lời các câu hỏi:

Về mặt thể loại văn học, ở nước ta, thơ có truyền thống lâu đời. Sử thi của các dân tộc ở Tây Nguyên, của dân tộc Mường..., truyện thơ dân gian của các dân tộc Thái, Tày, Nùng,..., còn lưu truyền nhiều thiên bất hủ. Ca dao, dân ca, thơ cổ điển của người Việt thời phong kiến cũng để lại nhiều viên ngọc quý. Thơ hiện đại, trước cũng như sau Cách mạng tháng Tám 1945, đã góp vào kho tàng văn học dân tộc biết bao kiệt tác. Văn xuôi tiếng Việt ra đời muộn, gần như cùng với thế kỉ XX, nhưng tốc độ phát triển và trưởng thành hết sức nhanh chóng. Với các thể bút kí, tùy bút, truyện ngắn, tiểu thuyết, văn xuôi Việt Nam đã có thể sánh cùng với nhiều nền văn xuôi hiện đại của thế giới.

1. Hãy cho biết, đoạn văn trên thuộc phong cách ngôn ngữ gì? Căn cứ vào đâu để nhận biết điều ấy?

2. Trong đoạn văn trên, tác giả đã sử dụng những thuật ngữ khoa học nào?

3. Anh (chị) hiểu thế nào là kho tàng văn học dân tộc?

4. Đặt nhan đề cho đoạn văn trên.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao
- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Các loại văn bản khoa học ?
- Các đặc trưng cơ bản của phong cách ngôn ngữ khoa học .

- Chuẩn bị bài: TRẢ BÀI SỐ I

Tiết 15/Tuần 05

TRẢ BÀI VIẾT SỐ 1

RA ĐỀ BÀI VIẾT SỐ 2 : NGHỊ LUẬN XÃ HỘI (BÀI LÀM Ở NHÀ)

Ngày soạn:

Ngày dạy:

I. Mục tiêu cần đạt:

- Kiến thức: Củng cố những kiến thức và kỹ năng làm văn có liên quan đến bài làm
- Kỹ năng: Nhận ra được những ưu điểm và thiếu sót trong bài làm của mình về các mặt kiến thức và kỹ năng viết bài văn nói chung.
- Thái độ: Có định hướng và quyết tâm phấn đấu để phát huy ưu điểm, khắc phục các thiếu sót trong bài văn sau.

II. Chuẩn bị của thầy và trò:

- GV: SGK, SGV, bài soạn, bài viết của hs
- HS: Vở soạn, sgk, bài viết của bản thân và của bạn

III. Tiến trình bài giảng:

1. Kiểm tra bài cũ:

- Thế nào là ngôn ngữ khoa học? Có các loại văn bản khoa học nào?
- Ngôn ngữ khoa học có những đặc trưng cơ bản nào?

2. Bài mới:

<i>Hoạt động của thầy và trò</i>	<i>Kiến thức cơ bản</i>

<p>HĐI. Hướng dẫn HS tìm hiểu đề</p> <p>- Nhắc lại đề bài của bài làm văn số 1 và xác định yêu cầu của đề bài về kĩ năng?</p>	<p>I. Phân tích đề:</p> <p><i>Trong bài thơ “Một khúc ca xuân” (12/1977), Tố Hữu có viết:</i></p> <p style="padding-left: 40px;"><i>“ Nếu là con chim chiếc lá</i> <i>Thì con chim phải hót, chiếc lá phải xanh</i> <i>Lẽ nào vay mà không có trả</i> <i>Sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”</i></p> <p><i>Anh (chị) hãy phát biểu ý kiến của mình về đoạn thơ trên.</i></p> <p>* Yêu cầu của đề:</p> <p>- Kĩ năng: Biết cách làm bài văn nghị luận về một tư tưởng, đạo lí.</p>
<p>- Về hình thức của bài làm, chúng ta cần đáp ứng những yêu cầu gì?</p>	<p>- Nội dung: Quan niệm sống phải biết cống hiến</p> <p>- Hình thức: Bài viết có bố cục rõ ràng, kết cấu chặt chẽ, diễn đạt lưu loát, không mắc lỗi chính tả, dùng từ và ngữ pháp.</p>

HDII. Hướng dẫn HS lập dàn ý

-Phần mở bài chúng ta cần đề cập đến những vấn đề gì?

-Phần thân bài cần phải triển khai những ý nào?

-Em hiểu như thế nào về nội dung của đoạn thơ?

- Quan niệm mà TH đưa ra có đúng không? có xác đáng không?

II. Lập dàn ý

1. Mở bài:

- Khái quát về nội dung đoạn thơ: hưởng thụ và cống hiến

- Dẫn đoạn thơ của TH.

2. Thân bài:

-Giải thích được ý nghĩa của đoạn thơ:

+ Nếu là: cách nói giả định.

+ Con chim, chiếc lá: những sinh linh nhỏ bé trong cõi đời. Tuy nhỏ bé nhưng khi đã hiện diện trên đời thì phải có trách nhiệm với đời. Nghĩa là “con chim phải hót, chiếc lá phải xanh”. Từ đó suy ra con người cũng vậy một khi đã sống, đã “vay” nhiều của xh thì phải biết “trả”. “Lẽ nào vay mà không có trả” là như vậy. Biết trả nợ xh đó là trách nhiệm của con người ở đời “sống là cho đâu chỉ nhận riêng mình”. Con người trong xh đâu phải chỉ là hưởng thụ mà còn phải biết cống hiến.

-Khẳng định quan niệm sống trong đoạn thơ là hoàn toàn xác đáng

<p>- Cần đưa ra những ý kiến của bản thân như thế nào về vấn đề hưởng thụ và cống hiến?</p>	<p>+ Quan niệm sống phải biết cống hiến của nhà thơ thể hiện một lẽ sống cao đẹp, vị tha của thanh niên trong thời đại Bác Hồ hiện nay.</p> <p>+ Là một thành viên sống trong cộng đồng xh, mỗi con người đều phải biết sống với nhau, sống có trách nhiệm với nhau. Vay nhiều của xh, ai cũng vậy đều phải ra sức trả món nợ ấy cho xh. Để trang trải món nợ đã vay ấy của xã hội, chúng ta phải biết cống hiến hết sức lực của mình</p> <p>+ Nếu mọi người đều như vậy, đất nước ta nhất định sẽ tiến lên văn minh, công bằng và giàu mạnh.</p> <p>-Bàn luận mở rộng:</p> <p>+ Phê phán: những ai chỉ biết hưởng thụ, vị kỉ, vụ lợi, chỉ biết “vay” mà không biết “trả”, sống ở trên đời mà thiếu tinh thần trách nhiệm đối với cuộc đời.</p> <p>+ Trong tình hình hiện nay, mỗi một con người đều phải xác định đúng việc rèn luyện tu dưỡng của bản thân mình, luôn luôn biết sống vì mọi người, thấy được “sống là cho” đó là điều hạnh phúc.</p> <p>+ Là hs, ngay từ khi ngồi trên ghế nhà trường cần phải có ý thức sống vì mọi người, sống là cống hiến.</p>
<p>Hoạt động III: Giáo viên nhận xét về bài văn của học sinh.</p> <p>- Từ những yêu cầu của đề bài, các em hãy cho biết các em đã làm</p>	<p>III. Nhận xét:</p> <p>1. Ưu điểm:</p> <p>- Về kĩ năng: mét số biết vận dụng kiểu văn nghị luận</p>

<p><i>được những gì và những gì chưa làm được trong bài làm của mình?</i></p>	<ul style="list-style-type: none"> - Về kiến thức: xác định được các luận điểm cần thiết cho bài văn - Bố cục: rõ ràng, đủ 3 phần - Về diễn đạt: tương đối rõ ràng, biết vận dụng các phương tiện để liên kết câu và đoạn. <p>2. Nhược điểm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Đa số chưa xác định được các luận điểm cần thiết. - Bài viết thiếu dẫn chứng, chưa đủ sức thuyết phục. - Còn sai nhiều lỗi chính tả, trình bày bản
---	---

<p>HĐ IV.</p> <p>GV trả bài và yêu cầu HS:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Xem lại bài và đọc kĩ lời phê của GV. - Tự sửa các lỗi về dùng từ, đặt câu, bố cục, liên kết. - Trao đổi bài cho bạn để cùng nhau rút kinh nghiệm

<p>HĐV. Đề bài viết số 2:</p> <p>Đề 1: <i>Hiện nay vẫn còn tình trạng trẻ em cơ nhỡ, lang thang kiếm sống ở các thành phố, thị trấn. Nhưng đã và đang xuất hiện nhiều cá nhân, gia đình, tổ chức thu nhận các em về những mái ấm tình thương để nuôi dạy, giúp đỡ các em học tập, rèn luyện, vươn lên sống lành mạnh, tốt đẹp.</i></p> <p>Anh (chị) hãy bày tỏ suy nghĩ về hiện tượng đó.</p> <p>Đề 2: <i>“Mọi phẩm chất của đức hạnh là ở trong hành động”</i></p> <p>Ý kiến trên của nhà văn Pháp M. Xi-xê-rông gợi cho anh (chị) những suy nghĩ gì về việc tu dưỡng và học tập của bản thân.</p>
--

3. **Củng cố:** Giáo viên yêu cầu học sinh rút kinh nghiệm cho bài văn của mình.
4. **Hướng dẫn tự học:**
 - Soạn bài mới: “Thông điệp nhân ngày thế giới phòng chống AIDS 1.12.2003”

Tuần 6

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 16, 17:**THÔNG điệp NHÂN NGÀY THẾ GIỚI PHÒNG CHỐNG AIDS, 1.12.2003****(Cô - phi – An – na)****I. MỤC TIÊU****1. Kiến thức:**

Nêu thông tin về tác giả, tác phẩm

Hiểu những đặc sắc về nội dung và nghệ thuật của văn bản nhật dụng : các luận điểm - tư tưởng, cách lập luận chặt chẽ, sắc bén, cách đưa dẫn chứng sinh động, thuyết phục, sử dụng ngôn ngữ chính

-Thấy được tầm quan trọng và sự bức thiết của công cuộc phòng chống HIV/AIDS đối với toàn nhân loại và mỗi cá nhân.

- Nhận thức rõ trách nhiệm của các quốc gia và từng cá nhân trong việc sát cánh, chung tay đẩy lùi hiểm họa.

-Những suy nghĩ sâu sắc và cảm xúc chân thành của tác giả.

2. Năng lực:

-Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản

-Năng lực hợp tác để cùng thực hiện nhiệm vụ học tập

-Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong các văn bản

-Năng lực đọc - hiểu các tác phẩm Văn bản nhật dụng

-Năng lực sử dụng ngôn ngữ, trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về các vấn đề xã hội được rút ra từ văn bản nghị luận.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.**II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU****1. Chuẩn bị của giáo viên:**

-Giáo án

-Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi

-Tranh ảnh, video clip; những mẫu tin trên báo chí mang tính thời sự về phòng chống AIDS

-Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp

-Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

-Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài

-Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)

-Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY**A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG**

- a) Mục tiêu:** Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.
- b) Nội dung:** GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm:** Nhận thức và thái độ học tập của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**
- GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi :
- 1/GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về văn bản nhật dụng bằng cách nhắc lại các văn bản nhật dụng đã học ở THCS.
- 2/ Trình chiếu một vài hình ảnh về tranh cổ động tuyên truyền phòng chống AIDS ở Việt Nam và thế giới
- HS thực hiện nhiệm vụ:
 - HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:
- Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài*:

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu chung

- a) Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về hàm ý
- b) Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.
- c) Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.
- d) Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ * GV đặt câu hỏi:	I. Tìm hiểu chung: 1. Tác giả: Cô-phi An-nan.

<p><i>Qua đó em hãy cho biết phẩm chất, vị trí, vai trò và thái độ của Cô-phi An-nan đối với công cuộc chống đại dịch hiểm họa cho loại người?</i></p> <p><i>Em hãy nêu vài nét về tác phẩm?</i></p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS trình bày sản phẩm thảo luận <p>HS Tái hiện kiến thức và trình bày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Sau hơn nửa thế kỉ (1945-1997), Liên hiệp quốc mới có một người thuộc châu Phi, da đen được bầu vào chức vụ Tổng thư kí. Đó không chỉ là chiến thắng của tinh thần bình đẳng, bình quyền giữa các dân tộc trên trái đất mà còn là sự thừa nhận những phẩm chất ưu tú của cá nhân Cô-phi An-nan. - Được trao giải thưởng Nô- ben Hoà bình năm 2001 là sự ghi nhận những đóng góp to lớn của ông đối với việc xây dựng "một thế 	<p>2. Tác phẩm:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thông điệp này công bố hơn hai năm sau khi ông ra Lời kêu gọi hành động trước hiểm họa HIV/AIDS và tiến hành vận động thành lập Quỹ sức khỏe và AIDS toàn cầu => Chứng tỏ quyết tâm bền bỉ của ông trong việc theo đuổi công cuộc đấu tranh chống lại mối hiểm nguy đang đe dọa toàn nhân loại. - Thể loại: văn bản chính luận, nhật dụng
--	--

<p>giới được tổ chức tốt hơn và hoà bình hơn".</p> <p>Giữa bẽ bộn những lo toan nhiều mặt cho đời sống nhân loại, ông vẫn không quên dành sự ưu tiên đặc biệt cho cuộc chiến chống đại dịch HIV/AIDS.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	
<p>Hoạt động 2: Đọc hiểu văn bản</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>HS: Thảo luận về cách tổng kết tình hình phòng chống AIDS.</p> <p>Nhóm 1: Tổng kết tình hình phòng chống HIV/ AIDS được thể hiện như thế nào qua bức thông điệp?</p> <p>Gợi ý:</p>	<p>II. Đọc- hiểu văn bản:</p> <p>1. Nội dung bản thông điệp:</p> <p>- HIV/ AIDS là nạn đại dịch gây tỉ lệ tử vong cao, tốc độ lây lan nhanh và chưa tìm ra thuốc đặc hiệu điều trị, trở thành hiểm họa cho đời sống nhân loại.</p> <p>- Là người đứng đầu tổ chức quốc tế lớn nhất, Cô- phi An- nan kêu gọi các quốc gia và toàn thể nhân dân thế giới nhận</p>

<p>- Điểm tình hình ngắn gọn, đầy đủ, bao quát như thế nào?</p> <p>- Cách đưa ra những dữ kiện, những con số của tác giả có khả năng tác động tới người nghe ra sao?</p> <p>Nhóm 2: <i>Nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS.</i></p> <p>* Nhóm 3</p> <p>- <i>Kết thúc bản thông điệp, tác giả đặt ra vấn đề gì?</i></p> <p>* Nhóm 4</p> <p><i>Trong lời kêu gọi mọi người phải nỗ lực ... tg đặc biệt nhấn mạnh đến điều gì? Từ đó em cảm nhận gì về con người tg, về đặc sắc của bài văn?</i></p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động</p>	<p>thấy sự nguy hiểm của đại dịch này và tích cực chung tay góp sức ngăn chặn, đẩy lùi hiểm họa.</p> <p>2. Tổng kết tình hình phòng chống HIV/ AIDS:</p> <p>-Phân điểm tình hình: phân tích những mặt đã làm được, chưa làm được của quốc gia trong việc phòng chống đại dịch HIV/AIDS. Tác giả nêu cụ thể những mặt chưa làm được để gióng lên hồi chuông báo động về nguy cơ đại dịch HIV/AIDS.</p> <p>-Phân điểm tình hình không dài nhưng giàu sức thuyết phục và lay động bởi tầm bao quát lớn, những số liệu cụ thể (mỗi phút có khoảng 10 người bị nhiễm HIV), chỉ ra những nguy cơ và nhất là bởi sự bộc lộ những tiếc nuối của tác giả vì có những điều lẽ ra phải làm được thì thực tế chúng ta chưa làm được,...</p> <p>3. Phân nêu nhiệm vụ cấp bách, quan trọng hàng đầu trong việc phòng chống AIDS</p> <p>- Phải nỗ lực thực hiện cam kết của mình bằng những nguồn lực và hành động cần thiết.</p>
---	--

và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

Nhóm 1:

- Nhìn lại tình hình thực hiện phòng chống AIDS: đã có dấu hiệu về nguồn lực, ngân sách, chiến lược quốc gia về phòng chống AIDS song hành động của chúng ta còn quá ít so với yêu cầu thực tế.

- Cách tổng kết tình hình có trọng tâm: dịch HIV/AIDS vẫn đang hoành hành khắp thế giới “có rất ít dấu hiệu suy giảm” do chúng ta chưa hoàn thành mục tiêu đề ra trong cam kết và với tiến độ như hiện nay chúng ta sẽ không đạt bất cứ mục tiêu nào vào năm 2005.

+ Mỗi phút đồng hồ có 10 người nhiễm HIV/ AIDS.

+ Đại dịch lây lan với tốc độ báo động ở phụ nữ, đang lan rộng ở khu vực Đông Âu, toàn châu Á, từ đây Uran đến Thái Bình Dương...

*** Nhóm 2**

- Phải đưa vấn đề AIDS lên vị trí hàng đầu trong chương trình nghị sự về chính trị và hành động.

- Phải công khai lên tiếng về AIDS.

- Không được kì thị và phân biệt đối xử đối với những người sống chung với HIV/AIDS.

- Đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức tường rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”.

- Trong thế giới AIDS khốc liệt này không có khái niệm “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết. Có nghĩa là phải hành động để chống lại đại dịch AIDS đang đe dọa mọi người trên hành tinh này, không trừ một ai.

4. Kết thúc: Lời kêu gọi phòng chống AIDS

⇒ Chúng ta hãy tránh xa AIDS!

“Thậm chí ...những người bị HIV/AIDS”

-> con người có trái tim nhân hậu, chan chứa yêu thương, một tấm lòng nhân đạo sâu sắc, ở ông có tầm nhìn sâu rộng đối với sự vận động không ngừng của sự sống, luôn quan tâm đến vận mệnh của

<p>- Phải nỗ lực nhiều hơn nữa để thực hiện cam kết của mình bằng nguồn lực và hành động cần thiết.</p> <p>- Đừng có ai ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” với “họ”.</p> <p>- Hãy sát cánh cùng tôi...</p> <p>* Nhóm 3</p> <p><i>Tôi cùng các bạn hãy đánh đổ các thành lũy của sự im lặng, thờ ơ hoặc né tránh, sự kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh này để nói to lên lời tâm huyết, quyết tâm, để sát cánh chiến đấu đến cùng chống lại và chiến thắng hiểm họa HIV/AIDS.</i></p> <p>* Nhóm 4</p> <p>- Tôi kêu gọi các bạn hãy cùng với tôi lên tiếng thật to và hãy đồng dục về HIV/AIDS.</p> <p>- Hãy cùng tôi giật đổ các thành lũy của sự im lặng, kì thị và phân biệt đối xử đang vây quanh bệnh dịch này.</p>	<p>loài người, là con người sống vì công việc, vì sự ổn định của toàn nhân loại</p>
--	---

<p>- Hãy sát cánh cùng tôi, bởi lẽ cuộc chiến chống lại HIV/AIDS bắt đầu từ chính các bạn.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p>	
<p>Hoạt động 3: Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>* GV đặt câu hỏi:</p> <p>-Trước và sau khi có bản thông điệp, theo em thái độ của em, và mỗi người về HIVS có điều gì không?</p> <p>-Bản thông điệp ra đời cách đây 5 năm, theo em nội dung của nó còn có giá trị không?</p>	<p>III. Tổng kết</p> <p>1. Nghệ thuật:</p> <p>- Cách trình bày chặt chẽ, lô gích ...</p> <p>- Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. ...</p> <p>2. Ý nghĩa văn bản: Bản thông điệp là tiếng nói kịp thời trước một nguy cơ đe dọa cuộc sống của loài người, thể hiện</p>

<p>- Giải thích vì sao bài văn có sức thuyết phục mạnh mẽ người đọc?</p> <p>- HS tiếp nhận nhiệm vụ.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>HS dựa vào bài học và phần ghi nhớ trong SGK để tổng kết : Nghệ thuật</p> <p>GV nhấn mạnh HS học tập An nan về kĩ năng viết VB nghị luận</p> <p>- Cách trình bày chặt chẽ, lô gích cho thấy ý nghĩa bức thiết và tầm quan trọng đặc biệt của cuộc chiến chống lại HIV/AIDS;</p> <p>- Bên cạnh những câu văn truyền thông điệp trực tiếp, có rất nhiều câu văn giàu hình ảnh, cảm xúc. Do đó, tránh được lối “hô hào” sáo mòn,</p>	<p>thái độ sống tích cực, một tinh thần trách nhiệm cao, tình yêu thương nhân loại sâu sắc. Thông điệp giúp mọi người biết quan tâm tới hiện tượng đời sống đang diễn ra; biết chia sẻ, không vô cảm trước nỗi đau của con người.</p>
---	---

truyền được tâm huyết của tác giả đến với người nghe, người đọc.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:

a. *Nêu nội dung chính của đoạn văn?*

- Tác giả nêu nhiệm vụ, đề nghị mọi người phải nỗ lực phòng chống HIV/AIDS nhiều hơn nữa:

+ Ai cũng phải phòng chống HIV/AIDS.

+ Phòng chống HIV/AIDS là nhiệm vụ của chúng ta.

- Tác giả đề nghị mọi người không lẫn tránh trách nhiệm phòng chống HIV/AIDS ; không vội vàng phán xét đồng loại, không kì thị và phân biệt đối xử với những người đã mắc bệnh HIV/AIDS.

b. *Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào “họ” là đối tượng nào?*

Độc văn bản cần hiểu *chúng ta* là từ chỉ những người hiện chưa bị lây nhiễm HIV ; *họ* là từ chỉ những bệnh nhân bị nhiễm HIV / AIDS.

c. Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì?

- Đọc văn bản cần hiểu *im lặng* là từ chỉ thái độ bàng quan, thờ ơ, vô cảm của con người trước đại dịch HIV/AIDS.
- *Công khai lên tiếng về AIDS* là từ chỉ những thái độ và hành động tích cực của con người trong việc phòng chống HIV/AIDS.

d. Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: Trong thế giới đó, im lặng...

- Câu văn tạo ra mối tương quan giữa một bên là sự thờ ơ trước dịch HIV/AIDS và một bên là cái chết, để qua đó cho thấy sự tích cực chống lại HIV/AIDS, với loài người, là vấn đề có ý nghĩa sinh tử, tồn vong, sống hay không sống.
- Tác giả so sánh: Nếu ta thờ ơ trước đại dịch HIV/AIDS cũng có nghĩa là ta chấp nhận cái chết, sự hủy diệt sẽ đến với loài người.

e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao?

- Đây là văn bản nghị luận. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm trước một vấn đề xã hội, cách lập luận chặt chẽ, có sức thuyết phục.
- Đây là văn bản nghị luận về vấn đề xã hội. Vì nội dung đề cập đến thái độ, quan điểm rõ ràng trước đại dịch HIV/AIDS, suy luận lô gic, chặt chẽ.

g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì? - Tác giả cảnh báo các nguy cơ của thái độ xa lánh, chia rẽ, phân biệt đối xử với những người nhiễm HIV/AIDS dẫn tới mục tiêu phòng chống HIV/AIDS của chúng ta sẽ không thể hoàn thành. Và chính bằng cách đó,

C. An-nan đã cổ động nhiệt tình cho sự đối xử ấm áp, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS.

- C. An-nan đã kêu gọi mọi người hãy đối xử bình đẳng, gần gũi đối với những người bị nhiễm HIV/AIDS vì đó là cách mà con người có thể chủ động phòng chống căn bệnh này có hiệu quả.

d) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ:

Đọc văn bản sau và trả lời câu hỏi phía dưới:

... “Đó là lý do chúng ta phải công khai lên tiếng về AIDS. Dè dặt, từ chối đối mặt với sự thật không mấy dễ chịu này, hoặc vội vàng phán xét đồng loại của mình, chúng ta sẽ không đạt được tiến độ hoàn thành các mục tiêu đề ra, thậm chí chúng ta còn bị chậm hơn nữa, nếu sự kỳ thị và phân biệt đối xử vẫn tiếp tục diễn ra đối với những người bị HIV/AIDS. Hãy đừng để một ai có ảo tưởng rằng chúng ta có thể bảo vệ được chính mình bằng cách dựng lên các bức rào ngăn cách giữa “chúng ta” và “họ”. Trong thế giới khốc liệt của AIDS, không có khái niệm chúng ta và họ. Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.”...

(Trích Thông điệp nhân Ngày Thế giới phòng chống AIDS, 1-12-2003 – Cô-phi An-nan)

a. Nêu nội dung chính của đoạn văn trên?

b. Đọc đoạn văn trên em hiểu “chúng ta” là đối tượng nào, “họ” là đối tượng nào?

c. Đọc đoạn văn trên em hiểu “im lặng” có nghĩa là gì? “công khai lên tiếng về AIDS” có nghĩa là gì?

d. Phân tích ý nghĩa của câu văn sau trong đoạn trên: *Trong thế giới đó, im lặng đồng nghĩa với cái chết.*

e. Xét về phương thức biểu đạt đoạn văn trên thuộc loại văn bản nào? Vì sao?

g. Theo anh (chị) thông điệp mà tác giả muốn nói với người đọc trong đoạn văn trên là gì?

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời

- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Viết một bản báo cáo về tình hình phòng chống HIV/AIDS ở địa phương.

- Chuẩn bị bài: NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

Tuần 6

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 18

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT BÀI THƠ, ĐOẠN THƠ

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;
- Sử dụng đúng phong cách ngôn ngữ văn học, diễn đạt trôi chảy để tạo lập văn bản nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;
- Hiểu mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ;
- Biết cách thức triển khai bài nghị luận về một tác phẩm thơ.

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Những ngữ liệu để hướng dẫn học sinh làm bài
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2/Trò

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng câu hỏi trắc nghiệm sau:

Đề bài nào sau đây thuộc kiểu bài nghị luận về đoạn thơ, bài thơ?

a. Suy nghĩ về câu tục ngữ : "Lá lành đùm lá rách"

b. Lòng nhân ái

c. Cảm nhận của anh/ chị về bài thơ Đồng Chí (Chính Hữu)

d. Về những dòng sông bị ô nhiễm hiện nay.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ: Gợi ý trả lời: c**

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Ở chương trình Ngữ văn 9,10,11, các em đã từng nắm lí thuyết và thực hành những bài làm văn mà đối tượng chính là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ. Qua bài trắc nghiệm trên, chúng ta sẽ tìm hiểu kĩ hơn dạng bài nghị luận văn học này.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Tìm hiểu cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

a) Mục tiêu: HS nắm được cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM	
Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ Hướng dẫn tìm hiểu và lập dàn ý cho 2 đề bài trong SGK Tổ chức cho HS thảo luận nhóm: Nhóm 1,3:	Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	I. Cách làm một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ: 1. Tìm hiểu đề và lập dàn ý: Đề 1: Phân tích bài thơ "Cảnh

<p>-Học sinh đọc đề bài 1 trong SGK. Thảo luận nhóm ghi kết quả vào phiếu học tập, đại diện nhóm trả lời.</p> <p>Gợi ý:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Khi tìm hiểu đề, ta cần xác định những vấn đề gì? - Bài thơ ra đời trong hoàn cảnh như thế nào? - Vấn đề cần giải quyết, làm rõ trong bài viết là gì? - Phần mở bài ta cần giới thiệu những gì? - Phần thân bài ta cần làm rõ điều gì trước tiên? - Vẻ đẹp của núi rừng trong đêm trăng khuya được miêu tả qua những thủ pháp nghệ thuật nào? Gợi lên những điều gì? 		<p>khuya" của Hồ Chí Minh.</p> <p>a. Tìm hiểu đề:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Hoàn cảnh ra đời: - Yêu cầu đề bài và định hướng giải quyết:
<p>+ Từ phân tích vẻ đẹp của bức tranh phong cảnh Việt Bắc thấy được vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vẻ đẹp của thơ ca Hồ Chí Minh.</p> <p>+ Từ vẻ đẹp tâm hồn thi nhân, vị lãnh tụ tối cao của dân tộc, của cuộc kháng chiến để thấy được vẻ đẹp tâm hồn Việt Nam – sự tất thắng của cuộc kháng chiến.</p> <p>b. Lập dàn ý:</p> <p>* Mở bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới thiệu bài thơ (hoàn cảnh sáng tác) - Nhận định chung về bài thơ (Định hướng giải quyết) <p>* Thân bài:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích, chứng minh vẻ đẹp của đêm trăng khuya nơi núi 		<p>Thực hành đề 2 – SGK:</p> <p>Phân tích đoạn thơ trong bài "Việt Bắc" của Tố Hữu</p> <p>a. Tìm hiểu đề:</p>

<p>rừng Việt Bắc: + Thủ pháp so sánh: <i>Tiếng suối trong như tiếng hát xa</i>” → tiếng suối cộng hưởng với tiếng người, tiếng đời tươi trẻ, vang vọng tràn đầy niềm tin</p>		<p>- Yêu cầu kiểu đề: - Yêu cầu về nội dung:</p>
<p>nhiên <i>tiếng suối, trắng, cổ thụ, hoa</i>. + Tính hiện đại: hình tượng nhân vật trữ tình: thi sĩ - chiến sĩ, <i>lo nỗi nước nhà</i>, sự phá cách trong hai câu cuối (không tuân thủ luật đối) - Nhận định giá trị tư tưởng và nghệ thuật bài thơ: + Tư tưởng: Tình yêu thiên nhiên, đất nước sâu đậm + Nghệ thuật: cổ điển và hiện đại * Kết bài: - Sự hài hoà giữa tâm hồn nghệ sĩ và ý chí chiến sĩ: Mang cốt cách thanh cao, tấm lòng vì nước vì dân, khí chất ung dung của vị lãnh tụ - Đây là một trong những bài thơ hay của Bác Nhóm 2,4: a. Tìm hiểu đề: - Yêu cầu kiểu đề: phân tích một đoạn thơ. - Yêu cầu về nội dung: Làm rõ hai vấn đề: + Khí thế dũng mãnh và khí thế chiến thắng của quân ta trên khắp chiến trường + Nghệ thuật sử dụng ngôn ngữ độc đáo của đoạn thơ b. Lập dàn ý: * Mở bài: - Nêu hoàn cảnh sáng tác, giới thiệu khái quát bài thơ. - Nêu xuất xứ đoạn trích - Trích dẫn nguyên văn đoạn</p>		<p>- Trích dẫn nguyên văn đoạn trích * Thân bài: - Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu): + Nghệ thuật: + Nội dung: - Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau): + Nghệ thuật: + Nội dung: - Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật: c. Kết bài:</p>

<p>trích</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Phân tích khí thế dũng mãnh của cuộc kháng chiến chống thực dân Pháp ở Việt Bắc (8 câu đầu):</p> <p>+ Nghệ thuật: Sử dụng từ láy (<i>rầm rập, điệp điệp trùng trùng</i>), so sánh (<i>Đêm đêm rầm rập như là đất rung</i>), hoán dụ (<i>mũ nan</i>), cường điệu (<i>bước chân nát đá</i>), đối lập (<i>Nghìn đêm thăm thẳm sương dày ><</i></p>		
<p><i>Đèn pha bật sáng như ngày mai lên</i>)</p> <p>+ Nội dung: Khí thế chiến đấu sôi động, hào hùng với nhiều lực lượng tham gia (dân công, bộ đội, binh chủng cơ giới), hình ảnh con đường bộ đội hành quân, dân công đi tiếp viện, đoàn quân ô tô quân sự nối tiếp nhau...</p> <p>- Phân tích khí thế chiến thắng ở các chiến trường khác (4 câu sau):</p> <p>+ Nghệ thuật: Điệp từ <i>vui</i>, biện pháp liệt kê các địa danh của mọi miền đất nước</p> <p>+ Nội dung: Tin vui chiến thắng đồn dập bay về, vì Việt Bắc là thủ đô, là đầu não của cuộc kháng chiến. Niềm vui của đất nước hoà cùng Việt Bắc tạo nên bức tranh kháng chiến thắng lợi toàn diện và toàn vẹn.</p> <p>- Phân tích đặc điểm nổi bật về nghệ thuật:</p> <p>Rất điêu luyện trong việc sử dụng thể thơ lục bát</p> <p>+ Các từ láy, động từ (<i>rầm rập, rung, nát đá, lửa bay</i>), tính từ gợi tả (<i>Quân đi điệp điệp trùng trùng, Ánh sao đầu súng</i></p>		

<p><i>bạn cùng mũ nan, Dân công đỏ đuốc từng đoàn, Nghìn đêm thăm thẳm sương dày, Đèn pha bật sáng)... + Các biện pháp tu từ: so sánh, hoán dụ, cường điệu, trùng điệp... + Giọng thơ: âm vang, sôi nổi, hào hùng c. Kết bài: Đoạn thơ ngắn như thể hiện được không khí của cuộc kháng chiến chống Pháp của nhân dân ta một cách cụ thể, sinh động.</i></p>		
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ - Đặc điểm : b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa d) Tổ chức thực hiện:</p>		
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>GV đặt câu hỏi:</i> Tìm hiểu đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ - Thế nào là nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ? - Em có nhận xét gì về đối tượng nghị luận về thơ? Xuất phát từ điều này, chúng ta cần phải thao tác như thế nào khi nghị luận? - Nội dung cơ bản của một bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ ? - HS tiếp nhận nhiệm vụ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học</p>	<p><i>2. Đối tượng và nội dung của bài nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ:</i> - Đặc điểm : - Đối tượng: - Nội dung: + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ</p>	

tập + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.	
HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: - Đặc điểm : Nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ là trình bày ý kiến, nhận xét, đánh giá về nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ đó. - Đối tượng: bài thơ, đoạn thơ, hình tượng thơ... Cách làm: cần tìm hiểu từ ngữ, hình ảnh, âm thanh, nhịp điệu, cấu tứ... - Nội dung: + Giới thiệu khái quát bài thơ, đoạn thơ + Bàn luận về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ + Đánh giá chung bài thơ, đoạn thơ. + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo	

<p>luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nhóm lần lượt trình bày + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng. 	
<p>Hoạt động 4: Luyện tập</p> <p>a) Mục tiêu: hiểu được lí thuyết và vận dụng vào làm bài tập.</p> <p>b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.</p> <p>c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>GV: Chia lớp làm 4 nhóm. - Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <ul style="list-style-type: none"> + HS tiếp nhận, thảo luận cặp đôi và suy nghĩ câu trả lời + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <ul style="list-style-type: none"> + Các nhóm lần lượt trình bày + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. 	<p>GV: Chia lớp làm 4 nhóm.</p> <p>- Các nhóm thảo luận làm bài tập trong 15 phút.</p>

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=>	
Ghi kiến thức then chốt lên bảng. <i>Giáo viên nhận xét và chốt lại những ý cơ bản.</i>	
C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học. b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: ĐÁP ÁN [1]='c' [2]='d' [3]='a' d) Tổ chức thực hiện: Câu hỏi 1: Dòng nào dưới đây nêu không đúng nội dung thường có của một bài văn nghị luận về thơ? a. Giới thiệu khái quát về bài thơ, đoạn thơ. b. Bàn về những giá trị nội dung và nghệ thuật của bài thơ, đoạn thơ. c. Những sự kiện xung quanh sự ra đời của bài thơ d. Đánh giá chung về bài thơ, đoạn thơ. Câu hỏi 2: Thao tác nào dưới đây ít được sử dụng trong khi nghị luận về thơ? a. Thao tác phân tích b. Thao tác bình luận c. Thao tác chứng minh d. Thao tác bác bỏ.	
Câu hỏi 3: Trong phần mở đầu của bài nghị luận về một bài thơ, cần phải đạt được yêu cầu gì? a. Giới thiệu một cách khái quát về bài thơ, đoạn thơ b. Trình bày được hoàn cảnh ra đời của bài thơ, đoạn thơ c. Nêu đánh giá của mình về bài thơ, đoạn thơ. d. Chỉ ra thành công nghệ thuật của mình về bài thơ, đoạn thơ. - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.	

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

Tìm hiểu đề

1. Dạng đề : Phân tích một bài thơ.

2. Yêu cầu của đề:

-Yêu cầu về nội dung : Làm rõ nội dung, nghệ thuật của bài thơ.

-Yêu cầu về thao tác : Phân tích là thao tác chính, cần kết hợp các thao tác khác như:

chứng minh, bình luận, so sánh...

-Yêu cầu về tư liệu : Tư liệu chính là những câu thơ trong bài thơ đã cho, tư liệu có liên quan để bổ sung cho ý phân tích.

-

Lập dàn ý

I. Mở bài : Giới thiệu tác giả Hồ Xuân Hương, dẫn vào bài thơ “Tự tình” (II).
Nêu vấn đề: Bài thơ có giá trị sâu sắc về nội dung và nghệ thuật, trích bài thơ.

II. Thân bài :

1. Khái quát : Nêu xuất xứ, thể loại, hoàn cảnh sáng tác, bố cục bài thơ, nội dung chính của bài thơ.

2. Phân tích nội dung, nghệ thuật bài thơ : Các ý chính cần phân tích

a. Hai câu đề :

* Phân tích:

-Câu 1: Khắc họa thời gian nghệ thuật : “đêm khuya”; từ láy “văng vẳng”; nghệ thuật lấy động tả tĩnh.

-Câu 2 : Đảo ngữ nhấn mạnh từ “trơ”; kết hợp từ độc đáo “cái hồng nhan”; đối lập cái cá nhân nhỏ bé với cái rộng lớn (“cái hồng nhan” đối với “nước non”).

* Làm rõ : Bối cảnh không gian, thời gian và tâm trạng cô đơn, buồn tủi, bế bång về duyên phận của nhân vật trữ tình.

b. Hai câu thực :

* Phân tích : Phép đối (câu 3 với câu 4); cụm từ “say lại tỉnh”; nghệ thuật tả cảnh ngụ tình (sự tương quan giữa hình ảnh vầng trăng và thân phận nữ sĩ).

* Làm rõ : Gọi lên hình ảnh người phụ nữ trong đêm khuya vắng lặng với bao xót xa, cay đắng, với nỗi chán chường, đau đớn, ê chề.

c. Hai câu luận:

* Phân tích : Phép đối (câu 5 với câu 6); phép đảo; động từ mạnh (“xiên ngang”, “đâm toạc”); nghệ thuật tả cảnh ngụ tình.

* Làm rõ : cảnh thiên nhiên trong cảm nhận của người mang sẵn nỗi niềm phần uất và sự bộc lộ cá tính, bản lĩnh không cam chịu, như muốn thách thức số phận của Hồ Xuân Hương.

d. Hai câu kết:

* Phân tích : Ngôn ngữ đời thường giản dị, tự nhiên; lặp từ; nghệ thuật tăng tiến.

* Làm rõ : Tâm trạng chán chường, buồn tủi mà cháy bỏng khát vọng hạnh phúc – cũng là nỗi lòng của người phụ nữ trong xã hội phong kiến xưa.

e. Nghệ thuật cả bài thơ : Sử dụng từ ngữ độc đáo, sắc nhọn; tả cảnh ngụ tình; phép đối, đảo; đưa ngôn ngữ đời thường vào thơ.

III. Kết bài:

Kết luận về nội dung, nghệ thuật và nêu ý nghĩa bài thơ.

d) Tổ chức thực hiện:

GV giao nhiệm vụ:

Phân tích bài thơ “Tự tình” (II) của nữ sĩ Hồ Xuân Hương.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao
- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Hãy trình bày các bước làm bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?
- Hãy cho biết đối tượng và nội dung của một bài văn nghị luận về một bài thơ, đoạn thơ?
- Chuẩn bị bài: *TÂY TIẾN*

Tuần 7

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết 19, 20

RÈN LUYỆN KỸ NĂNG MỞ BÀI, KẾT BÀI TRONG BÀI VĂN NGHỊ LUẬN

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

Nêu thông tin về tác giả, sự nghiệp sáng tác

Lý giải được mối quan hệ/ ảnh hưởng của hoàn cảnh lịch sử với cuộc đời và sự nghiệp sáng tác của tác giả

- Bức tranh thiên nhiên hùng vĩ, dữ dội nhưng mỹ lệ, trữ tình và hình ảnh người lính Tây Tiến với vẻ đẹp hào hùng, hào hoa.

- Bút pháp lãng mạn đặc sắc, ngôn từ giàu tính tạo hình.

2. Năng lực:

+ Năng lực thu thập thông tin liên quan đến văn bản.

+ Năng lực giải quyết những tình huống đặt ra trong văn bản.

+ Năng lực đọc – hiểu thơ hiện đại Việt Nam theo đặc điểm thể loại.

- + Năng lực trình bày suy nghĩ, cảm nhận của cá nhân về ý nghĩa của văn bản.
 - + Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về nội dung và nghệ thuật của văn bản.
- 3. Phẩm chất:** Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Chân dung nhà thơ Quang Dũng, Hình ảnh về đoàn quân Tây Tiến, bài hát Tây Tiến (Nhạc Phạm Duy)...
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu về tác giả, tác phẩm Tây Tiến bằng cách cho HS:

Xem chân dung Quang Dũng

Xem một đoạn bài hát Tây Tiến (nhạc Phạm Duy), bài hát Đồng chí (thơ Chính Hữu)

- HS thực hiện nhiệm vụ:

- HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài*: Thơ kháng chiến chống Pháp

1946-1954 đã để lại thành tựu xuất sắc về nội dung và nghệ thuật, đặc biệt là đề tài người lính. Bên cạnh bài Đồng chí của nhà thơ Chính Hữu mà các em đã học trong chương trình Ngữ văn 9, ta thấy còn có một bài thơ rất thành công với cảm hứng lãng mạn và tinh thần bi tráng. Đó là bài thơ *Tây tiến* của Quang Dũng. Để thấy rõ hơn những điều đó, chúng ta cùng nhau tìm hiểu bài học hôm nay.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC

Hoạt động 1: Hướng dẫn HS tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu chung về tác giả và tác phẩm

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS

DỰ KIẾN SẢN PHẨM

Bước 1: chuyển giao nhiệm vụ

* GV đặt câu hỏi:

I. Tìm hiểu chung:

1. Tác giả:

<p>- Dựa vào phần tiểu dẫn, hãy nêu những nét khái quát về nhà thơ Quang Dũng và bài thơ Tây Tiến?</p> <p>- GV gọi HS đọc diễn cảm bài thơ chú ý âm hưởng, sắc thái tình cảm, cảm xúc từng đoạn.</p> <p>- Yêu cầu lớp theo dõi câu hỏi 1(SGK), tìm hiểu ý chính từng đoạn và mạch liên kết trong bài thơ?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK.</p> <p>+ HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>-Thành lập năm 1947, Quang Dũng là đại đội trưởng.</p> <p>-Nhiệm vụ : Phối hợp với bộ đội Lào bảo vệ biên giới Việt – Lào.</p> <p>-Địa bàn : Đồi núi Tây Bắc Bộ Việt Nam và Thượng Lào.</p>	<p>- Tên thật : Bùi Đình Diệm (1921 – 1988).</p> <p>-Quê hương: Phụng Trĩ - Đan Phượng – Hà Tây.</p> <p>-Cuộc đời :</p> <p>+ Là người đa tài: Làm thơ, viết văn, vẽ tranh ...</p> <p>+ Được biết nhiều với tư cách là nhà thơ.</p> <p>+ Phong cách sáng tác: vừa hồn nhiên vừa tinh tế, lãng mạn và hào hoa.</p> <p>- Sáng tác chính: <i>Mây đầu ô</i> (1968), <i>Thơ văn Quang Dũng</i> (1988)</p> <p>2. <i>Văn bản</i>:</p> <p>a. <i>Hoàn cảnh sáng tác</i> :</p> <p>-Trích tác phẩm “<i>Mây đầu ô</i>”.</p> <p>-Viết vào năm 1948 ở Phù Lưu Chanh (Hà Tây), khi Ông đã chuyển sang đơn vị khác và nhớ về đơn vị cũ là đoàn quân Tây Tiến.</p> <p>- Đặc điểm đoàn quân Tây Tiến</p> <p>b. <i>Bố cục</i> :</p> <p>- Phần 1: → Nhớ con đường hành quân trên cái nền thiên nhiên Tây Bắc hùng vĩ.</p>
---	--

<p>-Thành phần : Sinh viên, học sinh, dân lao động thành thị thuộc mọi ngành nghề khác nhau.</p> <p>-Điều kiện sống :Gian khổ, thiếu thốn.</p> <p>-Tinh thần: Hào hùng, lãng mạn – lạc quan, yêu đời.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng</p>	<p>- Phần 2: → Nhớ kỉ niệm ám áp tình quân dân và cảnh sông nước miền tây thơ mộng.</p> <p>- Phần 3: → Nhớ hình tượng người lính Tây Tiến</p> <p>- Phần 4: → Tấm lòng và sự gắn bó với Tây Tiến.</p>
<p>Hoạt động 2: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản/ Tìm hiểu nổi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được kĩ năng viết phần kết bài</p> <p>b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chốt lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV gọi HS đọc bài</p>	<p>II. Đọc-hiểu:</p> <p>1. Đoạn 1 : Nổi nhớ về những chặng đường hành quân của bộ</p>

<p>Yêu cầu giọng đọc: hùng tráng và tình cảm, chậm và đánh xen với mềm mại, dịu dàng, tùy theo từng đoạn, từng câu. Chú ý ngắt nhịp đúng một số câu độc đáo. Ví dụ: Dốc lên khúc khuỷu, dốc thăm thẳm; Ngàn thước lên cao, ngàn thước xuống, Sông Mã gầm lên / khúc độc hành...</p> <p>- GV yêu cầu: Đọc đoạn 1 của bài thơ và nêu câu hỏi: <i>Bức tranh thiên nhiên và hình ảnh đoàn quân Tây Tiến hiện ra như thế nào ở đoạn mở đầu?</i></p> <p>- GV Gọi mở cho HS phân tích làm rõ giá trị nghệ thuật đặc sắc của đoạn thơ</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p>	<p>đội Tây Tiến và khung cảnh núi rừng miền Tây.</p> <p>a. Hai câu thơ mở đầu:</p> <p>“ Sông Mã xa rồi Tây Tiến ơi! Nhớ về rừng núi nhớ chơi vơi...”</p> <p>- Hình ảnh “Sông Mã” như gợi thức nỗi nhớ ủa về trong tâm hồn nhà thơ.</p> <p>- Nhớ “Chơi vơi” (2 thanh bằng, nhẹ, lan toả, không hình không khối)</p> <p>b. Bức tranh thiên nhiên miền Tây vừa hùng vĩ, hiểm trở , hoang vu, nghiệt ngã vừa độc đáo thú vị:</p> <p>- Cảnh vật hiện ra hùng vĩ, hiểm trở (Mở ra trong nhiều chiều không gian, thời gian)</p> <p>+ Nhiều tên đất lạ lẫm, gọi 1 vùng xa xôi, hẻo lánh:</p> <p>+ Nhiều đèo dốc hiểm trở:</p> <p>“ Dốc mưa xa khơi...”</p> <p>=> Sử dụng từ láy giàu chất tạo hình, gợi tả, gợi cảm, những câu thơ toàn thanh trắc ...=> Một bức tranh hoành tráng với tất cả sự</p>
--	--

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=>
Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

GV bổ sung:

(Từ láy: Khúc khuỷu, thăm thẳm, heo hút đều tả độ cao theo hướng nhìn lên trong cuộc hành trình. Khổ thơ là một bằng chứng về “Thi trung hữu họa”-> Gọi tả mặt dốc lồi lõm, nhấp nhô, khúc khuỷu, càng lên cao càng dựng đứng hun hút, thăm thẳm như lên đến đỉnh trời, chót vót chênh vênh giữa mây trời, như sắp chạm đến đỉnh trời!-> Gọi bao nỗi vất vả nhọc nhằn nhưng cũng không kém phần thú vị, tinh nghịch)

(Tác giả tả thực về sự hi sinh mất mát: Gọi cảm giác cái chết như lặn vào bức tranh chung của những gian khổ nhọc nhằn. Người chiến sĩ như đột ngột dừng chân trong cuộc hành trình của đơn vị. Câu thơ gọi một kí ức buồn trên những chặng đường hành quân của bộ đội TT)

hiểm trở và dữ dội, hoang vu và heo hút của núi rừng miền Tây

+ Nhiều vẻ hoang dại, bí ẩn, khắc nghiệt: Với mưa rừng, “Sương lấp đoàn quân mỏi”, “Thác gầm thét”, “Cọp trêu người.”

- Hình ảnh đoàn quân Tây Tiến trong đoạn thơ :

+ Đó là những chiến sĩ anh hùng bất khuất không quản ngại vượt qua bao chặng đường gian khổ , bao nhiêu hi sinh mất mát lớn lao:

“ *Anh bạn dãi dầu không bước nữa
Gục lên súng mũ bỏ quên đời...* ”

=> Nổi bật chất bi tráng

+ Nhưng đó còn là những chàng trai hào hoa lãng mạn tinh nghịch với bao hăm hở khám phá, chinh phục.

- Hai câu kết đoạn thơ : “ *Nhớ ôi...nếp xôi* ”=> Gọi không khí đầm ấm tình quân dân, như xua đi bao mệt mỏi của cuộc hành trình,tạo cảm giác êm dịu, ấm áp, chuẩn bị tâm thế cho đoạn sau

Hoạt động 3: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản/ Tìm hiểu nổi nhớ về tình kỉ niệm quân dân

a) **Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn thơ

b) **Nội dung:** Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.

c) **Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa

d) **Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

- GV nêu vấn đề: Đoạn thơ thứ 2 mở ra một thế giới thiên nhiên và con người khác với đoạn 1. Hãy phân tích làm rõ?

- GV cho HS thảo luận nhóm, gọi đại diện trả lời.

- GV theo dõi, gợi mở, định hướng giúp các em cảm thụ được giá trị đoạn thơ.

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

2. Nhớ về tình kỉ niệm quân dân:

* **4 câu đầu:** Gợi nhớ lại đêm liên hoan văn nghệ của đơn vị.

- “*bừng*”: bừng tỉnh, bừng sáng: cả doanh trại bừng dậy, qua rồi cuộc sống gian khổ. Đó còn là sự bừng sáng của tâm hồn.

- “*hội đuốc hoa*”:

→ đêm liên hoan văn nghệ như một ngày hội.

→ đuốc hoa :hoa chúc (T.Hán)

:tiệc cưới→ Đêm liên hoan văn nghệ qua cái nhìn trẻ trung, tình nghịch, yêu đời của người lính như một tiệc cưới.

- **Những cô gái Thái:**

<p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV bổ sung: Những cô gái Thái: dáng điệu e ấp, tình tứ trong bộ xiêm áo uốn lượn → như cô dâu trong tiệc cưới, là nhân vật trung tâm, là linh hồn của đêm văn nghệ.</p> <p>- Những người lính:</p> <p>+ <i>Kìa em</i>: ngờ ngàng, ngạc nhiên cả sự hân hoan, vui sướng trước vẻ đẹp của cô gái Tây Bắc</p> <p>+ Say mê âm nhạc với vũ điệu mang màu sắc của xứ lạ → Tâm hồn lãng mạn dễ kích thích, hấp dẫn.</p>	<p>- Những người lính:</p> <p>=> Bằng những nét bút mềm mại, tinh tế, tác giả đã vẽ nên đêm liên hoan văn nghệ diễn ra trong không khí ấm áp tình người, tung bừng, nhộn nhịp có ánh sáng, màu sắc. Gọi nét lãng mạn, tình quân dân thấm thiết.</p> <p>* 4 câu sau:</p> <p>- Dòng sông đậm màu sắc cổ tích, huyền thoại nổi bật lên dáng hình mềm mại của cô gái Thái trên chiếc thuyền độc mộc. Và như hoà hợp với con người, những bông hoa rừng cũng "<i>đong đưa</i>" làm duyên trên dòng nước lũ.</p> <p>- Nghệ thuật: lấy vật dòng → câu thơ trở nên mềm mại, uyển chuyển, níu kéo nhau.</p> <p>→ Thiên nhiên và con người như hoà vào nhau tạo thành bức tranh hữu tình.</p> <p>* Tóm lại: Bốn câu thơ đầu ngân nga như tiếng hát, như nhạc điệu cất lên từ tâm hồn ngây ngất, say</p>
---	---

mê của những người lính. Trong đoạn thơ sau, chất thơ và chất nhạc hoà quyện với nhau đến mức khó tách biệt.

HẾT TIẾT I

Hoạt động 4: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản/ Tìm hiểu chân dung người lính Tây Tiến

- a) Mục tiêu:** HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa đoạn thơ.
- b) Nội dung:** HS sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi.
- c) Sản phẩm:** Tình huống truyện và ý nghĩa
- d) Tổ chức thực hiện:**

Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập

Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập

+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.

+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.

Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận

+ Các nhóm lần lượt trình bày

Kết quả mong đợi:

*** Nhóm 1,3:**

- Hình ảnh đối lập giữa vật chất và tinh thần, bên ngoài và bên trong cho ta thấy một mặt tinh trạng sức khoẻ tồi tệ của lính Tây Tiến vì sốt rét, vì thiếu đói, mặt khác càng cho thấy phẩm chất tinh thần phi thường của họ. Cách nói thậm xưng *dữ oai hùng* có phần cường điệu nhưng lại rất phù hợp với cảm hứng lãng mạn ngợi ca, phi thường hoá nhân vật trữ tình của tác giả.

-2 câu thơ tiếp theo tả tâm trạng của người lính Tây Tiến trong những đêm xa nhà, xa quê, xa nước trên đất bạn Lào.

Trong giấc mơ, trong nỗi nhớ của những

3. Chân dung người lính Tây Tiến:

a/ 4 câu đầu:

- Bên ngoài: có vẻ kì dị, lạ thường: không mọc tóc, da xanh màu lá → chiến trường khắc nghiệt vì thiếu thốn, vì bệnh sốt rét đang hoành hành. => GIAN KHỔ.

- Bên trong: dữ oai hùng, mắt trừng → thậm xưng thể hiện sự dũng mãnh. Bên ngoài thì lạ thường nhưng bên trong không hề yếu đuối, vẫn oai phong凛冽 ở tư thế “*dữ oai hùng*” => Ý CHÍ.

- Người lính Tây Tiến là những chàng trai lãng mạn, hào hoa với trái tim rạo rực, khao khát yêu đương: gởi mộng, mắt trừng => LÃNG MẠN.

* Càng gian khổ => càng căm thù => tạo thành ý chí + nhờ tâm hồn lãng mạn giúp người lính vẫn sống, vẫn tồn tại trong đạn bom khắc nghiệt.

<p>trường khắc nghiệt, thiếu thốn đến mức không có nổi một cỗ quan tài, một tấm chăn, manh chiếu bọc thi hài. Lúc sống mặc như thế nào thì lúc anh về đất đành vẹn nguyên quần áo ấy mà chôn.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.</p> <p>GV bổ sung:</p>	<p>người chiến sĩ trở thành mộ chí tôn nghiêm.</p> <p>"áo bào": cái chết sang trọng.</p> <p>- Cái bi nâng lên thành hùng tráng bởi lí tưởng của người nằm xuống. Cái chết bi hùng, có bi nhưng không lụy.</p> <p>- Sông Mã: gọi điển tích Kinh Kha→khí khái của người lính. Cái chết đậm chất sử thi bi hùng bởi tiếng gầm của sông Mã.</p> <p>* Cả đoạn thơ là cảm hứng bi tráng về cuộc đời chiến đấu gian khổ, tư tưởng lạc quan và sự hi sinh gian khổ, anh dũng của người lính.</p>
<p>Hoạt động 5: Hướng dẫn HS đọc - hiểu văn bản/ Tìm hiểu lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội, Tổng kết</p> <p>a) Mục tiêu: HS hiểu và nắm được nội dung, ý nghĩa văn bản</p> <p>b) Nội dung: Hs nắm được nội dung và ý nghĩa bài thơ</p> <p>c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p>	
<p>Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV đặt câu hỏi:</p>	<p>4. Lời thề gắn bó với Tây Tiến và đồng đội:</p>
<p>? Nhận xét âm điệu của 4 câu thơ cuối? nội dung ?</p> <p>? <i>Cảm xúc của tác giả bộc lộ như thế nào qua bốn câu thơ cuối ?</i></p> <p>?Tình cảm của tác giả như thế nào?</p> <p>"Ai lên...về xuôi": <i>Kỷ niệm không thể nào quên.</i></p> <p>+ GV yêu cầu HS tổng kết</p> <p>- HS tiếp nhận câu hỏi</p> <p>Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời.</p> <p>+ GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và</p>	<p>- "Ai lên Tây Tiến mùa xuân ấy ..."=>thời điểm mơ mộng hào hùng một đi không trở lại.</p> <p>- Câu kết " Hòn về Sầm Nứa chẳng về xuôi" thể hiện tinh thần " một đi không trở lại" => Gọi không khí một thời đại ra đi kháng chiến "thà chết chứ lui" của tuổi trẻ VN trong cuộc đấu tranh giải phóng dân tộc,</p> <p>III. Tổng kết:</p> <p>1/ Nghệ thuật:</p> <p>- Cảm hứng và bút pháp lãng mạn.</p> <p>- Cách sử dụng ngôn từ đặc sắc: các từ chỉ địa danh, từ tượng</p>

<p>thảo luận</p> <p>+ Các nhóm lần lượt trình bày</p> <p>Kết quả mong đợi:</p> <p>- Bài thơ kết thúc bằng 4 câu thơ nói lời nhắn gửi mà như lời thề son sắt. Lời thề của những người lính Tây Tiến sau khi đã hoàn thành nhiệm vụ, trở về đất nước quê hương; thề với những đồng đội đã hi sinh</p>	<p>hình, từ Hán Việt,...</p> <p>- Kết hợp chất hợp và chất họa.</p> <p>2) Ý nghĩa văn bản :</p> <p>Bài thơ đã khắc họa thành công hình tượng người lính Tây Tiến trên nền cảnh núi rừng miền Tây hùng vĩ, dữ dội. Hình tượng người lính Tây Tiến mang vẻ đẹp lãng mạn, đậm chất bi tráng sẽ luôn</p>
<p>trên đất bạn, thề với lòng mình, với quá khứ hào hùng.</p> <p>-Cách nói <i>người đi không hẹn ước, hồn về Sấm Nứa chẳng về xuôi, mùa xuân chia phôi thăm thẳm, "lên Tây Tiến..."</i> chính là thể hiện tâm trạng buồn thương, luyến nhớ, băng khuâng khi nghĩ về một khoảng thời gian ăm ắp kỉ niệm, về những địa danh, về cuộc hành quân tiến về phía Tây lịch sử... giờ đây và mãi mãi suốt đời không thể nào quên.</p> <p>+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.</p> <p>Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập</p> <p>+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng</p>	<p>đồng hành trong trái tim và trí óc mỗi chúng ta.</p>
<p>C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP</p> <p>a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.</p> <p>b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi</p> <p>c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh: 1B, 2C, 3C, 4A</p> <p>d) Tổ chức thực hiện:</p> <p>Câu hỏi 1: Câu thơ : “Dốc lên khúc khuỷu dốc thăm thẳm“ ngắt nhịp thể nào là phù hợp nhất với ý thơ?</p> <p>a. Nhịp 4/1/2</p> <p>b. Nhịp 2/2/1/2</p> <p>c. Nhịp 2/2/3</p> <p>d. Nhịp 4/3</p> <p>Câu hỏi 2: Hai câu thơ “ Mắt trừng gửi mộng qua biên giới/Đêm mơ Hà Nội dáng kiều thơm”</p>	

- a. Chí khí của người lính Tây Tiến
 b. Đời sống tình cảm của lính Tây Tiến
c. Cái chí và cái tình của người lính
 d. Lòng căm thù quân giặc và nỗi buồn nhớ về Hà Nội
- Câu hỏi 3:** Dòng nào chưa nói đúng về nội dung chính ở đoạn thơ thứ 3 của bài Tây Tiến ?
- a. Ngoại hình và đời sống nội tâm của người lính
 b. Cái tình và cái chí của người lính
c. Sự giằng xé giữa lí tưởng cao đẹp và tình cảm sâu nặng của người lính
 d. Sự hi sinh kiêu hùng của người lính
- Câu hỏi 4:** Dòng nào không đúng nói về nội dung bốn câu thơ cuối đoạn ba của bài thơ Tây Tiến ?
- a. Nói về cái cốt cách đa tình của người lính Tây Tiến**
 b. Thể hiện lí tưởng sống cao đẹp của người lính
 c. Diễn tả sự hi sinh cao cả , lẫm liệt của người lính
 d. Khẳng định sự bất tử của người lính đã hi sinh.
- d/ Phần kết bài thiên về tổng kết, đánh giá vấn đề
 - HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
 - GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Vẻ đẹp của hình tượng người lính Tây Tiến : Hào hùng , hào hoa.
- Cảm hứng lãng mạn và chất bi tráng của bài thơ.
- Chuẩn bị bài: Nghị luận về một ý kiến bàn về văn học.

Tuần

Ngày soạn: / /

Ngày dạy: / /

Tiết:

NGHỊ LUẬN VỀ MỘT Ý KIẾN BÀN VỀ VĂN HỌC

I. MỤC TIÊU

1. Kiến thức:

- Nắm được khái niệm kiểu bài văn nghị luận về một ý kiến bàn về văn học;
- Xác định đúng vấn đề cần nghị luận trong văn bản nghị luận về một ý kiến bàn về văn học
- Mục đích, yêu cầu của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học
- Cách thức triển khai bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học

2. Năng lực:

- Năng lực thu thập thông tin liên quan đến các kiểu bài nghị luận văn học

- Năng lực hợp tác khi trao đổi, thảo luận về các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực phân tích, so sánh điểm giống nhau và khác nhau giữa các kiểu bài nghị luận văn học
- Năng lực tạo lập văn bản nghị luận văn học.

3. Phẩm chất: Giúp học sinh rèn luyện bản thân phát triển các phẩm chất tốt đẹp như yêu nước, nhân ái, chăm chỉ, trung thực, trách nhiệm.

II. THIẾT BỊ DẠY HỌC VÀ HỌC LIỆU

1. Chuẩn bị của giáo viên:

- Giáo án
- Phiếu bài tập, trả lời câu hỏi
- Bảng phân công nhiệm vụ cho học sinh hoạt động trên lớp
- Bảng giao nhiệm vụ học tập cho học sinh ở nhà

2. Chuẩn bị của học sinh:

- Đọc trước ngữ liệu trong SGK để trả lời câu hỏi tìm hiểu bài
- Các sản phẩm thực hiện nhiệm vụ học tập ở nhà (do giáo viên giao từ tiết trước)
- Đồ dùng học tập

III. TIẾN TRÌNH BÀI DẠY

A. HOẠT ĐỘNG KHỞI ĐỘNG

a) Mục tiêu: Tạo hứng thú cho HS, thu hút HS sẵn sàng thực hiện nhiệm vụ học tập của mình. HS khắc sâu kiến thức nội dung bài học.

b) Nội dung: GV chiếu một số hình ảnh, HS xem và trả lời câu hỏi.

c) Sản phẩm: Nhận thức và thái độ học tập của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

- GV giao nhiệm vụ:

- **GV yêu cầu HS trả lời một số câu hỏi trắc nghiệm:** GV hướng dẫn học sinh tìm hiểu bài bằng cách so sánh 2 đề bài sau

1. Đề bài: Cảm nhận của em về bài thơ Tây Tiến (Quang Dũng)

2. Có ý kiến cho rằng thành công của bài thơ Tây Tiến là thể hiện cảm hứng lãng mạn. Hãy bình luận.

- **HS thực hiện nhiệm vụ:**

- **HS báo cáo kết quả thực hiện nhiệm vụ:** đề 1: chủ yếu cảm nhận nội dung và nghệ thuật bài thơ. Đề 2: chủ yếu bình luận cảm hứng lãng mạn của bài thơ.

Từ đó, giáo viên giới thiệu *Vào bài:* Như vậy, cùng ngữ liệu là bài thơ Tây Tiến nhưng yêu cầu của đề lại khác nhau nên cách làm bài cũng khác nhau. Với đề 2, chúng ta sẽ tìm hiểu dạng bài nghị luận về 1 ý kiến bàn về văn học.

B. HOẠT ĐỘNG HÌNH THÀNH KIẾN THỨC**Hoạt động 1: Tìm hiểu đề**

a) **Mục tiêu:** Tìm hiểu hiểu đề và lập dàn ý.

b) **Nội dung:** GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) **Sản phẩm:** Câu trả lời của HS.

d) **Tổ chức thực hiện:**

HOẠT ĐỘNG CỦA GV - HS	DỰ KIẾN SẢN PHẨM
<p>“Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ, lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân, tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài.” Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào?</p> <p>Bước 2: HS trao đổi thảo luận, thực hiện nhiệm vụ</p> <p>+ HS đọc nhanh <i>Tiểu dẫn</i>, SGK. + HS lần lượt trả lời từng câu.</p> <p>Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận</p> <p>+ HS trình bày sản phẩm thảo luận</p> <p>HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi:</p> <p>+ Nhóm 1, 3 : Tìm hiểu đề 1, lập dàn ý</p> <p>1. <i>Tìm hiểu đề:</i></p> <p>- Tìm hiểu nghĩa của các từ : + <i>Phong phú, đa dạng:</i> có nhiều tác phẩm với nhiều hình thức thể loại khác nhau + <i>Chủ lưu:</i> dòng chính (bộ phận chính), khác với phụ lưu, chi lưu + <i>Quán thông kim cổ:</i> thông suốt từ xưa đến nay. - Tìm hiểu ý nghĩa của câu: + Văn học VN rất đa dạng, phong phú + Văn học yêu nước là chủ lưu - Thao tác: Giải thích, bình luận, chứng minh... - Phạm vi tư liệu: Các tác phẩm tiêu biểu có nội dung yêu nước của VHVN qua các thời kỳ.</p>	<p>2. <i>Lập dàn ý:</i></p> <p>* Mở bài: * Thân bài: - Giải thích ý nghĩa của câu nói: - Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói: * Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.</p> <p>2. <i>Tìm hiểu đề 2:</i></p> <p>* Thể loại: * b. Nội dung: - Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. + <i>Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ:</i> + <i>Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân:</i></p>

2. Lập dàn ý:

* Mở bài: Giới thiệu câu nói của Đặng Thai Mai

* Thân bài:

- Giải thích ý nghĩa của câu nói:

+ Văn học Việt Nam rất phong phú và đa dạng (Đa dạng về số lượng tác phẩm, đa dạng về thể loại, đa dạng về phong cách tác giả).

+ Văn học yêu nước là một chủ lưu, xuyên suốt.

- Bình luận, chứng minh về ý nghĩa câu nói:

+ Đây là một ý kiến hoàn toàn đúng

+ Văn học yêu nước là chủ lưu xuyên suốt lịch sử VH Việt Nam: Văn học trung đại ; Văn học cận – hiện đại.

+ Nguyên nhân:

●Đời sống tư tưởng con người Việt Nam phong phú đa dạng

●Do hoàn cảnh đặc biệt của lịch sử VN thường xuyên phải chiến đấu chống ngoại xâm để bảo vệ đất nước.

+ Nêu và phân tích một số dẫn chứng: *Nam quốc sơn hà, Cáo bình Ngô, Văn tế nghĩa sĩ Cần Giuộc, Tuyên ngôn độc lập ...*

* Kết bài: Khẳng định giá trị của ý kiến trên.

- Giúp đọc hiểu hoàn cảnh lịch sử và đặc điểm văn học dân tộc.

- Biết ơn, khắc sâu công lao của cha ông trong cuộc đấu tranh bảo vệ đất nước.

- Giữ gìn, yêu mến, học tập những tác phẩm văn học có nội dung yêu nước của mọi thời đại.

* Nhóm 2,4

* Thể loại: Nghị luận (giải thích – bình luận) một ý kiến bàn về văn học.

* b. Nội dung:

- Tìm hiểu nghĩa của các hình ảnh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.

+ *Tuổi trẻ đọc sách như nhìn trăng qua kẽ*: chỉ hiểu trong phạm vi hẹp

+ *Lớn tuổi đọc sách như ngắm trăng ngoài sân*: khi kinh nghiệm, vốn sống nhiều hơn theo thời gian thì tầm nhìn được mở rộng hơn khi đọc sách.

+ *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*: Theo thời gian, con người càng giàu vốn sống, kinh nghiệm và vốn văn hóa thì khả năng am hiểu khi đọc sách sâu hơn, rộng hơn.

+ *Tuổi già đọc sách như thưởng trăng trên đài*:

- Tìm hiểu nghĩa của câu nói:

Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm... càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn.

* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống.

2. Lập dàn ý:

* Mở bài:

* Thân bài:

- Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường.

- Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề:

- Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề:

* Kết bài:

<p>- Tìm hiểu nghĩa của câu nói: Càng lớn tuổi, có vốn sống, vốn văn hoá và kinh nghiệm... càng nhiều thì đọc sách càng hiệu quả hơn.</p> <p>* Phạm vi tư liệu: Thực tế cuộc sống</p> <p>2. <i>Lập dàn ý:</i></p> <p>* Mở bài: Giới thiệu ý kiến của Lâm Ngữ Đường.</p> <p>* Thân bài:</p> <p>- Giải thích hàm ý của ba hình ảnh so sánh ẩn dụ trong ý kiến của Lâm Ngữ Đường. Khả năng tiếp nhận khi đọc sách (tác phẩm văn học) tùy thuộc vào điều kiện, trình độ, và năng lực chủ quan của người đọc.</p>	
<p>- Bình luận và chứng minh những khía cạnh đúng của vấn đề: + Đọc sách tùy thuộc vào vốn sống, vốn văn hóa, kinh nghiệm, tâm lý, của người đọc.</p> <p>- Bình luận và bổ sung những khía cạnh chưa đúng của vấn đề: + Không phải ai từng trải cũng hiểu sâu sắc tác phẩm khi đọc. Ngược lại, có những người trẻ tuổi nhưng vẫn hiểu sâu sắc tác phẩm (do tự nâng cao vốn sống, trình độ văn hóa, trình độ lý luận, ham học hỏi,...) + Ví dụ: Những bài luận đạt giải cao của các học sinh giỏi về tác phẩm văn học (tự học, ham đọc, sưu tầm sách, nâng cao kiến thức).</p> <p>* Kết bài: Tác dụng, giá trị của ý kiến trên đối với người đọc:</p> <p>- Muốn đọc sách tốt, tự trang bị sự hiểu biết về nhiều mặt</p> <p>- Đọc sách phải biết suy ngẫm, tra cứu.</p> <p>+ Ví dụ: Đọc <i>Truyện Kiều</i> của Nguyễn Du:</p> <ul style="list-style-type: none"> • Tuổi thanh niên: Có thể xem là câu chuyện về số phận đau khổ của con người. • Lớn hơn: Hiểu sâu hơn về giá trị hiện thực và nhân đạo của tác phẩm, hiểu được ý nghĩa xã hội to lớn của <i>Truyện Kiều</i> <p>*Người lớn tuổi: Cảm nhận thêm về ý nghĩa triết học của <i>Truyện Kiều</i>.</p> <p>+ GV gọi hs nhận xét, bổ sung câu trả lời của bạn.</p>	

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ + GV nhận xét, bổ sung, chốt lại kiến thức => Ghi lên bảng	
Hoạt động 2: Hướng dẫn học sinh tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này. a) Mục tiêu: HS hiểu được cách tìm hiểu về đối tượng nghị luận về một ý kiến bàn về văn học và cách làm kiểu bài này. b) Nội dung: Hs sử dụng sgk, chất lọc kiến thức để tiến hành trả lời câu hỏi. c) Sản phẩm: Tình huống truyện và ý nghĩa d) Tổ chức thực hiện:	
Bước 1: GV chuyển giao nhiệm vụ học tập <i>GV đặt câu hỏi: Từ các đề bài và kết quả thảo luận trên, đối tượng của bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học là gì?</i> Bước 2: HS thảo luận, thực hiện nhiệm vụ học tập + HS tiếp nhận, thảo luận nhóm và suy nghĩ câu trả lời. HS trả lời cá nhân với kết quả mong đợi: 1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng: về văn học	II. Bài học: 1. Đối tượng của một bài nghị luận về một ý kiến bàn về văn học rất đa dạng 2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào: + Giải thích + Chứng minh + Bình luận
lịch sử, về lí luận văn học, về tác phẩm văn học... 2. Cách làm: Tùy từng đề để vận dụng thao tác một cách hợp lí nhưng thường tập trung vào: + Giải thích + Chứng minh + Bình luận + GV quan sát, hướng dẫn, hỗ trợ khi HS cần. Bước 3: Báo cáo kết quả hoạt động và thảo luận + Các nhóm lần lượt trình bày + GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần. Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập + GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.	

Hoạt động 2: Luyện tập

a) Mục tiêu: hiểu được đặc điểm về thái độ của người kể chuyện và ý nghĩa lời trữ tình ngoại đề ở cuối truyện.

b) Nội dung: GV yêu cầu HS vận dụng sgk, kiến thức để thực hiện hoạt động cá nhân.

c) Sản phẩm: Câu trả lời của HS.

d) Tổ chức thực hiện:

+Thạch Lam không tán thành quan điểm văn học thoát li thực tế: Thế giới dối trá và tàn ác

+Khẳng định giá trị cải tạo xã hội và giá trị giáo dục của văn học

c.Phạm vi tư liệu:

-Tác phẩm Thạch Lam

-Những tác phẩm văn học tiêu biểu khác.

2. Lập dàn ý:

a. Mở bài:

- Giới thiệu tác giả Thạch Lam.

- Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.

b.Thân bài:

- Giải thích về ý nghĩa câu nói: Thạch Lam nêu lên chức năng to lớn và cao cả của văn học.

- Bình luận và chứng minh ý kiến:

+ Đó là một quan điểm rất đúng đắn về giá trị văn học:

●Trước CM Tháng Tám: quan điểm tiên bộ.

●Ngày nay: vẫn còn nguyên giá trị.

+ Chọn và phân tích một số dẫn chứng (Truyện Kiều, Số đỏ, Chí Phèo, Hai đứa trẻ, Nhật ký trong tù...) để chứng minh 2 nội dung:

●Tác dụng cải tạo xã hội của văn học.

●Tác dụng giáo dục con người của văn học

c: Kết bài:

- Khẳng định sự đúng đắn và tiên bộ trong quan điểm sáng tác của Thạch Lam.

- Nêu tác dụng của ý kiến trên đối với người đọc:

+Hiểu và thẩm định đúng giá trị của tác phẩm văn học.

+Trân trọng, yêu quý và giữ gìn những tác phẩm văn học tiên bộ của từng thời kỳ.

- Trích dẫn ý kiến của Thạch Lam về chức năng của văn học.

b.Thân bài:

- Giải thích về ý nghĩa câu nói:

- Bình luận và chứng minh ý kiến:

c: Kết bài:

=> Trước số phận bi thảm, trớ trêu của con người, tác giả bộc lộ sự đồng cảm và lòng nhân hậu của mình.

+ GV gọi HS khác đánh giá, nhận xét và bổ sung nếu cần.

Bước 4: Đánh giá kết quả thực hiện nhiệm vụ học tập

+ GV nhận xét, bổ sung, chốt kiến thức=> Ghi kiến thức then chốt lên bảng.

C. HOẠT ĐỘNG LUYỆN TẬP

a) Mục tiêu: củng cố kiến thức, thực hành áp dụng kiến thức vừa học.

b) Nội dung: Hs hoạt động cá nhân, trả lời câu hỏi

c) Sản phẩm: Kết quả của học sinh:

ĐÁP ÁN B

d) Tổ chức thực hiện:

Cho đề văn:

Có ý kiến cho rằng:”tâm hồn Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế. Ông nhìn ra cái đẹp ở những sự vật rất đời bình thường, từ đó làm nên những câu thơ hay, bất ngờ về cảnh vật quê hương”

Anh chị hãy làm sáng tỏ ý kiến trên

Sau đây là một số cách lập ý để triển khai đề bài trên. Anh chị thấy cách lập ý nào phù hợp nhất?

a. Dàn ý 1

1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp của thế giới xung quanh.

2. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

4. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi.

b. Dàn ý 2

1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm,rất tinh tế...

a. Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhặt bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường

2. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương .

3. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi

c. Dàn ý 3

1. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế...

a. Luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh

- b. Đặc biệt thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhất bình dị, phát hiện ra cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường
2. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương ấy càng cho ta hiểu sâu sắc hơn về đại thi hào dân tộc Nguyễn Trãi
3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương

d. Dàn ý 4

1. Thi hứng của Nguyễn Trãi còn bắt nguồn từ những cái nhỏ nhất bình dị, phát hiện cái đẹp ở những chỗ tưởng như bình thường
2. Tâm hồn thơ Nguyễn Trãi rất nhạy cảm, rất tinh tế, luôn dạt dào cảm xúc trước những vẻ đẹp, nét thơ mộng của thế giới xung quanh
3. Tâm hồn nhạy cảm tinh tế của Nguyễn Trãi đã làm nên những câu thơ hay lạ, bất ngờ về cảnh vật quê hương
4. Những vần thơ hay, lạ bất ngờ về cảnh vật quê hương

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, tiến hành suy nghĩ, thảo luận và trả lời
- GV nhận xét, đánh giá kết quả bài làm, chuẩn kiến thức.

D. HOẠT ĐỘNG VẬN DỤNG

a) Mục tiêu: Đạt những yêu cầu về kỹ năng đọc hiểu văn bản, nắm được nội dung của bài, có sự vận dụng và mở rộng kiến thức

b) Nội dung: HS làm ở nhà, nộp sản phẩm vào tiết sau

c) Sản phẩm: Kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

GV yêu cầu: Bàn về lao động nghệ thuật của nhà văn, Mác-xen Pruxut cho rằng:

“Một cuộc thám hiểm thực sự không phải ở chỗ cần một vùng đất mới mà cần một đôi mắt mới”.

Anh (chị) hiểu ý kiến trên như thế nào? Bằng hiểu biết về bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng, hãy làm rõ quan niệm nghệ thuật của Mác-xen Pruxut.

- HS tiếp nhận nhiệm vụ, về nhà tiến hành hoàn thành nhiệm vụ được giao
- GV nhận xét, đánh giá và chuẩn kiến thức bài học hôm nay.

	Nội dung
1	Giới thiệu được vấn đề nghị luận và bài thơ “Tây Tiến” của Quang Dũng.
2	Giải thích ý kiến
	- Giải thích từ ngữ + “Cuộc thám hiểm thực sự”: Quá trình lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ và đầy bản lĩnh của nhà văn để sáng tạo nên tác phẩm đích thực.

	<p>+ “<i>Vùng đất mới</i>”: Hiện thực đời sống chưa được khám phá (đề tài mới).</p> <p>+ “<i>Đôi mắt mới</i>”: Cái nhìn, cách cảm thụ con người và đời sống mới mẻ.</p> <p>→ Hàm ý câu nói: Trong quá trình sáng tạo nghệ thuật, điều cốt yếu là nhà văn phải có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo, giàu tính phát hiện về con người và đời sống.</p> <p>- Bàn luận</p> <p>+ Để tạo nên tác phẩm nghệ thuật đích thực, nhà văn phải có tài năng, tâm huyết, có bản lĩnh và phải biết lao động nghệ thuật nghiêm túc, gian khổ giống như “<i>cuộc thám hiểm thực sự</i>”. Nếu dấn thân vào “<i>vùng đất mới</i>” mà nhà văn không có cách nhìn, cách cảm thụ đời sống mới mẻ thì cũng không thể tạo nên tác phẩm nghệ thuật có giá trị đích thực.</p> <p>+ Dù viết về đề tài đã cũ nhưng bằng cái nhìn độc đáo, giàu tính khám phá, phát hiện, nhà văn vẫn thấu suốt bản chất đời sống, mang lại cho tác phẩm giá trị tư tưởng sâu sắc.</p> <p>+ Nếu nhà văn có “<i>đôi mắt mới</i>”, biết nhìn nhận con người và đời sống giàu tính khám phá, phát hiện lại tiếp cận với một “<i>vùng đất mới</i>”, thì sức sáng tạo của nhà văn và giá trị của tác phẩm càng độc đáo, càng cao. Vì thế, coi trọng vai trò quyết định của “<i>đôi mắt mới</i>” nhưng cũng không nên phủ nhận ý nghĩa của “<i>vùng đất mới</i>” trong thực tiễn sáng tác.</p> <p>+ Để có cái nhìn và cách cảm thụ độc đáo nhà văn phải bám sát vào hiện thực đời sống; trau dồi tài năng, bản lĩnh (sự tinh tế, sắc sảo...); bồi dưỡng tâm hồn (tầm lòng, tình cảm đẹp với con người và cuộc đời...); xác lập một tư tưởng, quan điểm đúng đắn, tiến bộ.</p>
4.	Phân tích, chứng minh
	<p>- Bài thơ “<i>Tây Tiến</i>” của Quang Dũng</p> <p>Khác với các thi sĩ cùng thời, khi viết về đề tài người lính (anh bộ đội Cụ Hồ) thời kỳ đầu cuộc kháng chiến chống Pháp, Quang Dũng thể hiện một cách nhìn mới, một “<i>đôi mắt mới</i>”:</p>
	<p>+ Nhà thơ không né tránh hiện thực mà nhìn thẳng vào cuộc chiến khốc liệt để làm nổi bật những hi sinh, mất mát.</p> <p>+ Con đường Tây Tiến hiện ra vừa dữ dội, hùng vĩ vừa thơ mộng, mỹ lệ một thời.</p> <p>+ Bức tượng đài người lính Tây Tiến (xuất thân từ tầng lớp trí thức Hà Nội) hào hoa, lãng mạn, đậm tinh thần bi tráng.</p> <p>- Đánh giá khái quát</p> <p>Nếu có “<i>đôi mắt mới</i>”, cách nhìn mới thì cho dù có viết về “<i>vùng đất cũ</i>” nhà văn vẫn tạo ra được những áng thơ, thiên truyện độc đáo, có giá trị, có phẩm chất và cốt cách văn học, có sức lay động lòng người, có khả năng sống mãi với thời gian.</p>
5.	Kết luận vấn đề

4. Giao bài và hướng dẫn học bài, chuẩn bị bài ở nhà.(5 phút)

Hoạt động 4: HƯỚNG DẪN TỰ HỌC - DẶN DÒ (5 PHÚT)

- Nắm vững phương pháp làm bài nghị luận về ý kiến bàn về văn học

- Chuẩn bị bài: Việt Bắc (Phần I: Tác giả)